

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Nguyễn Thị Hải Yến  
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Vũ Hùng Quyết**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN  
VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hải Yến  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Hùng Quyết**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Hải Yến Mã SV:1354010465  
Lớp: QT1307K Ngành: Kế Toán - Kiểm Toán  
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty  
cổ phần Mỹ Hào

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát những lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp
  - Phản ánh tình trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty. Hiểu, nắm chắc các phần hành kinh tế thuộc đề tài nghiên cứu tại đơn vị.
  - Đánh giá những ưu, nhược điểm công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty
  - Trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2012 trên các sổ sách sau:

- Sổ sách kế toán
- Báo cáo tài chính

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

..... Công ty cổ phần Mỹ Hào.....

.....  
.....

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Vũ Hùng Quyết.

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUT *Trần Hữu Nghị***

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT. ....</b>	<b>3</b>
1.1 Những vấn đề chung về kế toán NVL trong doanh nghiệp sản xuất.....	3
1.1.1 Khái niệm và vị trí của NVL trong doanh nghiệp sản xuất.....	3
1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu.....	3
1.1.3 Vai trò của NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh .....	4
1.1.4 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu .....	5
1.1.5 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất .....	6
1.1.6 Phân loại nguyên vật liệu.....	6
1.1.7 Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá thực tế.....	8
1.1.7.1 Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho .....	9
1.1.7.2 Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho .....	9
1.1.8 Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá hạch toán .....	12
1.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu .....	14
1.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng.....	14
1.2.2 Sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	14
1.2.3 Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu .....	15
1.2.3.1 Phương pháp thẻ song song .....	15
1.2.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển .....	17
1.2.3.3 Phương pháp sổ số dư.....	18
1.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	20
1.3.1 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên ..	21
1.3.1.1 Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kê khai thường xuyên.....	21
1.3.1.2 Tài khoản sử dụng .....	22
1.3.1.3 Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKTX đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ.....	23

1.3.1.4	Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKTX đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp.....	24
1.3.2	Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	25
1.3.2.1	Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kiểm kê định kỳ.....	25
1.3.2.2	Tài khoản sử dụng .....	26
1.3.2.3	Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ.....	28
1.3.2.4	Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp.....	29
1.4	Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	30
1.5	Hạch toán dự phòng giảm giá nguyên vật liệu .....	36
	<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO .....</b>	<b>38</b>
2.1	Khái quát chung về Công ty cổ phần Mỹ Hảo.....	38
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Mỹ Hảo...38	
2.1.2	Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình phát triển của doanh nghiệp .....	39
2.1.3	Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty .....	40
2.1.4	Đặc điểm tổ chức kinh doanh .....	41
2.2	Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty .....	42
2.3	Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty .....	44
2.3.1	Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	44
2.3.2	Các chính sách, chế độ kế toán được vận dụng tại công ty.....	45
2.3.2.1	Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán .....	45
2.3.2.2	Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán tại công ty.....	47



2.3.2.3	Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại công ty .....	48
2.3.2.4	Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.....	49
2.4	Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào .....	50
2.4.1	Đặc điểm của nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào.....	50
2.4.2	Phân loại nguyên vật liệu tại công ty.....	51
2.4.3	Tính giá nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào .....	52
2.4.3.1	Tính giá nguyên vật liệu nhập kho .....	52
2.4.3.2	Tính giá nguyên vật liệu xuất kho .....	53
2.4.4	Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào .....	53
2.4.4.1	Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ.....	53
2.4.4.2	Ví dụ minh họa .....	54
2.4.5	Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào .....	79
2.4.5.1	Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ.....	79
2.4.5.2	Ví dụ minh họa .....	79
2.4.6	Tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào .....	83
2.4.6.1	Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại kho.....	83
2.4.6.2	Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại phòng kế toán.....	84
2.4.7	Tổ chức hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào .....	88
2.5	Công tác kiểm kê NVL tại công ty cổ phần Mỹ Hào.....	89
2.6	Phân tích hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào.....	90
2.6.1	Hệ số quay kho NVL.....	90
2.6.2	Sức sản xuất của NVL.....	91

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

2.6.3 Sức sinh lợi NVL.....	92
2.6.4 Tốc độ chu chuyển của NVL.....	92
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO .....</b>	<b>95</b>
3.1 Sự cần thiết và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo .....	95
3.1.1 Sự cần thiết .....	95
3.1.2 Phương hướng chung để hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo .....	96
3.2 Đánh giá chung công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo .....	97
3.2.1 Ưu điểm .....	98
3.2.1.1 Về tổ chức bộ máy quản lý và bộ máy kế toán của công ty....	98
3.2.1.2 Về tổ chức chứng từ và sổ sách kế toán tại công ty .....	99
3.2.1.3 Về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu tại công ty	100
3.2.2 Nhược điểm .....	101
3.2.2.1 Về tổ chức công tác kế toán .....	101
3.2.2.2 Những nhược điểm còn tồn tại trong tổ chức kế toán nguyên vật liệu .....	101
3.3 Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo .....	102
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>111</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>113</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Bước sang thế kỷ thứ XXI xã hội loài người ngày càng phát triển thì mức độ quan tâm của con người đến hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng cao. Vì sản xuất là cơ sở để tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Như Mác nói: “Nếu sản xuất chỉ ngừng một ngày thôi thì xã hội cũng bị tiêu vong”

Trong nền sản xuất hàng hóa, để tiến hành quá trình sản xuất sản phẩm bao giờ cũng cần có ba yếu tố.

- Tư liệu lao động
- Đối tượng lao động
- Sức lao động

Trong đó nguyên vật liệu là đối tượng lao động, nên nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng trong sản xuất kinh doanh.

Trên thực tế, vấn đề không chỉ là sử dụng nguyên vật liệu mà điều quan trọng là phải sử dụng có hiệu quả tránh tình trạng cung cấp thiếu gây ngừng sản xuất hay cung cấp thừa gây ứ đọng vốn, bởi vì chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất. Do vậy việc quản lý chặt chẽ vật liệu trong quá trình thu mua, dự trữ, bảo quản, sử dụng có ý nghĩa lớn trong việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm tiết kiệm vốn. Muốn vậy phải có một chế độ quản lý thích hợp và toàn diện đối với nguyên vật liệu, từ khâu cung cấp cả về số lượng và chất lượng chủng loại, thời hạn cung cấp để đảm bảo hoạt động bình thường của quá trình sản xuất kinh doanh. Tạo hiệu quả quản lý nguyên vật liệu quyết định đến hiệu quả sử dụng vốn lưu động và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Vì vậy nhất thiết phải xây dựng chu trình quản lý nguyên vật liệu một cách khoa học, có hiệu quả nhằm nâng cao lợi nhuận.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Trong điều kiện hiện nay, cơ chế thị trường với sự cạnh tranh khốc liệt để tồn tại và phát triển được thì mỗi doanh nghiệp phải có kế hoạch chiến lược và những phương tiện công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả.

Hạch toán kế toán là một công cụ quản lý quan trọng. Nó có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành, kiểm soát các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Nếu hạch toán kế toán với chức năng là công cụ đắc lực của quản lý, cung cấp những thông tin chính xác cho quản lý thì hạch toán nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản. Một công việc hết sức cần thiết, có vị trí xứng đáng trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp.

Với lý do trên cùng thời gian học hỏi nghiên cứu tại trường và thực tiễn được thực tập tại công ty Cổ Phần Mỹ Hào, em đã chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào***”

Ngoài lời mở đầu và kết luận nội dung chính của đề tài gồm 3 chương:

**Chương I :** Cơ sở lý luận chung về hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp sản xuất.

**Chương II :** Thực trạng công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào.

**Chương III :** Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ kiến thức chưa thực sự sâu rộng nên khóa luận tốt nghiệp khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

**CHƯƠNG I :**

**CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN  
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

**1.1 Những vấn đề chung về kế toán NVL trong doanh nghiệp sản xuất.**

**1.1.1 Khái niệm và vị trí của NVL trong doanh nghiệp sản xuất**

❖ **Khái niệm:** Trong doanh nghiệp sản xuất vật liệu là đối tượng lao động - một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể sản phẩm, là tài sản dự trữ ngắn hạn của doanh nghiệp. Vật liệu là đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hóa như sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, bông trong doanh nghiệp dệt, con giống trong doanh nghiệp chăn nuôi... dưới sự tác động của con người.

❖ **Vị trí của nguyên vật liệu trong sản xuất:**

Trong quá trình sản xuất, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí chế tạo ra sản phẩm, do đó vật liệu không chỉ quyết định đến mặt số lượng mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra. Xuất phát từ tầm quan trọng trên, việc giảm chi phí nguyên vật liệu, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất trong mỗi đơn vị sản phẩm là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của quá trình sản xuất kinh doanh. Điều đó sẽ làm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp, đồng thời với một lượng chi phí vật liệu không đổi có thể làm ra được nhiều sản phẩm, tức là hiệu quả đồng vốn được nâng cao.

**1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu có các đặc điểm sau:

+ Khác với tư liệu lao động, trong quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh, vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định. Chu kỳ sản xuất là khoảng thời gian từ khi đưa nguyên vật liệu vào sản xuất cho đến khi

chế tạo xong, kiểm tra và nhập kho thành phẩm. Chu kỳ sản xuất có thể tính cho từng chi tiết, bộ phận sản phẩm hay sản phẩm hoàn chỉnh.

+ Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của sức lao động, chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất sản phẩm.

+ Toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần vào giá trị sản phẩm mới tạo ra. Toàn bộ giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho sản xuất được phản ánh vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, cuối kỳ được kết chuyển để tính giá thành cho sản phẩm tạo ra.

+ Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, nhận vốn góp liên doanh, vốn góp của các thành viên tham gia công ty,.. trong đó chủ yếu là do doanh nghiệp mua ngoài.

### **1.1.3 Vai trò của nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu là một yếu tố trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm. Do vậy chất lượng của nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu được đảm bảo đầy đủ về số lượng, chất lượng, chủng loại, có tác động rất lớn đến chất lượng sản phẩm. Vì vậy đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu sản xuất còn là một biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nguyên vật liệu liên quan trực tiếp tới kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, là đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó cung ứng nguyên vật liệu kịp thời với giá cả hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Xét cả về mặt hiện vật lẫn mặt giá trị, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu trong bất kỳ quá trình sản xuất nào, là một bộ phận quan trọng của tài sản lưu động. Chính vì vậy quản lý nguyên vật liệu chính là quản lý vốn sản xuất kinh doanh và tài sản của doanh nghiệp.

### 1.1.4 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

NVL là tài sản dự trữ phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh, thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp. Để hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường, các doanh nghiệp sản xuất phải thường xuyên mua NVL và xuất dùng cho sản xuất. Mỗi loại sản phẩm được sản xuất từ nhiều loại vật liệu khác nhau, được nhập từ nhiều nguồn và giá cả của vật liệu thường xuyên biến động trên thị trường. Bởi vậy để tăng cường công tác quản lý, NVL phải được theo dõi chặt chẽ từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ đến khâu sử dụng.

+*Trong khâu thu mua:* Đòi hỏi phải quản lý về số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí thu mua và cả tiến độ thời gian thu mua phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất tạo sản phẩm và các nhu cầu khác của doanh nghiệp.

+*Trong khâu bảo quản dự trữ:* Doanh nghiệp phải tổ chức tốt kho tàng bền bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản, xác định mức dự trữ tối thiểu, tối đa cho từng loại nguyên vật liệu để giảm bớt hư hỏng, hao hụt mất mát, đảm bảo an toàn. Giữ được chất lượng của NVL sao cho NVL luôn cung ứng kịp thời cho sản xuất với chi phí tồn kho thấp nhất. Đồng thời cần có những cảnh báo kịp thời khi có những dấu hiệu báo động, trong trường hợp NVL vượt quá định mức tối đa, tối thiểu để có những điều chỉnh hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+*Trong khâu sử dụng:* Đòi hỏi phải theo dõi tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu trên cơ sở xác định mức tiêu hao, dự toán chi phí, tiến độ sản xuất nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Vì vậy trong khâu này cần tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Như vậy, quản lý nguyên vật liệu là một trong những nội dung quan trọng và cần thiết của công tác quản lý sản xuất, quản lý giá thành sản phẩm.

### 1.1.5 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Nếu như công tác hạch toán nói chung là công cụ của công tác quản lý kinh tế tài chính thì hạch toán kế toán NVL là công cụ đặc lực của công tác quản lý NVL. Kế toán NVL có đầy đủ, chính xác, kịp thời hay không, có ảnh hưởng lớn đến tình hình quản lý vật liệu của doanh nghiệp. Để thực hiện chức năng của mình trong phạm vi quản lý vật liệu, theo điều lệ tổ chức công tác kế toán nhà nước, kế toán vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất có các nhiệm vụ :

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, bảo quản tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu, tính giá thực tế của vật liệu đã mua và nhập kho xí nghiệp, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua NVL về mặt số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn,...nhằm đảm bảo cung cấp, đầy đủ, kịp thời đúng chủng loại vật liệu cho quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp, phục vụ cho việc thu nhận hệ thống hóa, tổng hợp và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và sự biến động.

- Kiểm tra, giám sát việc bằng đồng tiền kế hoạch thu mua, sử dụng vật tư cho sản xuất kinh doanh. Qua đó phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham ô, lãng phí vật tư, và hành vi vi phạm chế độ kế toán tài chính.

### 1.1.6 Phân loại nguyên vật liệu

Trong doanh nghiệp sản xuất để tiến hành sản xuất phải sử dụng nhiều loại NVL khác nhau, mỗi loại vật liệu có vai trò và công dụng tính năng lý hóa khác nhau đối với quá trình sản xuất. Vì vậy để quản lý tốt cần phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu. Phân loại vật liệu dựa theo những tiêu thức sau:

#### ❖ Căn cứ vào công dụng của NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- *Nguyên vật liệu chính:* là đối tượng lao động chính trong quá trình sản xuất kinh doanh, là cơ sở vật chất chủ yếu để cấu thành lên thực thể của sản phẩm như bông trong nhà máy sợi, sắt, thép trong doanh nghiệp chế tạo máy...



hay với các sản phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục sản xuất sản phẩm .

- *Nguyên vật liệu phụ*: là những vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để hoàn thiện nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm. Vật liệu phụ cũng được sử dụng để giúp cho máy móc, thiết bị và các công cụ lao động hoạt động bình thường. Vật liệu phụ còn được sử dụng cho nhu cầu kỹ thuật và quản lý (ví dụ: dầu nhờn, keo, hồ, ....)

- *Nhiên liệu*: Là những vật liệu dùng để cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như xăng dầu, hơi đốt, than...

- *Phụ tùng thay thế*: Là các chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa và thay thế cho máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải,....

- *Vật liệu và thiết bị XD CB*: Bao gồm các vật liệu và thiết bị mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.

- *Phế liệu*: là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản có thể sử dụng hay bán ra ngoài( vải vụn, sắt,...)

- *Vật liệu khác*: Bao gồm các loại vật liệu ngoài các vật liệu kể trên

Việc phân chia này giúp cho doanh nghiệp tổ chức các tài khoản chi tiết, dễ dàng hơn trong quản lý hạch toán vật liệu. Ngoài ra còn giúp doanh nghiệp nhận biết rõ nội dung kinh tế và vai trò chức năng của từng loại vật liệu trong quá trình SXKD từ đó đề ra các biện pháp thích hợp quản lý và sử dụng NVL

### ❖ Căn cứ vào chức năng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất

- *Nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất*: Là các loại NVL tiêu hao trong quá trình sản xuất sản phẩm, gồm có:

+ Nguyên vật liệu trực tiếp: Là các loại vật liệu tiêu hao trực tiếp trong quá trình sản xuất sản phẩm.

+ Nguyên vật liệu gián tiếp: Là các loại vật liệu tiêu hao gián tiếp trong quá trình phục vụ sản xuất ( thường là chi phí dầu mỡ bảo dưỡng máy móc thiết bị )

+ Nguyên vật liệu sử dụng cho bán hàng

+ Nguyên vật liệu sử dụng cho quản lý

### ❖ Căn cứ vào nguồn hình thành

- Nguyên vật liệu mua ngoài: Là những nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất kinh doanh được doanh nghiệp mua ngoài thị trường.
- Nguyên vật liệu tự sản xuất: Là những vật liệu do doanh nghiệp tự chế biến hay thuê ngoài chế biến gia công để sử dụng cho sản xuất ở giai đoạn sau.
- Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh, liên kết, biếu tặng, cấp phát.
- Nguyên vật liệu được hình thành từ nguồn khác: nhận viện trợ từ các tổ chức, cá nhân, phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định,....

Ý nghĩa của cách phân loại này tạo tiền đề cho quản lý và sử dụng riêng cho từng loại vật liệu, từng nguồn nhập khác nhau. Trên cơ sở đó mới đánh giá được hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### ❖ Căn cứ vào quyền sở hữu

- Nguyên vật liệu thuộc sở hữu của doanh nghiệp: gồm các loại NVL do doanh nghiệp tự sản xuất, mua ngoài đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.
- Nguyên vật liệu không thuộc sở hữu của doanh nghiệp: gồm các nguyên vật liệu nhận gia công chế biến hay nhận giữ hộ.

#### 1.1.7 Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá thực tế

Để phục vụ công tác quản lý, hạch toán NVL phải thực hiện việc đánh giá vật liệu. Đánh giá nguyên vật liệu là dùng tiền để biểu thị giá trị của nguyên vật liệu theo nguyên tắc nhất định. Theo chuẩn mực 02-Hàng tồn kho thì vật liệu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau: *nguyên tắc giá gốc, nguyên tắc nhất quán và nguyên tắc thận trọng*

Kế toán nhập, xuất, tồn kho NVL phải phản ánh theo giá trị thực tế (giá gốc). Tuy nhiên không ít các doanh nghiệp để giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể dùng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập, xuất NVL. Song dù đánh giá theo giá hạch toán, kế toán vẫn phải đảm bảo việc phản ánh tình hình nhập, xuất NVL trên các sổ kế toán tổng hợp, báo cáo kế toán theo giá thực tế.

### 1.1.7.1 Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên tắc xác định giá trị của nguyên vật liệu nhập kho, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế ( giá gốc). Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó.

$$\text{Giá thực tế} = \frac{\text{Chi phí mua NVL}}{\text{NVL}} + \frac{\text{Chi phí chế biến NVL}}{\text{NVL}} + \text{Chi phí liên quan trực tiếp khác để có được NVL}$$

#### a. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn mua ngoài

$$\text{Giá thực tế} = \frac{\text{Giá thu mua ghi trên hóa đơn( bao gồm cả thuế NK nếu có)}}{\text{NVL}} + \frac{\text{Chi phí thu mua thực tế phát}}{\text{NVL}} + \frac{\text{Các khoản thuế không được hoàn lại}}{\text{NVL}} - \frac{\text{CKTM, giảm giá hàng hóa mua được}}{\text{NVL}}$$

#### b. Với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến nhập kho

$$\text{Giá thực tế} = \text{Trị giá thực tế của vật liệu gia công, chế biến} + \text{Các khoản chi phí để gia công, chế biến phát sinh}$$

#### c. Với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến

$$\text{Giá thực tế} = \text{Trị giá vật liệu xuất gia công, chế biến} + \text{Chi phí giao nhận} + \text{Tiền gia công}$$

d. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn nhận góp vốn: Giá trị được các bên tham gia góp vốn, đánh giá và chấp nhận.

e. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn viện trợ, tặng thưởng: giá trị thực tế tính theo giá thị trường tương đương.

f. Với phế liệu thu hồi nhập kho: là giá ước tính thực tế có thể sử dụng được hay bán được.

### 1.7.1.2 Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho

Giá thực tế NVL xuất kho được tính theo một trong các phương pháp sau:

#### a. Phương pháp bình quân gia quyền:

➤ *Giá bình quân cả kỳ dự trữ ( bình quân gia quyền):* phương pháp này tính giá VL xuất dùng theo giá thành bình quân cả kỳ dự trữ, cách tính như sau:

$$\text{Giá thực tế vật liệu xuất dùng trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng vật liệu xuất dùng}}{\text{Số lượng vật liệu xuất dùng}} \times \text{Đơn giá xuất kho bình quân}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Trong đó:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn ĐK} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Công việc tính giá lại chỉ thực hiện vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến độ chính xác và kịp thời của thông tin kế toán

➤ *Phương pháp tính giá thành bình quân sau mỗi lần nhập*

Theo phương pháp này sau mỗi lần nhập kho, đơn giá vật liệu xuất kho được tính lại cho từng danh điểm vật liệu như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho sau lần nhập } i = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên đáp ứng được yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán nhưng đòi hỏi nhiều thời gian và công sức tính toán.

➤ *Phương pháp đơn giá bình quân cuối kỳ trước*

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá thực tế VL tồn kho đầu kỳ (cuối kỳ trước)}}{\text{Số lượng VL tồn kho đầu kỳ (cuối kỳ trước)}}$$

Phương pháp này mặc dù tính toán đơn giản và kịp thời cung cấp cho tình hình biến động vật liệu xuất dùng trong kỳ. Tuy nhiên không chính xác vì không tính đến sự biến động giá vật liệu trong kỳ.

➔ *Tóm lại:* tùy theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho mà áp dụng phương pháp đơn giá bình quân cho phù hợp. Nếu doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì tính theo đơn giá bình quân cuối kỳ trước. Nếu doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có thể tính theo đơn giá bình quân cuối kỳ, đơn giá bình

quân liên hoàn.

### ***b. Giá thực tế đích danh:***

Giá thực tế đích danh được dùng trong những doanh nghiệp sử dụng NVL có giá trị lớn, ít chủng loại, sử dụng ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được, có điều kiện quản lý, bảo quản riêng theo từng lô trong kho.

**Ưu điểm** của phương pháp này là xác định được ngay giá trị nguyên vật liệu khi xuất kho. Theo phương pháp này nguyên vật liệu xuất kho của lô hàng nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đấy để tính. Đây là phương án tốt, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh theo đúng giá trị thực tế của nó.

**Nhược điểm:** Đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ, theo dõi từng lô vật liệu xuất, nhập kho. Phương pháp này không thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng nhiều loại vật liệu có giá trị nhỏ và có nhiều nghiệp vụ xuất, nhập kho.

### ***c. Phương pháp nhập trước xuất trước (First In First Out –FIFO)***

Phương pháp này giả định những vật liệu nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lô hàng xuất. Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng ít loại vật liệu, số lần nhập xuất kho ít. Giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

**Ưu điểm:** Phương pháp này giúp chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán. Trị giá vốn hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

**Nhược điểm:** Doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại sẽ được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng

mặt hàng nhiều, phát sinh nhập, xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

### ***d. Phương pháp nhập sau xuất trước (Last In First Out – LIFO)***

Phương pháp này giả thiết ngược lại với phương pháp trên là số lô hàng nhập sau sẽ được xuất dùng trước. Giá thực tế vật liệu xuất kho được tính hết theo giá nhập kho lần sau cùng, sau đó mới tính đến giá nhập lần trước. Phương pháp này thích hợp với trường hợp lạm phát.

**Ưu điểm:** Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Những khoản doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Với xu hướng giá cả trên thị trường ngày càng tăng thì việc áp dụng phương pháp này giúp cho doanh nghiệp hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất về vốn, do mức dự trữ bình quân nguyên vật liệu cuối kỳ thường thấp.

**Nhược điểm:** phải theo dõi được vật tư theo từng lần nhập, tính toán phức tạp, đối với vật tư có biến động giá mạnh mà hàng tồn kho nhiều thì đơn giá tồn kho sẽ chênh lệch lớn với đơn giá vật tư theo giá thị trường hiện tại.

### **1.1.8 Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá hạch toán**

Đối với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại NVL nhập xuất thường xuyên. Hàng ngày giá vật liệu lại biến động thường xuyên, thông tin về giá không kịp thời. Nếu áp dụng giá thực tế để phản ánh chi tiết thường xuyên hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu thì công việc kế toán trở nên phức tạp, tốn sức và có khi không thực hiện được. Vì vậy cần thiết phải sử dụng giá hạch toán để phản ánh chi tiết thường xuyên hàng ngày tình hình nhập, xuất.

Giá hạch toán là giá tạm tính được sử dụng ổn định thống nhất trong thời gian dài, giá hạch toán được tạm dùng để ghi chép tính giá vật liệu xuất kho. Đây chỉ là giải pháp kỹ thuật của hạch toán dùng để theo dõi số lượng, chất lượng, và chủng loại của vật liệu xuất kho. Giá hạch toán không có ý nghĩa trong thanh toán và trong hạch toán tổng hợp vật liệu. Để xác định giá thành thực tế của vật liệu, cuối kỳ kế toán phải đổi giá trị vật liệu từ giá hạch toán

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

sang giá thực tế. Giá hạch toán thường được xác định bằng cách lấy giá vật liệu bình quân kỳ trước hoặc giá kế hoạch của vật liệu, trình tự tính giá hạch toán như sau:

**Bước 1:** Hàng ngày khi nhập xuất kho vật liệu, kế toán ghi theo giá hạch toán cho từng vật liệu theo công thức:

$$\text{Giá hạch toán vật liệu nhập (xuất) kho} = \frac{\text{Số lượng vật liệu nhập (xuất) kho}}{\text{Đơn giá hạch toán}}$$

**Bước 2:** Cuối kỳ xác định hệ số điều chỉnh giá cho từng thứ (nhóm) VL

$$\text{Hệ số giá} = \frac{\text{Giá thực tế VL tồn ĐK} + \text{Giá thực tế VL nhập trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán VL tồn ĐK} + \text{Giá hạch toán VL nhập trong kỳ}}$$

**Bước 3:** Tính giá thực tế từng loại vật liệu xuất kho theo hệ số giá tính được ở bước 2 và điều chỉnh theo số chênh lệch

$$\text{Giá thực tế VL xuất kho trong kỳ} = \text{Giá hạch toán vật liệu xuất kho trong kỳ} \times \text{Hệ số giá}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế cần điều chỉnh} &= \text{Giá thực tế xuất kho} \times \text{Giá hạch toán xuất kho} \\ &= \text{Giá hạch toán xuất kho} \times (\text{hệ số giá} - 1) \end{aligned}$$

Căn cứ vào giá điều chỉnh tính được, kế toán ghi bổ sung hoặc giảm giá hạch toán đã ghi trong kỳ bằng bút toán phù hợp.

**Ưu điểm:** phương pháp này cho phép kết hợp chặt chẽ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp trong công tác tính giá, nên công việc tính giá được tiến hành nhanh chóng do chỉ phải theo dõi biến động của hàng với cùng một mức giá, đến cuối kỳ mới điều chỉnh và không bị phụ thuộc vào số lượng danh điểm hàng, số lần nhập, xuất của mỗi loại nhiều hay ít.

**Nhược điểm:** tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, giá thực tế của hàng nhập kho luôn biến động phụ thuộc vào các yếu tố thị trường, các chính sách điều tiết vi mô và vĩ mô, cho nên việc sử dụng giá hạch toán cố định trong suốt kỳ kế toán là không còn phù hợp nữa.

### 1.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Mỗi loại nguyên vật liệu có vai trò nhất định với quy trình sản xuất. Sự thiếu hụt một loại vật liệu sẽ làm cho quá trình sản xuất bị ngừng trệ. Việc hạch toán và cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin về tình trạng, sự biến động của từng vật liệu là yêu cầu đặt ra đối với kế toán chi tiết vật liệu. Đáp ứng được các yêu cầu này sẽ giúp cho công việc quản lý và sử dụng vật liệu đạt hiệu quả cao. Hạch toán chi tiết vật liệu được thực hiện ở kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập xuất kho.

#### 1.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng bộ tài chính vào ngày 20/03/2006 gồm:

- Phiếu nhập kho ( Mẫu 01 VT)
- Phiếu xuất kho ( Mẫu 02 VT)
- Bảng phân bổ vật liệu, công cụ dụng cụ ( Mẫu 07 VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa ( Mẫu 05 VT )
- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01GTGT) nếu nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu 02GTGT) nếu nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

Các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải được lập kịp thời, đầy đủ, theo đúng quy định nhà nước về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

#### 1.2.2 Sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Tùy thuộc vào phương pháp kế toán chi tiết mà DN áp dụng các sổ chi tiết:

- Thẻ kho (Sổ kho)
- Sổ chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Bảng tổng hợp chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Sổ đối chiếu luân chuyển
- Sổ số dư



Ngoài ra còn sử dụng các bảng kê nhập, xuất, các bảng lũy kế tổng hợp nhập, xuất, tồn kho NVL phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết được đơn giản nhanh chóng và kịp thời.

### 1.2.3 Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Do đặc điểm trong các doanh nghiệp sản xuất, NVL thường có nhiều chủng loại khác biệt. Tuy nhiên thiếu một NVL cũng có thể gây ngừng sản xuất, vì vậy hạch toán NVL phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng danh điểm nguyên vật liệu. Hiện nay có 3 phương pháp hạch toán chi tiết NVL

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mỗi phương pháp đều có những ưu, nhược điểm và phạm vi áp dụng riêng nhưng đều nhằm mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn NVL về số lượng về giá trị ở kho và phòng kế toán.

#### 1.2.3.1 Phương pháp thẻ song song

\* *Điều kiện áp dụng:*

- Doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư hàng hóa
- Các nghiệp vụ nhập xuất ít, không thường xuyên
- Trình độ nghiệp vụ nhân viên kế toán còn hạn chế

\* *Nguyên tắc mở sổ:*

- Sổ kho (thẻ kho) do kế toán lập và giao thủ kho theo dõi về mặt hiện vật.
- Sổ chi tiết mở theo thẻ kho để dễ theo dõi số lượng và giá trị.

\* *Trình tự ghi sổ:*

➤ Ở kho: Hàng ngày khi nhận chứng từ nhập-xuất NVL, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi sổ thực nhập, thực xuất, tính ra số tồn kho để ghi vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

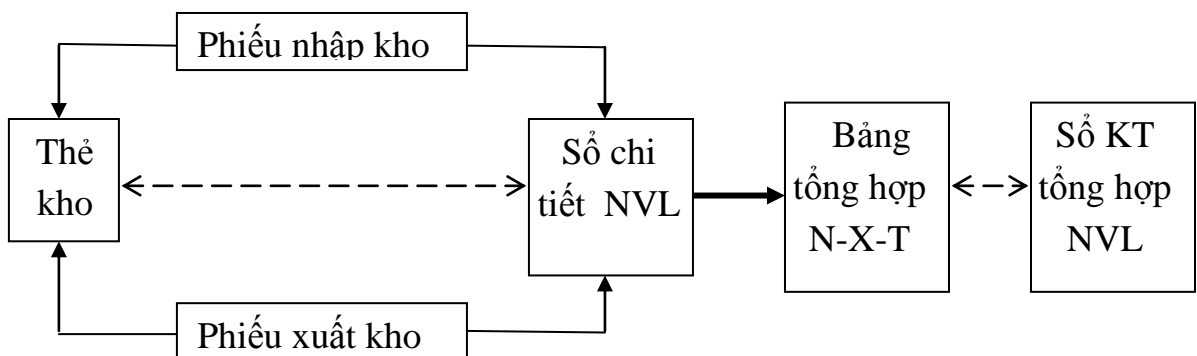
từng loại nguyên vật liệu. Đối với phiếu xuất vật tư theo hạn mức, sau mỗi lần xuất thủ kho phải ghi số thực xuất vào thẻ kho mà không đợi đến khi kết thúc chứng từ mới ghi một lần. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn kho trên thẻ kho với số liệu thực tế còn lại ở kho để đảm bảo sổ sách và hiện vật luôn khớp nhau. Định kỳ thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất đã được phân loại theo từng NVL cho phòng kế toán.

➤ Ở phòng kế toán:

Kế toán phải mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL cho từng danh điểm vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL để ghi chép tình hình nhập, xuất tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về cơ bản sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu giống như thẻ kho, nhưng có thêm các cột ghi chép chỉ tiêu hiện vật và giá trị.

Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật liệu phải kiểm tra chứng từ, đối chiếu các chứng từ nhập, xuất kho với các chứng từ khác có liên quan như hóa đơn mua hàng, phiếu mua hàng,... ghi giá hạch toán và tính ra số tiền. Sau đó kế toán lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất kho vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng chi tiết vật liệu và kiểm tra, đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra, để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp cần phải tổng hợp số liệu kế toán chi tiết từ các sổ kế toán chi tiết vào bảng tổng hợp

**Sơ đồ 1: Hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ghi chú:  $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày  $\longleftarrow\text{---}\longrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra  
 $\longrightarrow$  Ghi cuối tháng

\* *Ưu điểm:* Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu phát hiện sai sót trong số liệu, đảm bảo sự chính xác của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị hàng tồn kho.

\* *Nhược điểm:* Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán.

### 1.2.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

\* *Điều kiện áp dụng:*

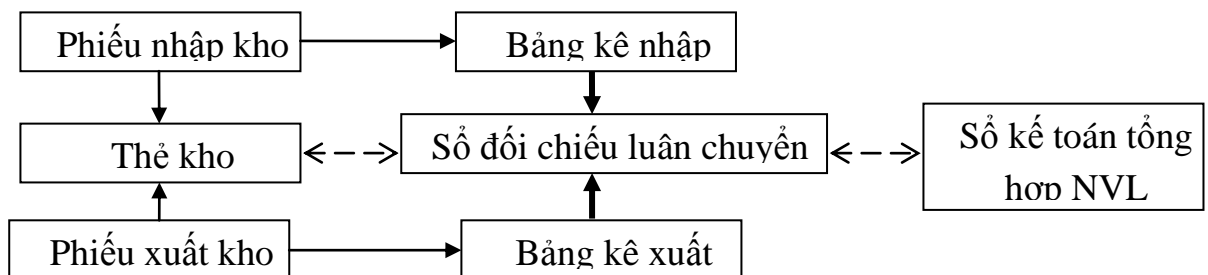
Thích hợp với doanh nghiệp không có nhiều nghiệp vụ nhập xuất, không bố trí riêng nhân viên kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

\* *Trình tự ghi sổ:*

➤ *Ở kho:* Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

➤ *Ở phòng kế toán:* Kế toán tiến hành kiểm tra và mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn về số lượng và giá trị của từng danh điểm vật liệu trong kho. Trên sổ đối chiếu luân chuyển kế toán ghi một lần vào cuối tháng sự thay đổi của từng danh điểm vật liệu. Để có số liệu ghi vào sổ luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất định kỳ do thủ kho chuyển tới. Cuối tháng tiến hành kiểm tra, đối chiếu số lượng vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với số lượng vật liệu trên thẻ kho, đối chiếu với kế toán tổng hợp.

**Sơ đồ 2: Hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Ghi chú:  $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày       $\leftarrow - - \rightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra  
 $\longrightarrow$  Ghi cuối tháng

\* *Ưu điểm:* Phương pháp này đơn giản dễ làm, giảm nhẹ khối lượng công việc ghi chép của kế toán so với phương pháp thẻ song song.

\* *Nhược điểm:*

- Việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng.
- Việc kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng vì vậy hạn chế tác dụng kiểm tra.
- Theo yêu cầu cung cấp thông tin nhanh phục vụ quản trị hàng tồn kho thì các doanh nghiệp không nên sử dụng phương pháp này, vì muốn lập báo cáo nhanh hàng tồn kho cần phải dựa vào số liệu trên thẻ kho. Số liệu giữa kho và phòng kế toán không tiến hành trong tháng do kế toán không ghi sổ.
- Công việc ghi chép sổ, kiểm tra đối chiếu dồn vào cuối kỳ, nên trong trường hợp số lượng chứng từ khá nhiều các loại NVL thì công việc kiểm tra đối chiếu sẽ gặp khó khăn, ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

### 1.2.3.3 Phương pháp sổ số dư

Phương pháp này là một cải tiến căn bản trong việc tổ chức hạch toán chi tiết NVL. Đặc điểm nổi bật của phương pháp này là kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho với việc ghi chép của phòng kế toán và trên cơ sở đó ở kho chỉ hạch toán về số lượng và ở phòng kế toán chỉ hạch toán về giá trị của NVL, xóa bỏ được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, tạo điều kiện kiểm tra thường xuyên, đảm bảo số liệu kế toán chính xác, kịp thời.

\* *Điều kiện áp dụng:*

Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp có nhiều danh điểm NVL, nghiệp vụ nhập, xuất nhiều, thường xuyên. Nhiều chủng loại NVL và với điều kiện doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán nhập, xuất. Ngoài ra đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng được hệ thống danh điểm NVL, trình độ

chuyên môn cao, nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

\* *Trình tự ghi sổ:*

➤ Ở kho:

Hạch toán nguyên vật liệu tại kho do thủ kho thực hiện trên các thẻ kho như các phương pháp trên. Hàng ngày hoặc định kỳ theo quy định của doanh nghiệp, sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho vật liệu phát sinh theo từng vật liệu quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu.

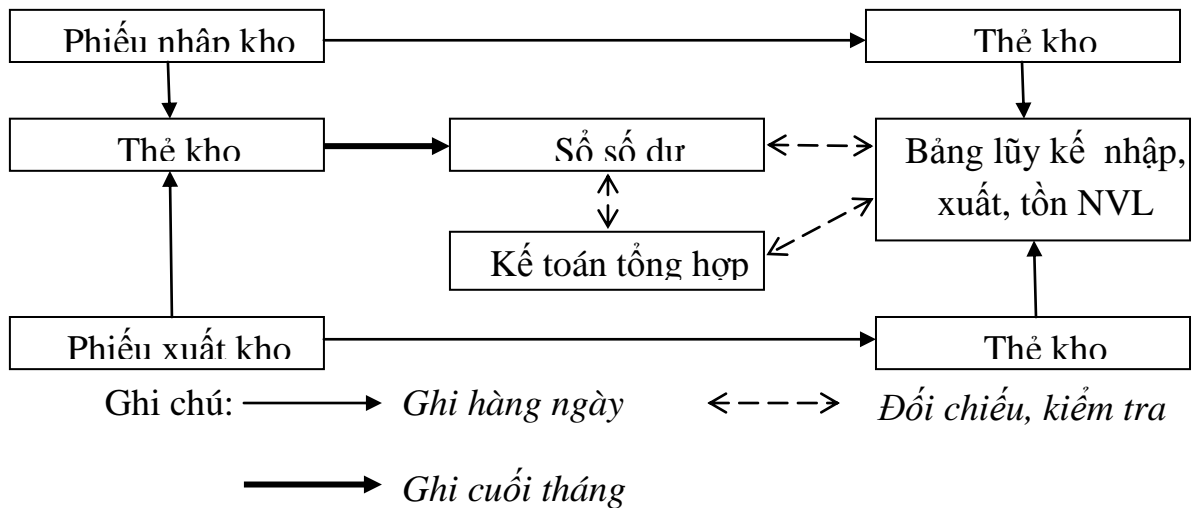
Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư do kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày cuối tháng, kế toán giao sổ số dư cho thủ kho ghi số lượng vật liệu tồn kho căn cứ vào các thẻ kho. Ghi xong thủ kho phải chuyển sổ về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

➤ Ở phòng kế toán:

Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn, kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ, nhân viên kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ, cộng tổng số tiền ghi vào cột số tiền của phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ nhập xuất vật liệu.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu. Cuối tháng khi nhận được sổ số dư thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào sổ tồn kho cuối tháng do thủ kho tính ghi ở sổ số dư và đơn giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư. Việc kiểm tra đối chiếu được căn cứ vào số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn (cột số tiền) và số liệu kế toán tổng hợp.

**Sơ đồ 3: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư**



❖ *Ưu điểm:* Tránh được ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép tính toán của kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng. Thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên của kế toán với nhập xuất NVL hàng ngày.

❖ *Nhược điểm:*

- Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị, nên muốn biết số hiện có và tình hình tăng giảm của từng thứ vật liệu về mặt hiện vật nhiều khi phải xem số liệu trên thẻ kho.
- Việc kiểm tra sai sót nhầm lẫn giữa phòng kế toán và kho gặp khó khăn.

### 1.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập, xuất kho thường xuyên, tuy nhiên tùy theo đặc điểm nguyên vật liệu của từng doanh nghiệp có các phương thức kiểm kê khác nhau. Theo chế độ kế toán hiện hành có 2 phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

- Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm kê định kỳ

Mỗi phương pháp có đặc điểm và cách hạch toán khác nhau thích hợp với từng doanh nghiệp cụ thể khác nhau. Có nhược điểm khác nhau, công tác

kế toán doanh nghiệp cần phải nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thích hợp.

### 1.3.1 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

#### 1.3.1.1 Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kê khai thường xuyên.

➤ **Khái niệm:** Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi, phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình xuất nhập, tồn kho vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán. Do vậy giá trị vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán có thể xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

➤ **Đặc điểm:**

- Mọi tình hình biến động tăng giảm (nhập, xuất) và số hiện có của vật tư, hàng hóa đều được phản ánh trên các tài khoản phản ánh hàng tồn kho (TK 151,152,153,156,157)

- Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu kiểm kê thực tế vật tư hàng hóa tồn kho với số lượng vật tư hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán.

- Tính giá vốn xuất kho căn cứ vào các chứng từ xuất kho và phương pháp tính giá áp dụng:

Giá thực tế xuất = Số lượng xuất x Đơn giá tính cho hàng xuất

➤ **Ưu điểm:** phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật, theo phương pháp này tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

➤ **Nhược điểm:** tăng khối lượng ghi chép hàng ngày, tốn nhiều công sức tính toán, gây áp lực cho người làm công tác kế toán. Tuy nhiên nhược điểm này được khắc phục khi doanh nghiệp tin học hóa công tác kế toán.

➤ **Điều kiện áp dụng:** Thích hợp với DN sản xuất và thương mại kinh doanh mặt hàng có giá trị, quy mô lớn, NVL xuất theo dõi được từng lần.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.3.1.2 Tài khoản sử dụng:

❖ **TK 152 “Nguyên vật liệu”** : (được sử dụng chủ yếu) tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại NVL

Nợ	TK152	Có
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá nguyên vật liệu NK trong kỳ.</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu tự chế biến, thuê ngoài gia công.</li><li>- Nguyên vật liệu được nhận từ vốn góp liên doanh, hoặc nguồn khác.</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu sử dụng không hết NK</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá nguyên vật liệu XK để bán , thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu được giảm giá hoặc trả lại người bán</li><li>- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát khi kiểm kê.</li></ul>
	<p><b>Dư bên Nợ:</b> Trị giá nguyên vật liệu thực tế tồn kho cuối kỳ</p>	

*Tài khoản 152 có thể mở các tài khoản cấp 2 để kế toán chi tiết theo từng nhóm, thứ vật liệu tùy thuộc yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.*

❖ **TK 151: “Hàng mua đang đi đường”** tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư mua vào đã xác định là hàng mua nhưng chưa được nhập kho.

Nợ	TK 151	Có
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá hàng đã mua đang đi trên đường</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị vật tư đang đi trên đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho đối tượng sử dụng hay khách hàng.</li></ul>
	<p><b>Dư bên Nợ:</b> Trị giá vật tư đang đi đường chưa về nhập kho</p>	

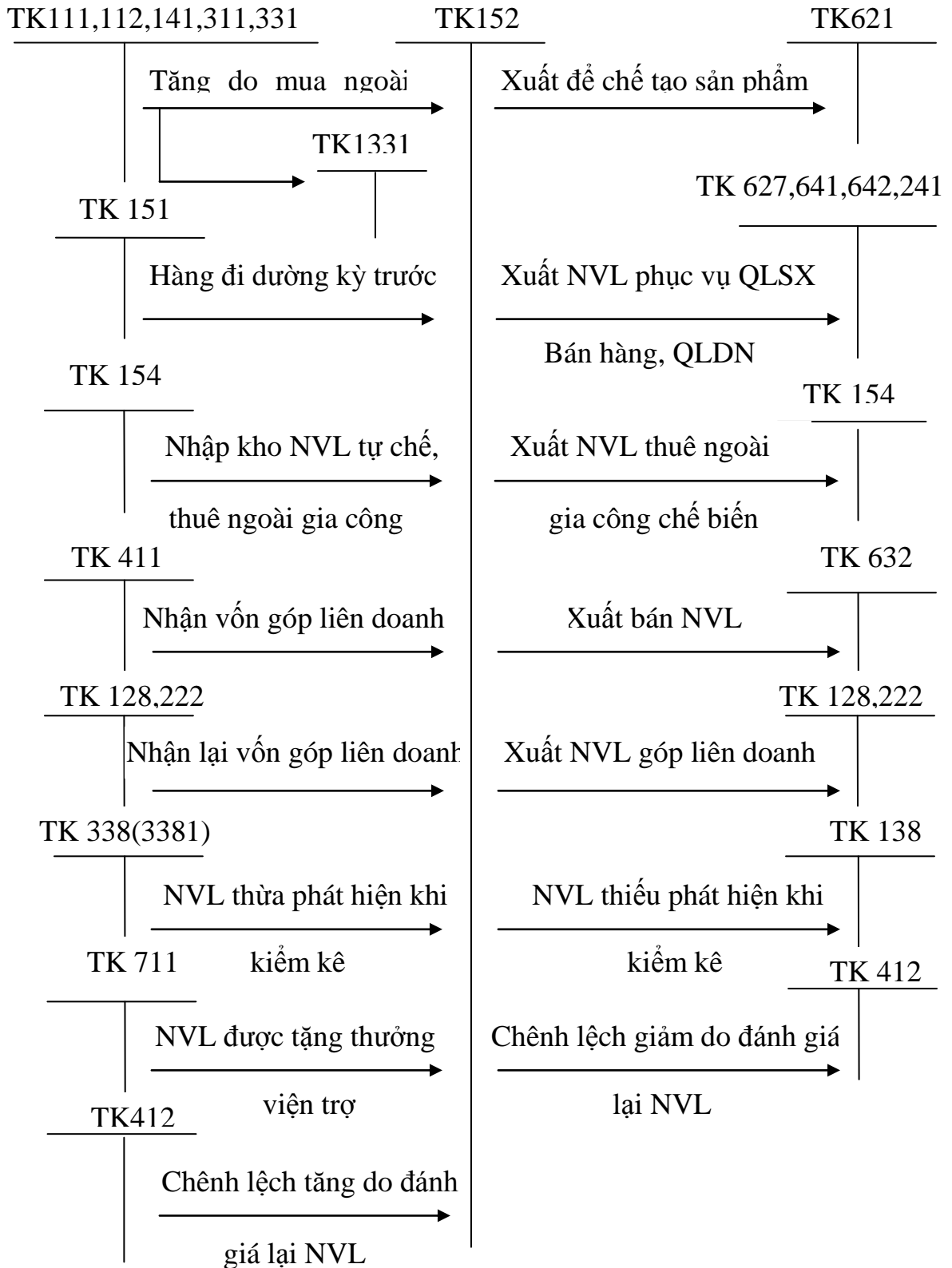
Ngoài các tài khoản trên kế toán còn sử dụng một số tài khoản sau: TK111, TK 112, TK 154, TK 133, TK 141, TK 331, TK 411, ....



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.3.1.3 Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ

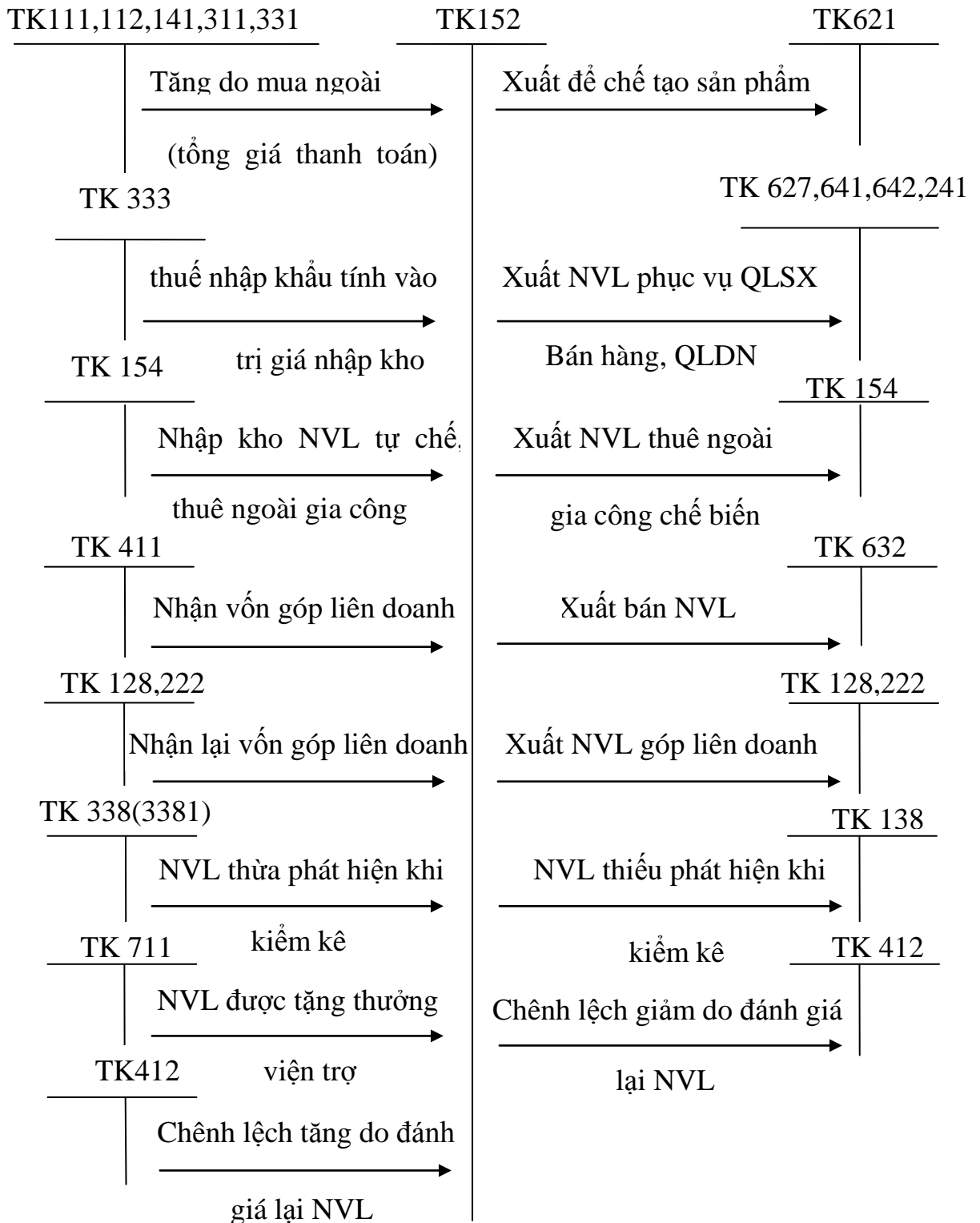
Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu thể hiện qua sơ đồ sau:



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.3.1.4 Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KCTX đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp

Quy trình hạch toán tương tự, chỉ khác phần thuế GTGT đầu vào tính vào trị giá thực tế nhập kho.



### 1.3.2 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

#### 1.3.2.1 Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kiểm kê định kỳ

➤ **Khái niệm:** Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra trị giá vật tư, hàng hóa đã xuất kho trong kỳ.

Khi áp dụng phương pháp này, nguyên vật liệu mua vào được ghi chép, phản ánh hàng ngày theo từng lần phát sinh, còn nguyên vật liệu xuất ra thì hàng ngày không ghi mà đến cuối kỳ sau khi kiểm kê xác định trị giá nguyên vật liệu còn lại kế toán mới tính và ghi một lần giá trị nguyên vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.

➤ **Đặc điểm:**

- Không theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục
- Các tài khoản phản ánh hàng tồn kho chỉ phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ và cuối kỳ.
- Phản ánh tình hình mua vào, nhập kho vật tư, hàng hóa trên **TK 611-Mua hàng**.

- Cuối kỳ tiến hành kiểm kê hàng tồn kho cuối kỳ:

Trị giá thực tế tồn kho cuối kỳ = SL tồn x Đơn giá tính cho hàng tồn kho

Trị giá thực tế xuất = 
$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & + & \text{Trị giá thực tế} & - & \text{Trị giá thực tế} \\ \text{tồn đầu kỳ} & & \text{mua, nhập vào} & & \text{tồn cuối kỳ} \\ & & \text{trong kỳ} & & \end{array}$$

➤ **Ưu điểm:** Giảm nhẹ khối lượng công việc ghi chép, hạch toán. Không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê vì số liệu kế toán luôn khớp với thực tế.

➤ **Nhược điểm:**

- Công việc kế toán dồn vào cuối kỳ

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Công việc kiểm tra không thường xuyên và liên tục trong tình hình nhập, xuất kho sẽ gây hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán trong quản lý.

- Khó phát hiện sai sót nếu khi kiểm kê hàng thực tế nhập kho không trùng với ghi sổ kế toán.

➤ **Phạm vi sử dụng:** Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sản xuất kinh doanh những mặt hàng có giá trị thấp. Sử dụng các loại nguyên vật liệu ít tiền, chủng loại phức tạp. Việc theo dõi tình hình nhập xuất không thực hiện thuận tiện, được xuất thường xuyên.

### 1.3.2.2 Tài khoản sử dụng:

❖ **TK611-mua hàng:** theo dõi tình hình thu mua tăng giảm NVL theo giá trị thực tế.

Nợ	TK 611	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê)</li><li>- Giá gốc NVL mua vào trong kỳ</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL cuối kỳ.</li><li>- Giá gốc NVL xuất sử dụng trong kỳ hoặc xuất bán, chưa xác định là đã bán trong kỳ.</li><li>- Giá gốc nguyên vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.</li></ul>	
✕		

TK 611 cuối kỳ không có số dư và thường được mở chi tiết cho từng loại vật tư, hàng hóa.

TK 611 có hai tài khoản cấp 2:

- TK 6111- *Mua nguyên vật liệu*
- TK 6112- *Mua hàng hóa*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

❖ **TK 152- NVL:** Dùng để phản ánh, đánh giá thực tế NVL tồn kho, chi tiết từng loại.

Nợ	TK 152	Có
- Giá thực tế vật liệu tồn kho cuối kỳ		- Kết chuyển giá thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ
<b>Dư CK:</b> Giá thực tế vật liệu tồn kho		

❖ **TK 151- Hàng mua đang đi đường:** dùng để phản ánh giá trị số hàng mua (đã thuộc sở hữu của đơn vị nhưng đang đi đường hay đang gửi tại kho người bán, chi tiết theo từng loại hàng, từng người bán).

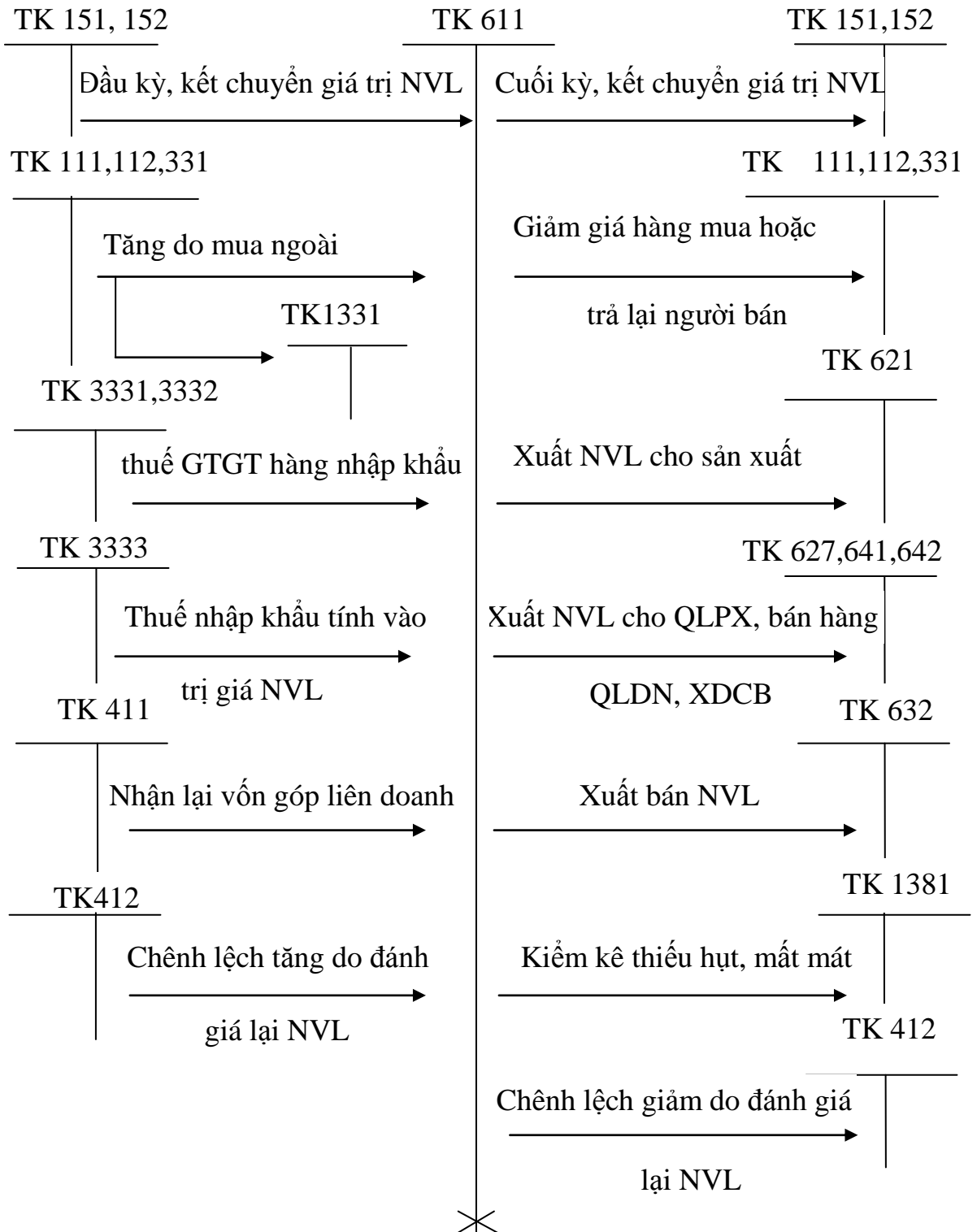
Nợ	TK 151	Có
- Giá thực tế hàng đang đi đường cuối kỳ		- Kết chuyển giá thực tế hàng đang đi đường đầu kỳ
<b>Dư CK:</b> Giá thực tế hàng đang đi đường		

Ngoài ra trong quá trình hạch toán kinh tế còn sử dụng một số tài khoản khác như: TK 133, TK 111, TK 331, TK 113,... Các tài khoản có nội dung và kết cấu giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.3.2.3 Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ.

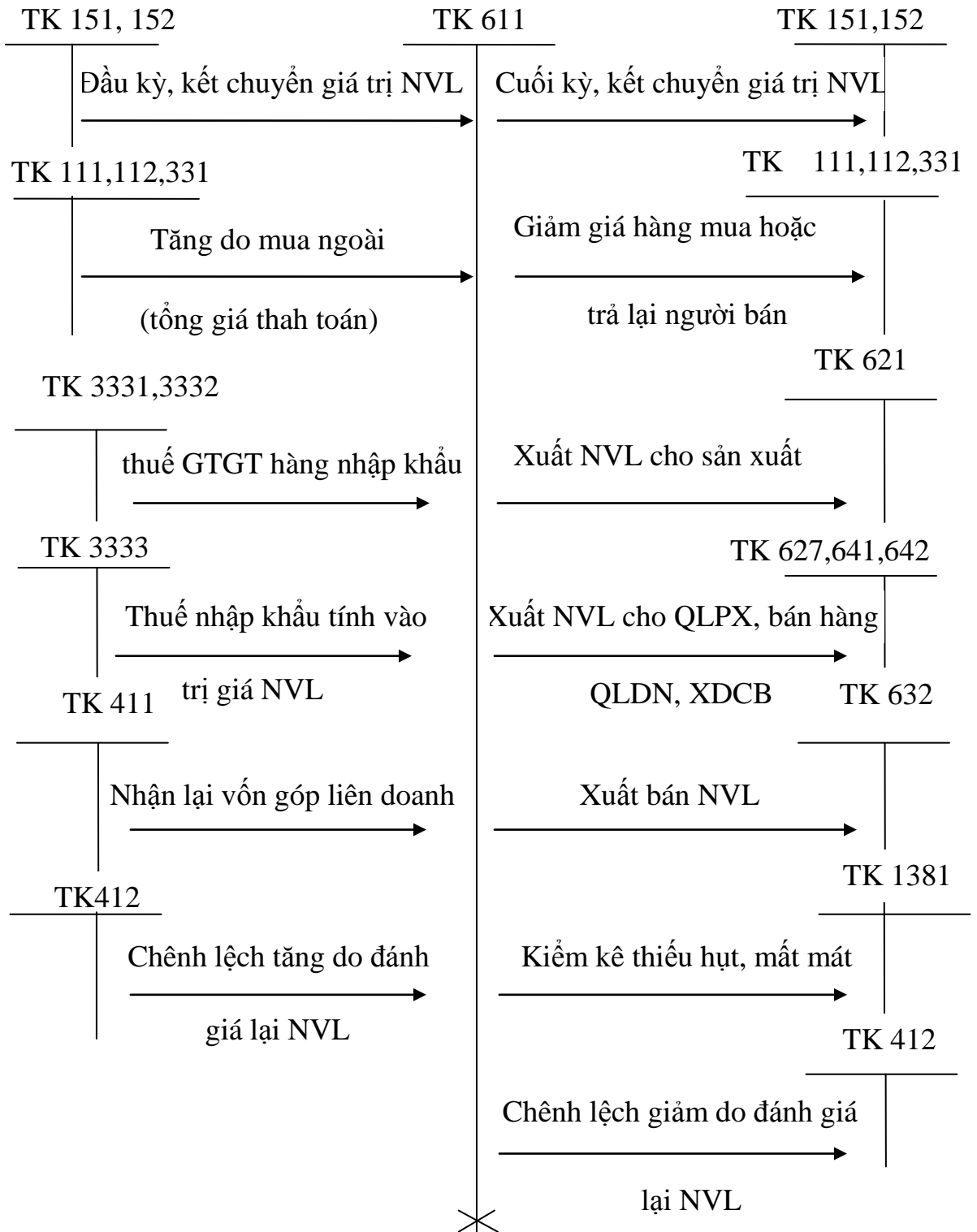
Trình tự hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thể hiện qua sơ đồ sau:



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.3.2.4 Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp

Trình tự hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế VAT theo phương pháp trực tiếp thể hiện qua sơ đồ sau:



### 1.4 Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Chứng từ kế toán mới chỉ là những thông tin phản ánh riêng lẻ, chưa có tác dụng đối với công tác quản lý tổng hợp. Người ta không chỉ dựa trên các chứng từ riêng lẻ để đưa ra các quyết định kế toán. Vì vậy, cần phải sắp xếp các chứng từ thành những nghiệp vụ có nội dung kinh tế và công dụng tương tự, sau khi đã được sắp xếp bằng cách phản ánh đối ứng tài khoản thì cần theo dõi thường xuyên sổ sách kế toán chính là để đáp ứng nhu cầu đó. Các sổ kế toán không giống nhau vì từng loại nghiệp vụ sẽ có tính chất khác nhau nhưng giữa chúng có mối quan hệ mật thiết trong ghi chép đối chiếu. Mỗi cách kết hợp với nhau sẽ đem lại một hệ thống sổ khác nhau có những quy định riêng.

Hệ thống sổ kế toán trong doanh nghiệp được xây dựng để theo dõi tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Nhưng trong phạm vi đề tài nghiên cứu, em chỉ xét hệ thống sổ kế toán sử dụng hạch toán NVL.

#### ❖ Hình thức nhật ký chung:

Hình thức ghi sổ này thuận tiện cho việc đối chiếu kiểm tra chi tiết theo chứng từ gốc. tuy nhiên có một số nghiệp vụ trùng lặp do vậy cuối tháng mới ghi vào sổ cái.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi các số liệu vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian. Hàng ngày hoặc định kỳ lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, các số liệu liên quan đến các sổ thẻ kế toán chi tiết cũng được đồng thời ghi vào các sổ, thẻ chi tiết tương ứng.

Ngoài sổ nhật ký chung, kế toán có thể mở các nhật ký đặc biệt như: nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền, nhật ký mua hàng,... Định kỳ từ 5-10 ngày hoặc cuối tháng, khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp chứng từ sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái. Sổ cái sau

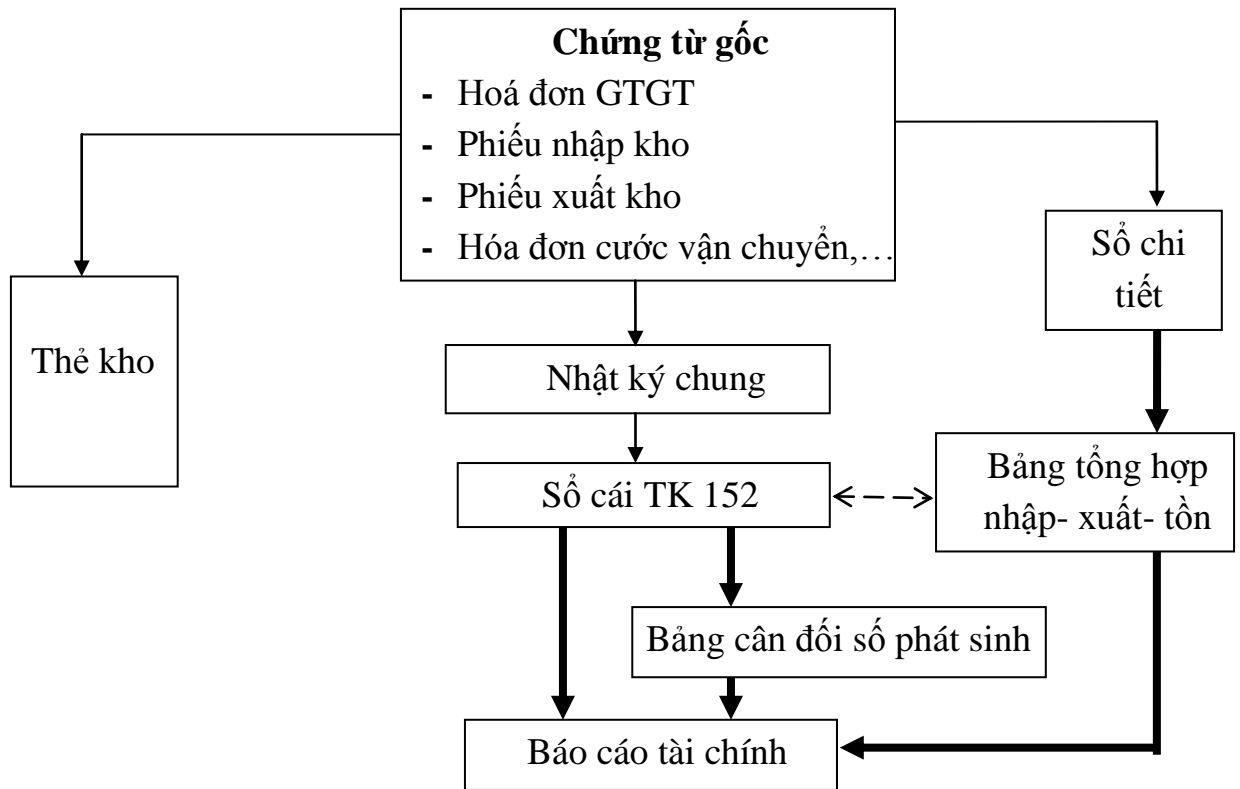


## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

khi đã loại trừ sự trùng lặp của những nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ đặc biệt khác (nếu có).

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ cái tính số dư để lập bảng cân đối tài khoản. Các số liệu trên sổ kế toán chi tiết cũng được tổng hợp để lập ra bảng tổng hợp chi tiết. Các số liệu trên sau khi kiểm tra khớp đúng được sử dụng để lập báo cáo kế toán.

### Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức “nhật ký chung”



**Ghi chú:** —————→ Ghi hàng ngày      <-->      Đối chiếu, kiểm tra

—————→ Ghi cuối tháng

### ❖ Hình thức nhật ký- sổ cái

Hàng ngày người giữ nhật ký sổ cái nhận toàn bộ chứng từ gốc, kiểm tra, định khoản rồi ghi vào sổ. Mỗi chứng từ ghi vào một dòng ở cả hai phần nhật ký và sổ cái. Kế toán có thể lập bảng tổng hợp cho các chứng từ gốc cùng loại phát sinh nhiều lần trong tháng theo định kỳ sau đó căn cứ vào số liệu trên bảng này ghi vào sổ cái. Các chứng từ gốc liên quan đến các đối

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

tượng cần hạch toán chi tiết sau khi ghi vào sổ cái được dùng để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

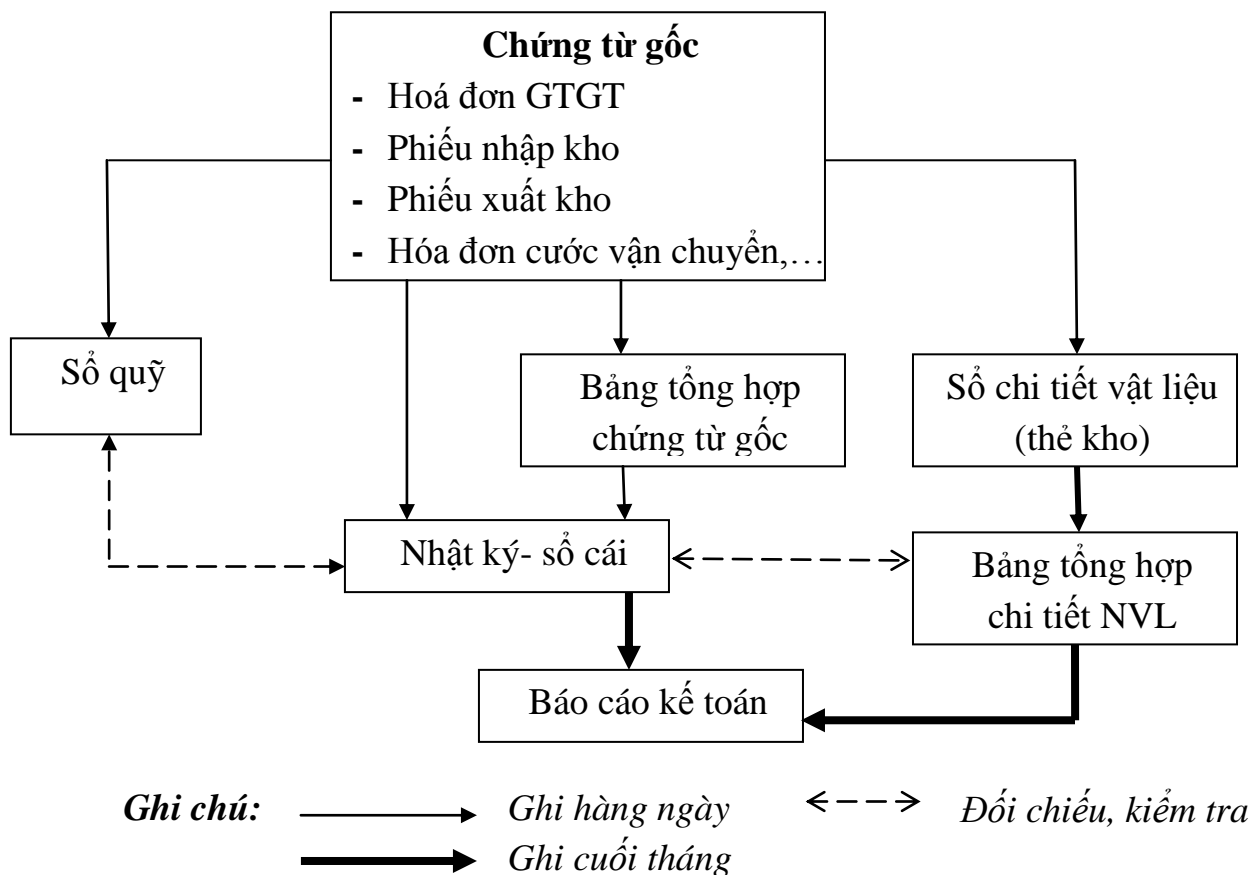
Cuối tháng sau khi ghi toàn bộ số liệu trên các chứng từ gốc vào nhật ký- sổ cái và các sổ chi tiết liên quan, kế toán cộng dồn số liệu trên nhật ký- sổ cái và các sổ thẻ kế toán chi tiết. Các số liệu cộng dồn phải đạt được thông qua hệ cân đối như sau:

$$\text{Tổng số tiền PS} = \text{Tổng PS bên Nợ các TK} = \text{Tổng PS bên Có các TK}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ cuối kỳ các TK} = \text{Tổng số dư Có cuối kỳ các TK}$$

Lập bảng tổng hợp số liệu phát sinh trên các sổ thẻ kế toán chi tiết cho từng TK. Đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp với số liệu trên sổ cái theo từng TK. Sau khi đối chiếu số liệu thấy đúng khớp thì căn cứ vào các số liệu trên sổ cái và các sổ chi tiết để lập báo cáo kế toán.

### Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức “nhật ký- sổ cái”

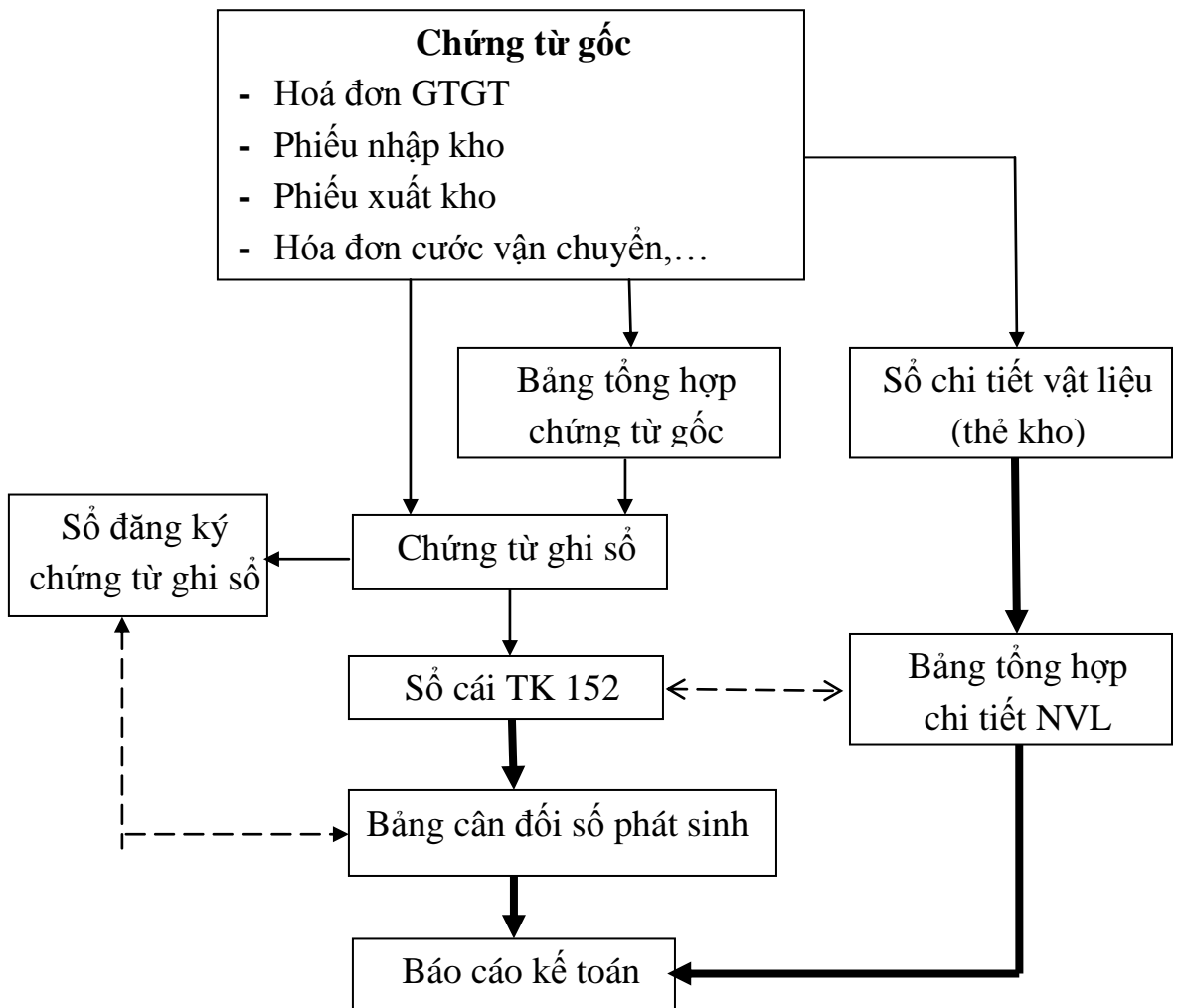


## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hình thức nhật ký sổ cái có ưu điểm là đơn giản dễ làm thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ ít nghiệp vụ kinh tế sử dụng ít TK (dưới 20TK) tuy nhiên hình thức này cũng tồn tại một số nhược điểm như: Việc ghi chép trùng lặp làm tăng khối lượng công việc kế toán, không thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

### ❖ Hình thức chứng từ ghi sổ

*Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức “chứng từ ghi sổ”*



**Ghi chú:**   
→ Ghi hàng ngày      ← - - - - → Đối chiếu, kiểm tra  
→ Ghi cuối tháng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Theo hình thức này việc hạch toán NVL được thực hiện trên các chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản nguyên vật liệu, sổ chi tiết.

Hàng ngày hoặc định kỳ kế toán tập hợp, phân loại từng chứng từ theo nghiệp vụ kinh tế. lập chứng từ ghi sổ cho các chứng từ cùng loại có cùng định khoản. Chứng từ ghi sổ sau khi lập xong được ghi vào sổ đăng ký chứng từ để lấy số liệu. Số liệu của chứng từ ghi sổ chính là số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, số liệu tổng cộng trên chứng từ ghi sổ để được dùng ghi sổ cái để tính số phát sinh và số dư cuối kỳ các tài khoản. Căn cứ vào số liệu cuối tháng kế toán lập bảng cân đối tài khoản và báo cáo cho kế toán.

Kế toán chi tiết cũng căn cứ vào số liệu trên các chứng từ để ghi vào các sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các số liệu trên các sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp các số liệu chi tiết. Đối chiếu số liệu của bảng này so với các số liệu của các tài khoản tổng hợp trên sổ cái để phát hiện sai sót.

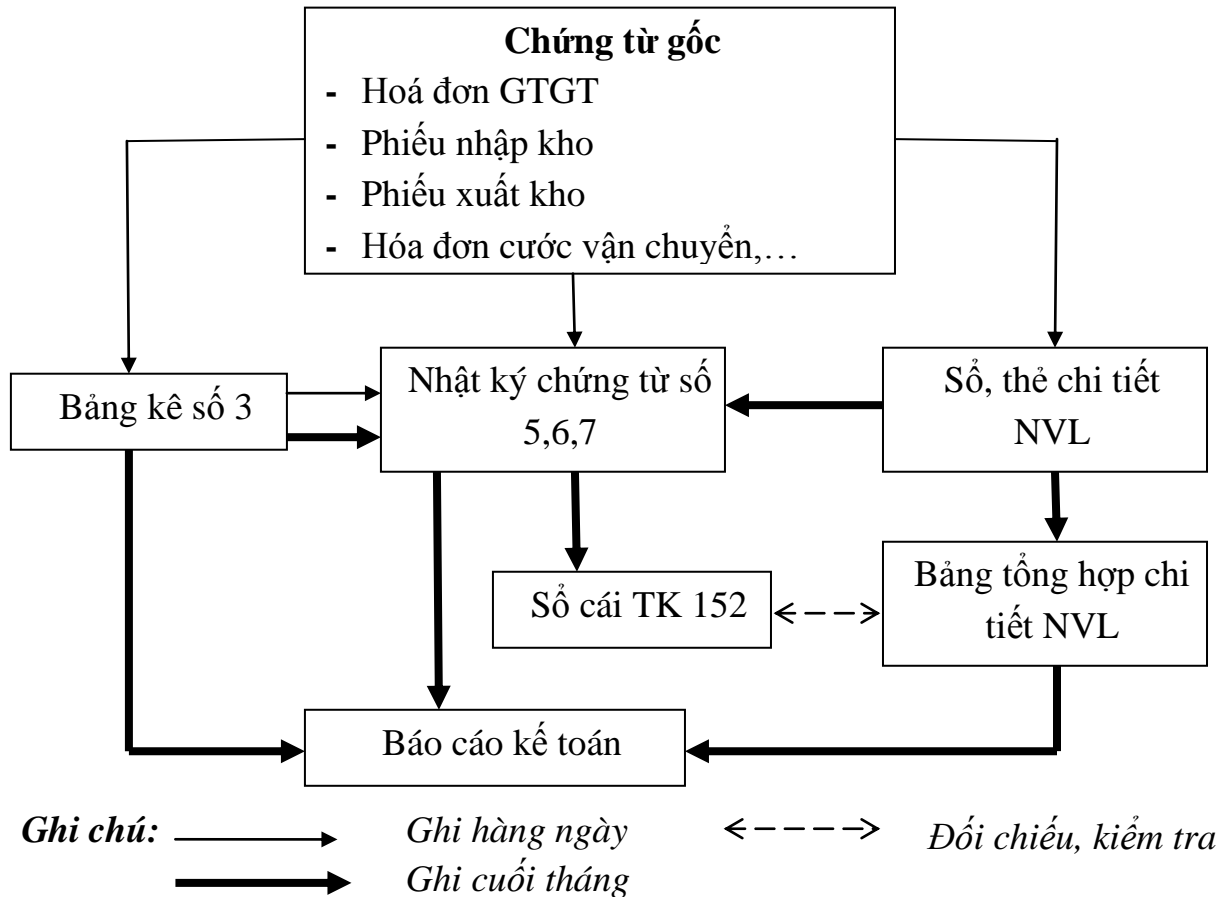
Hình thức này có ưu điểm là thích hợp với mọi loại hình đơn vị, thuận tiện cho áp dụng máy vi tính. Tuy nhiên việc ghi chép bị trùng lặp nhiều nên việc lập báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện kế toán thủ công.

### ❖ Hình thức nhật ký chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào nhật ký chứng từ hoặc bảng kê có liên quan. trường hợp chi hàng ngày vào bảng kê thì cuối tháng phải chuyển số liệu tổng của bảng kê vào nhật ký chứng từ. Chứng từ gốc sau khi ghi vào nhật ký chứng từ, hoặc bảng kê được chuyển sang các bộ phận kế toán chi tiết để ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng công các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái. Sau khi khớp đúng số liệu, số liệu ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết là cơ sở để lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán khác.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hình thức này phù hợp với các loại hình kinh doanh phức tạp, quy mô lớn, những đơn vị có trình độ quản lý và kế toán cao, có nhu cầu chuyên môn hóa sâu, lao động kế toán thủ công.

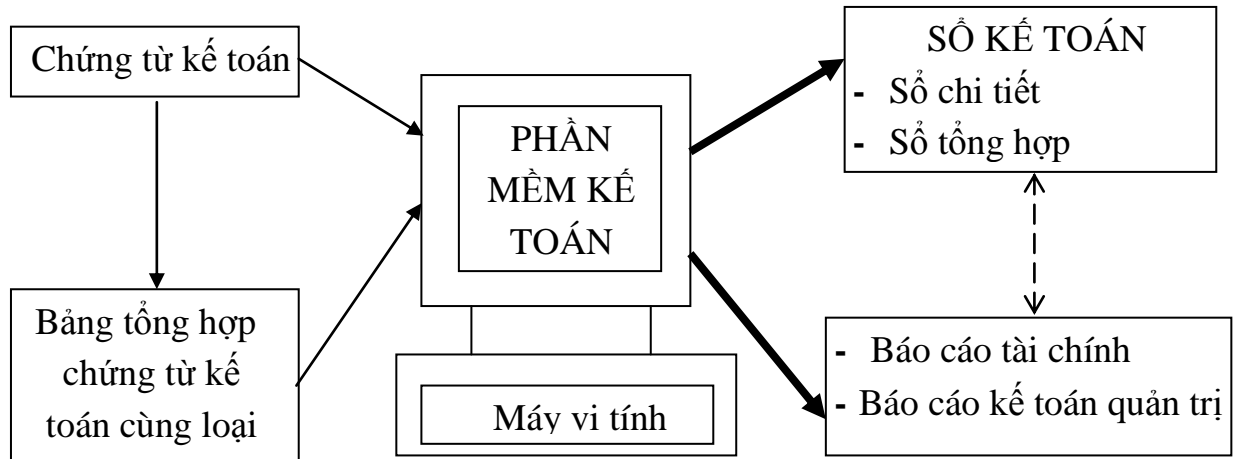


### ❖ Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để lập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc nhật ký - sổ cái) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng hoặc bất kỳ thời điểm nào, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác. Người làm kế toán có

thể kiểm tra đôi chiều và in ngay ra được.



**Ghi chú:**       $\longrightarrow$       Ghi hàng ngày       $\longleftarrow\text{---}\text{---}\longrightarrow$       Đôi chiều, kiểm tra  
                  $\longrightarrow$       Ghi cuối tháng

### 1.5 Hạch toán dự phòng giảm giá nguyên vật liệu

Dự phòng giảm giá là sự xác nhận về phương diện kế toán một sự giảm giá trị tài sản có nguyên nhân mà hậu quả của chúng không chắc chắn.

+ **Phương diện kinh tế:** Nhờ các tài khoản dự phòng làm cho bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp phản ánh chính xác hơn giá trị thực tế tài sản.

+ **Phương diện tài chính:** Dự phòng giảm giá có tác dụng làm giảm lãi của niên độ kế toán nên doanh nghiệp tích lũy được một số đáng kể đã được phân chia số này được sử dụng để bù đắp các khoản giảm giá tài sản thực sự phát sinh và tài trợ các khoản chi phí hay lỗ đã dự phòng khi các chi phí này phát sinh ở niên độ kế toán sau. Thực chất các khoản dự phòng là một nguồn tài chính của doanh nghiệp, tạm thời nằm trong các tài sản lưu động trước khi sử dụng thực.

+ **Phương diện thuế khóa:** Dự phòng giảm giá được ghi nhận như một chi phí làm giảm lợi tức phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho NVL, được lập vào cuối niên độ kế toán nhằm ghi nhận bộ phận giá trị dự tính giảm sút so với giá thực tế của hàng tồn kho nhưng chưa chắc chắn. Qua đó phản ánh được giá trị thực hiện

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

thuần túy của hàng tồn kho trên báo cáo tài chính.

$$\text{Giá trị thực hiện thuần HTK} = \text{Giá gốc của HTK} - \text{Dự phòng giảm giá HTK}$$

Dự phòng giảm giá NVL được lập cho các NVL chính dùng cho sản xuất các loại vật tư hàng hóa,... mà giá thị trường đang thấp hơn giá ghi sổ kế toán. Những vật tư này là mặt hàng kinh doanh thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng từ hợp lý chứng minh giá của vật tư tồn kho.

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng cần lập} \\ \text{cho HTK năm N+1} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá gốc HTK ghi sổ} \\ \text{kế toán ngày 31/12/N} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần túy có thể} \\ \text{thực hiện được của} \\ \text{HTK ngày 31/12/N} \end{array}$$

- **Tài khoản hạch toán:** TK 159 - dự phòng giảm giá hàng tồn kho

**Bên Nợ:** Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Bên Có:** Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Số dư bên Có:** Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

- **Phương pháp hạch toán:**

\* Cuối niên độ kế toán, khi một loại vật tư tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì kế toán phải lập dự phòng theo số tiền chênh lệch

Nếu số tiền dự phòng giảm giá vật tư phải lập ở cuối niên độ này lớn hơn số tiền dự phòng giảm giá vật tư đã lập ở cuối niên độ kế toán trước, kế toán lập dự phòng bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632

Có TK 159

Nếu số tiền dự phòng giảm giá vật tư phải lập ở cuối niên độ này nhỏ hơn số tiền dự phòng giảm giá vật tư đã lập ở niên độ kế toán trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 159

Có TK 632

**CHƯƠNG II:**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN  
VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**

**2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần Mỹ Hảo**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Mỹ Hảo**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO** được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số: 0203000126 cấp ngày 6 tháng 12 năm 2001 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp.

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**
  - + Tên giao dịch : **MY HAO JOINT STOCK COMPANY**
  - + Tên viết tắt : **MY HAO JS, CO**
- Địa chỉ trụ sở chính : Khu công nghiệp Vĩnh Niệm- Phường Vĩnh Niệm - Quận Lê Chân – Thành phố Hải Phòng.
  - + Điện thoại: 0313.742.840
  - + Fax: 0313.742.815
  - + Mã số thuế: 0200444450
  - + Email: [myhaojsco@hn.Vnn.vn](mailto:myhaojsco@hn.Vnn.vn)
  - + Website: [www.myhao.vn](http://www.myhao.vn)
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh:
  - + Sản xuất đồ nhựa gia dụng và sản phẩm nhựa công nghiệp.
  - + Sản xuất bao bì nilon
  - + Sản xuất cồn thực phẩm, ga CO<sub>2</sub>, nước giải khát các loại.
  - + Kinh doanh hàng tiêu dùng và dịch vụ xuất nhập khẩu
  - + Sản xuất kinh doanh bia, nước lọc, đá tinh khiết.
- Vốn điều lệ : 15.000.000.000(mười năm tỷ đồng)
- Người đại diện theo pháp luật của công ty là: Bà Vũ Thị Ánh.



### ❖ *Tình trạng của doanh nghiệp*

Quy mô của công ty ngày càng được mở rộng, với diện tích sử dụng là 6000m<sup>2</sup>. Hệ thống máy móc thiết bị nhập ngoại với công suất cao. Số lượng lao động của công ty ngày càng tăng lên tổng số là 400 công nhân. Mức lương của công nhân ngày càng tăng, trung bình khoảng 2.000.000 đ/tháng.

Qua nhiều năm phấn đấu, Công ty liên tục bảo toàn và phát triển vốn. Đến năm 2012, tổng vốn của công ty đã lên tới 40.518.000.000VND.

Không dừng lại ở đó, công ty ngày càng mở rộng hợp tác với các công ty nước ngoài để nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và nghiên cứu chế tạo các sản phẩm mới. Qua gần 11 năm hoạt động công ty đã đạt được nhiều thành công, không những đứng vững trước những khó khăn do cơ chế thị trường gây ra mà còn tận dụng những hạn chế để phát triển. Công ty đã trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành sản xuất bao bì ở Việt Nam. Công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao và hàng năm nhận được bằng khen của thành phố. Năm 2012 quy mô với kinh doanh của công ty đã lớn gấp nhiều lần so với trước đây.

Công ty đã ký được nhiều hợp đồng không chỉ với các công ty trong nước như: Công ty đồ hộp Hạ Long, Công ty giấy Hapaco, Công ty bánh kẹo Hải Hà.. mà còn với các công ty nước ngoài: Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan.

### **2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình phát triển của doanh nghiệp**

#### + Thuận lợi:

Thông qua giao dịch với các đối tác trong và ngoài nước. Công ty đã nhanh nhạy nắm bắt được nhu cầu mới của thị trường, xác định đầu tư đúng hướng những dây chuyền công nghệ mới, hiện đại. Do vậy sản phẩm của công ty đã đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng sản phẩm. Góp phần nâng cao uy tín của công ty nói riêng, của Việt nam trên thị trường thế giới nói chung.

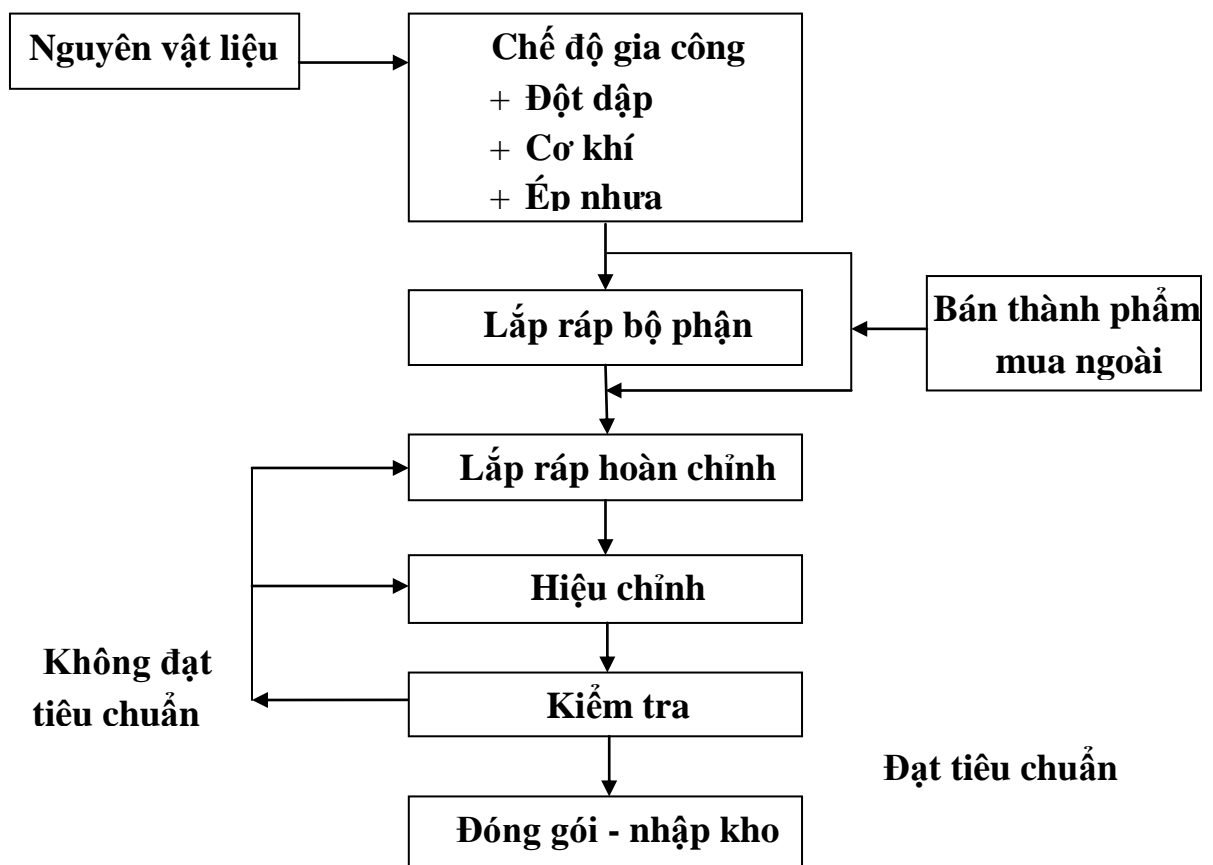
+ Khó khăn:

Trong nền kinh tế thị trường, Công ty cũng phải gặp sự cạnh tranh gay gắt trong việc tiêu thụ sản phẩm với nhà máy nhựa Tiền Phong, nhựa Đài Loan và hàng nhập lậu từ Trung Quốc tràn về... Hơn nữa khủng hoảng kinh tế khu vực nên trước khi ký hợp đồng Công ty phải đấu thầu quốc tế, điều này làm cho chi phí bán hàng của công ty tăng lên đáng kể.

### 2.1.3 Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty

Do đặc thù của Công ty là sản xuất sản phẩm bao bì nilon đòi hỏi độ bền cao, kiểu dáng mẫu mã đẹp nên NVL của công ty chủ yếu là nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc và Đài Loan như hạt nhựa, hạt màu... Cơ cấu sản phẩm của Công ty cổ phần Mỹ Hào khá đa dạng và phức tạp, tuy nhiên các sản phẩm này đều đi qua các công đoạn gia công chế biến tương đối giống nhau. Quy trình công nghệ của công ty cổ phần Mỹ Hào có thể khái quát theo sơ đồ sau:

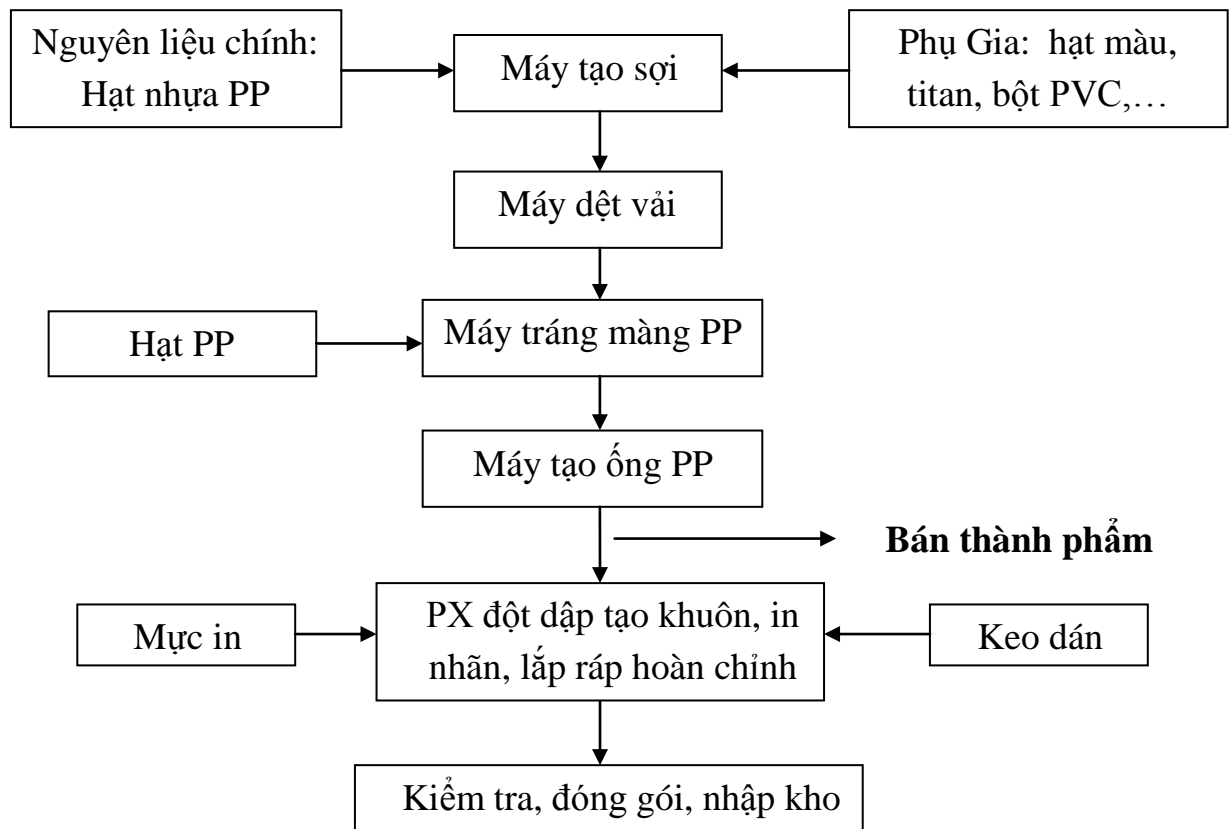
Sơ đồ 1.1: QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT



### 2.1.4 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

Để thực hiện được quy trình công nghệ trên, công ty cổ phần Mỹ Hảo đã xây dựng một quy trình tổ chức sản xuất như sau:

*Sơ đồ 1.2: QUY TRÌNH TỔ CHỨC SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY*



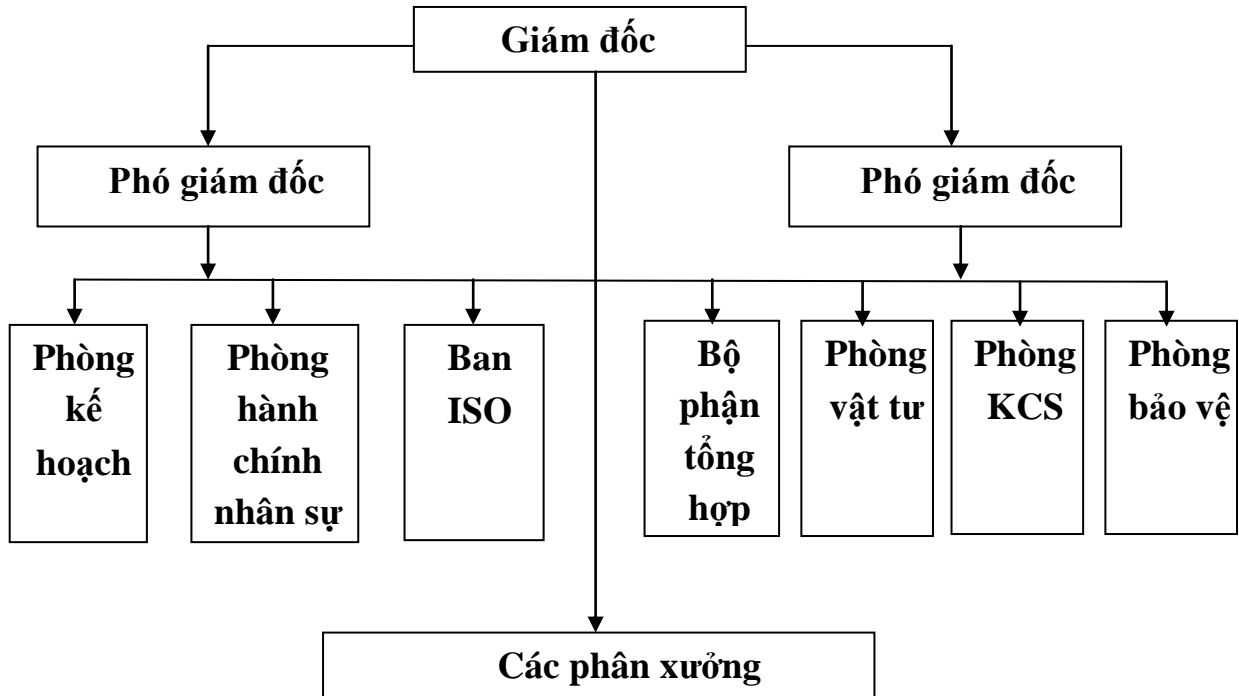
Tất cả các bán thành phẩm sau khi hoàn thành đều có bộ phận KCS của từng phân xưởng kiểm tra chất lượng và toàn công ty có một phòng KCS để kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm hoàn thành.

Công ty tiến hành tiêu thụ thành phẩm theo những hợp đồng lớn được ký kết với khách hàng như: Công ty Thủy Sản Hạ Long, Công ty bánh kẹo Hải Hà, Công ty giấy HAPACO. Số lượng thành phẩm bán theo hợp đồng chiếm tới 70% tổng giá trị sản lượng của công ty. Hiện nay Công ty đã có 4 cửa hàng bán lẻ và giới thiệu sản phẩm cùng với rất nhiều đại lý đặt ở các tỉnh như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Hà Nội, ....

## 2.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Công ty được tổ chức theo mô hình quản lý trực tuyến chức năng thể hiện sự năng động, linh hoạt trong nền kinh tế thị trường.

Sơ đồ 1.3: TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÔNG TY



### ❖ Nhiệm vụ của mỗi bộ phận hội đồng quản trị

➤ **Giám đốc công ty:** Là người đứng đầu công ty, chịu trách nhiệm mọi mặt về hoạt động sản xuất kinh doanh. Là người trực tiếp lãnh đạo và sử dụng lao động, vốn của công ty để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

➤ **Phó giám đốc:** là người giúp việc cho giám đốc. Công ty có 2 phó giám đốc: phó giám đốc phụ trách kỹ thuật và phó giám đốc phụ trách sản xuất.

- **Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật:** phụ trách về mặt kỹ thuật chất lượng của sản phẩm chế tạo ra và quản lý các phòng ban: ban dự án, phòng kỹ thuật KCS.

- **Phó giám đốc phụ trách sản xuất:** phụ trách mảng sản xuất của công ty và quản lý các phòng các phân xưởng sau: phòng kế hoạch sản xuất, phân xưởng I và II.

➤ **Phòng kế hoạch:** Xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, nắm bắt nhu cầu thị trường. Chịu trách nhiệm điều độ sản xuất, cân đối năng lực và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch sản xuất hoàn thành đúng tiến độ.

➤ **Phòng hành chính nhân sự:** Tham mưu giúp giám đốc về tổ chức lao động, chế độ tiền lương, thưởng, bảo hiểm xã hội cho công nhân viên và có trách nhiệm hoạch định nguồn lực cũng như kế hoạch tuyển dụng, bố trí các cán bộ và kế hoạch đào tạo lao động cho đơn vị.

➤ **Ban ISO ( Ban kiểm tra chất lượng và môi trường):**

Thực hiện về việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ để hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

➤ **Bộ phận tổng hợp:** Chịu trách nhiệm chung về kế toán văn phòng, đời sống của công nhân, an toàn trật tự của nhà máy và hoàn thành nhiệm vụ xuất nhập kho chính xác, giao hàng đúng hạn hợp đồng.

➤ **Phòng vật tư:** Lập kế hoạch thu, mua, gia công, chịu trách nhiệm tìm kiếm thị trường mua sắm vật tư đúng các chỉ tiêu và định mức kỹ thuật, có nhiệm vụ cung cấp vật tư đúng số lượng, chủng loại, thời gian đảm bảo cho các phân xưởng sản xuất liên tục.

➤ **Phòng KCS:** Trực tiếp xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm, chất lượng sản phẩm, định mức vật tư, lao động trong sản xuất nhằm tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất, hạ giá thành, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật và quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu được ban hành.

Tham mưu cho giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, duy trì và từng bước nâng cao uy tín của công ty đối với khách hàng, để đủ sức cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác về cả ba mặt chất lượng, thời gian và giá thành. Chủ động chăm lo đổi mới công nghệ, đổi mới mặt hàng, đổi mới tổ chức sản xuất, quản lý kỹ thuật, chất lượng, máy móc thiết bị và an toàn lao động.

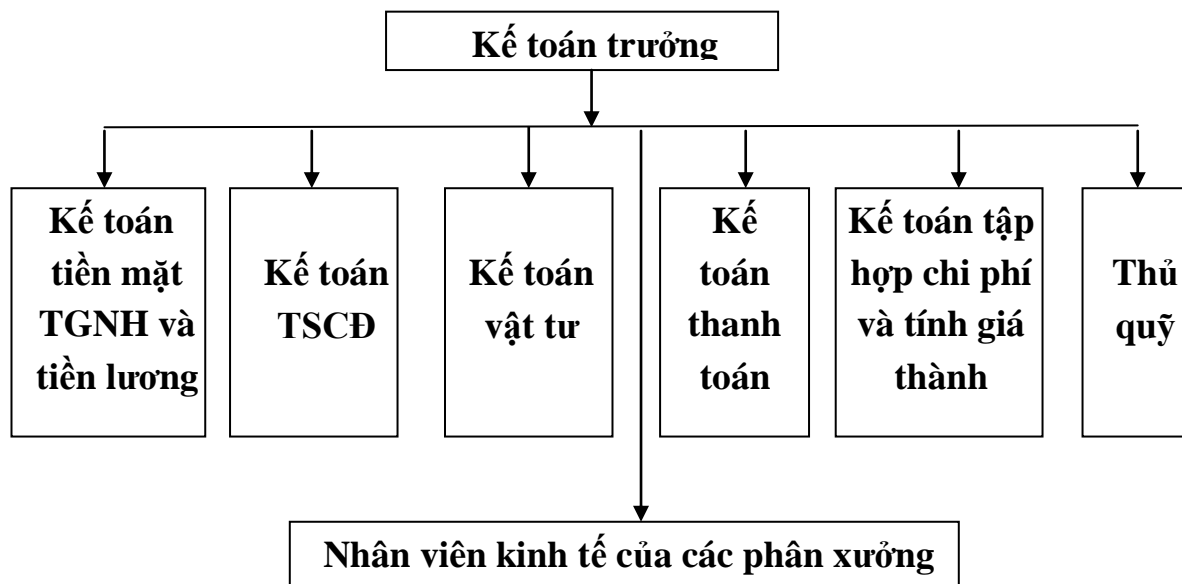
➤ **Phòng bảo vệ:** Giám sát việc chấp hành nội quy, quy chế của công

➤ ty tiến hành công tác phòng cháy chữa cháy.

### 2.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

#### 2.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán của công ty bao gồm 1 kế toán trưởng và 6 nhân viên kế toán



#### ❖ Chức năng và nhiệm vụ

+ **Kế toán trưởng:** là người phụ trách chung và trực tiếp lập báo cáo tài chính. Chỉ đạo công tác chuyên môn trong phòng kế toán, ký duyệt hợp đồng kinh tế, hóa đơn và các lệnh chi tiền. Đề xuất các biện pháp cải tiến hình thức và phương thức kế toán phù hợp với điều kiện kế toán hiện tại của công ty.

+ **Kế toán TSCĐ:** theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ của doanh nghiệp, tổ chức hoạch toán chi tiết TSCĐ và thường xuyên đối chiếu với các bộ phận liên quan. Cuối kỳ lập bảng trích khấu hao TSCĐ. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định.

+ **Kế toán vật tư:** theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và thành phẩm. Mở sổ chi tiết cho từng loại vật tư, phân bổ vật tư vào đúng đối tượng sử dụng, đối chiếu kiểm tra với các bộ phận khác.

+ **Kế toán thanh toán:** theo dõi các khoản công nợ, thường xuyên đánh giá tình trạng các khoản nợ và có biện pháp để đảm bảo thu hồi nợ đúng hạn.

+ **Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành:** hàng ngày nhận các phiếu xuất vật tư, lập bảng kê NVL sử dụng. Cuối kì lập bảng phân bổ NVL, nhận các bảng kê tổng hợp các khoản chi cho sản xuất từ kế toán tiền và kế toán thanh toán từ đó tổng hợp chi phí và tính giá thành.

+ **Kế toán tiền mặt, TGNH và lương:**

○ **Kế toán tiền mặt:** có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu, chi bằng tiền mặt của công ty, lập phiếu thu, chi tiền mặt và hoạch toán theo nội dung đề nghị thanh toán đã được duyệt, cùng với thủ quỹ kiểm kê tiền mặt vào cuối mỗi tháng.

○ **Kế toán TGNH:** theo dõi các khoản tiền gửi, tiền vay tại ngân hàng. Hàng ngày nhận séc, lập bảng kê, đi nộp séc tại ngân hàng. Thường xuyên theo dõi số dư của tài khoản tiền gửi.

○ **Kế toán tiền lương:** tính toán và theo dõi tình hình tiền lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, ...) của công ty theo quy chế trả lương của công ty và quy định của nhà nước.

+ **Thủ quỹ:** Quản lý quỹ tiền mặt của xí nghiệp, thực hiện thu chi tiền mặt. Định kỳ làm công tác thống kê số liệu từ các bộ phận khác gửi đến.

### 2.3.2 Các chính sách, chế độ kế toán được vận dụng tại công ty

#### 2.3.2.1 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Áp dụng thống nhất theo quyết định 15/QĐ – BTC ra ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán DN

Việc hạch toán kế toán tại công ty theo hình thức báo sổ. Các phân xưởng có một nhân viên kế toán tập hợp số liệu rồi chuyển về phòng kế toán của công ty. Căn cứ vào các chứng từ công ty hạch toán theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành, lập sổ theo đúng quy định.

#### Các chứng từ kế toán áp dụng tại công ty:

+ **Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và tạm ứng của công ty:**

+ Để theo dõi tình hình thu chi tổng quỹ của các loại tiền mặt và các khoản

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

tạm ứng của công ty. Công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tạm ứng
- Sổ quỹ
- Giấy báo Có, giấy báo Nợ
- Biên bản kiểm kê quỹ

### + **Kế toán vật tư hàng hóa:**

Vì mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư, sản phẩm, hàng hóa làm căn cứ kiểm tra tình hình tiêu dùng, dự trữ vật tư, sản phẩm, hàng hóa. Công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ vật liệu, công cụ dụng cụ ( mẫu 07 – VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, hàng hóa (Mẫu 05 – VT)
- Bảng kê mua hàng ( Mẫu 06 – VT)

### + **Kế toán tài sản cố định:**

Nhằm phản ánh tình hình biến động về số lượng, chất lượng và giá trị của TSCĐ phục vụ cho công tác quản lí. Công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Biên bản giao nhận TSCĐ ( Mẫu 01 – TSCĐ)
- Biên bản thanh lí TSCĐ ( Mẫu 02 – TSCĐ)
- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn đã hoàn thành (Mẫu 03 – TSCĐ)
- Bảng tính và bảng phân bổ khấu hao TSCĐ ( Mẫu 06 – TSCĐ)
- Biên bản kiểm kê TSCĐ ( Mẫu 04 – TSCĐ)
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ ( Mẫu 05 – TSCĐ)

### + **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:**

- Bảng chấm công( Mẫu số 19 – LĐTL)
- Bảng thanh toán lương ( Mẫu 02 – LĐTL)



- Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ ( Mẫu số 06 – LĐTL)
- Bảng thanh toán tiền thuê ngoài ( Mẫu 07 – LĐTL)
- Xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành ( Mẫu 05–LĐTL)
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH ( Mẫu 11–LĐTL)

**+ Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm:**

- Bảng phân bổ NVL, CCDC
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng tính giá thành

### 2.3.2.2 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán tại công ty

Hệ thống tài khoản của công ty áp dụng tuân thủ theo quyết định 15/QĐ-BTC ra ngày 20/3/2006. Tuy nhiên do quy mô sản xuất vừa nên trong quá trình áp dụng công ty chỉ áp dụng một số tài khoản phù hợp với yêu cầu quản lý, đồng thời công ty cũng xây dựng các tài khoản cấp 2,3 khác bổ sung để tiện theo dõi.

Để hệ thống tài khoản sử dụng hiệu quả Công ty có một số thay đổi nhỏ dựa theo đặc thù sản xuất kinh doanh:

- TK 151 : Hàng mua đang đi đường ( không được sử dụng vì vật tư được mua về luôn có hóa đơn đi kèm không có trường hợp hóa đơn về hàng chưa về và ngược lại )
- TK 157 : Hàng gửi bán ( không được sử dụng vì công ty chủ yếu sản xuất theo đơn đặt hàng, số lượng hàng bán lẻ không nhiều, được tiêu thụ trực tiếp tại cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm của công ty)
- TK 159 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho ( không được sử dụng do công ty không thực hiện trích lập tiền dự phòng giảm giá hàng tồn kho)
- TK 121, 128, 129, 229: Chưa được sử dụng trong hệ thống tài khoản của công ty.

### 2.3.2.3 Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại công ty

Mọi nghiệp vụ phát sinh tại Công ty cổ phần Mỹ Hảo đều được lập chứng từ gốc hợp lệ. Các chứng từ gốc là cơ sở để kế toán tiến hành nhập số liệu vào sổ (thẻ) chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, sổ cái. Hệ thống sổ chi tiết gồm một số loại chính mà Công ty cổ phần Mỹ Hảo sử dụng:

- Sổ chi tiết vật liệu, CCDC
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- Sổ quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- Sổ chi tiết các tài khoản

Để cung cấp thông tin kế toán cho yêu cầu quản lý nội bộ và cho các cơ quan chức năng, công ty thiết lập hệ thống báo cáo gồm:

#### ❖ Báo cáo nội bộ

- Định kỳ hàng tháng:
  - + Báo cáo quỹ
  - + Báo cáo chấm công lao động
- Định kỳ quý:
  - + Báo cáo lãi, lỗ về tiêu thụ sản phẩm hàng hóa
  - + Báo cáo tình hình thu chi tiền mặt, ngoại tệ
  - + Báo cáo công nợ
  - + Báo cáo chi phí, thu nhập bất thường

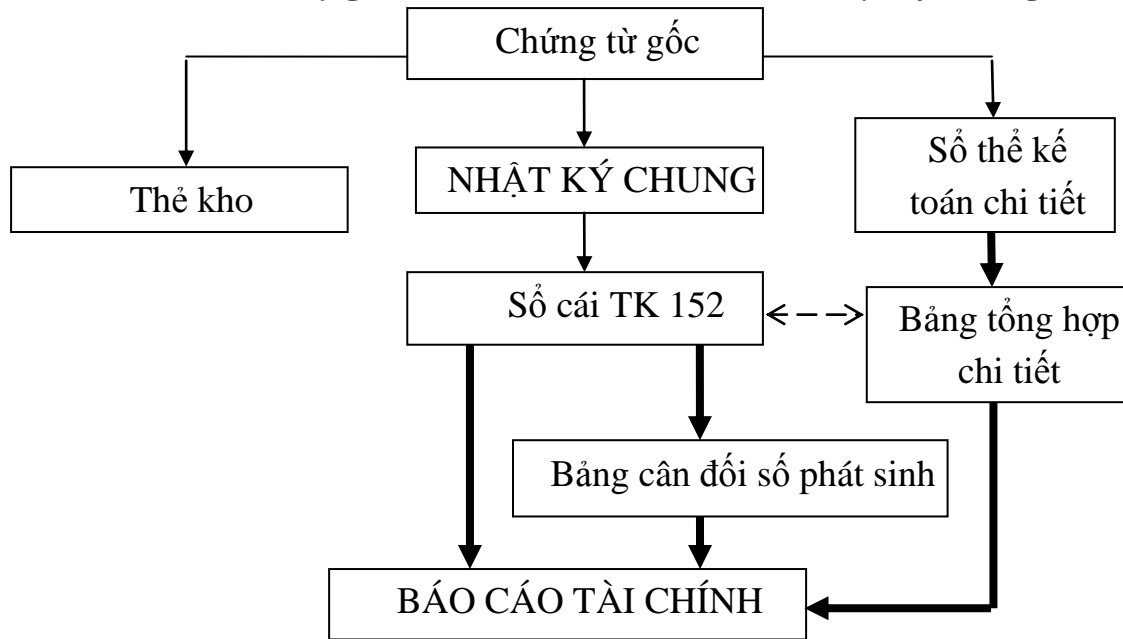
❖ **Báo cáo tài chính:** gồm 04 loại theo quy định của chế độ kế toán. Theo quy định hiện hành (quyết định 15/QĐ-BTC ra ngày 20/3/2006). Hệ thống báo cáo tài chính gồm có:

- + Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- + Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)
- + Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DN)
- + Bảng thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DN)

**2.3.2.4 Hình thức kế toán áp dụng tại công ty**

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, công ty áp dụng hệ thống kế toán theo hình thức “ Nhật ký chung

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung**



**Ghi chú:**       $\longrightarrow$  ghi hàng ngày       $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$  đối chiếu kiểm tra  
                  $\longrightarrow$  ghi cuối tháng

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra các kế toán sẽ tiến hành phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Sau đó chứng từ này sẽ được chuyển cho kế toán tổng hợp để ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ NKC, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ NKC để ghi vào sổ theo các tài khoản kế toán tổng hợp. Cuối kỳ, kế toán chi tiết căn cứ sổ, thẻ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán tổng hợp cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh và kiểm tra đối chiếu khớp giữa số liệu ghi trên sổ cái để lập báo cáo tài chính.

Ngoài sổ nhật ký chung, kế toán có thể mở các nhật ký đặc biệt như: nhật ký thu tiền, nhật ký mua hàng,... Định kỳ từ 5-10 ngày hoặc cuối tháng, khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp chứng từ sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái. Sổ cái sau khi đã loại trừ sự

trùng lặp của những nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ đặc biệt khác (nếu có).

### 2.4 Thực trạng công tác kế toán NVL tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

#### 2.4.1 Đặc điểm của nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

Công ty cổ phần Mỹ Hảo là công ty chuyên sản xuất bao bì nilon. Loại bao bì này có đặc điểm không mùi, không vị, độ cứng cao, chống va chạm cơ học hiệu quả, chống thấm khí hơi do đó đảm bảo được áp lực cao trong môi trường chứa thực phẩm, có loại bao bì trong suốt có thể nhìn thấy rõ sản phẩm bên trong, có thể chịu được nhiệt độ cao trên 100<sup>0</sup>C hoặc nhiệt độ lạnh thấp hơn 0<sup>0</sup>C. Có thể phun mực trên bề mặt để ký hiệu sản phẩm. loại nhựa dùng làm bao bì thực phẩm thuộc loại nhựa nhiệt dẻo, nhiệt độ càng cao thì càng trở nên mềm dẻo, khi nhiệt độ hạ xuống thì vẫn trở lại đặc tính ban đầu.

Chính vì vậy NVL dùng cho sản xuất phải đáp ứng được đặc thù và yêu cầu cao của công nghệ sản xuất và danh mục vật tư phải rất phong phú, đa dạng về chủng loại và quy cách. Sau đây là một số đặc tính NVL của công ty:

+ *Hạt nhựa* : màu trắng, hơi trong, không dẫn điện và không dẫn nhiệt, không cho nước và không khí thấm qua, không có tác dụng với các dung dịch axit, kiềm, có khả năng in ấn cao.

+ *Bột PVC (Polivinyllorua)* : là chất bột vô định hình, màu trắng, bền với dung dịch axit, kiềm.

+ *Hạt màu*: là chất phụ gia được sản xuất trên dây truyền công nghệ cao, được chế tạo thay thế việc sử dụng bột màu nhằm cải thiện môi trường .

+ *Dung môi*: là một chất lỏng rắn là một dung dịch dùng để hòa tan chất rắn khác như nhựa.

+ *Titan*: ở trạng thái tinh khiết, titan có thể kéo sợi dễ dàng. Nhiệt độ nóng chảy của titan tương đối cao, nên được dùng để chịu nhiệt. Titan có thể tạo một lớp oxi bảo vệ bên ngoài, ít dẫn điện, không tan trong dung dịch axit.

### 2.4.2 Phân loại nguyên vật liệu tại công ty

Để thuận tiện cho công tác quản lý nguyên vật liệu được phân loại như sau:

- + Nguyên vật liệu chính: Hạt nhựa, bột PVC,..
- + Nguyên vật liệu phụ: Hạt màu, màu, mực in, dung môi, titan, sáp 110,...

Chi phí NVL chiếm tỷ trọng khá lớn trong quá trình sản xuất sản phẩm của công ty (chiếm 65%) và hình thành từ nhiều nguồn khác nhau. Nguyên vật liệu mua ngoài gồm cả thu mua trong nước và nhập khẩu. Nguyên vật liệu nhập ngoại thường là những vật tư đòi hỏi có thông số kỹ thuật và chất lượng cao mà trong nước chưa sản xuất được như hạt màu, hạt nhựa,... các vật tư này có giá thành khá cao và được nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc, Thái lan, Đài Loan...

Hệ thống danh điểm vật tư của công ty được xây dựng bởi phòng vật tư và phòng kỹ thuật. Danh điểm này gắn liền với chủng loại và được sử dụng thống nhất toàn công ty. Với danh điểm này khi trong kỳ có nghiệp vụ nhập xuất NVL phát sinh, máy tính sẽ nhanh chóng nhận diện được loại vật tư giúp cho công tác quản lý NVL hiệu quả hơn, tránh mất mát, thiếu hụt, hư hỏng,...

***Biểu 01 :Danh điểm nguyên vật liệu***

STT	Danh điểm	Tên nhãn hiệu, quy cách	ĐVT	Đơn giá	Ghi chú
1	CV 01	Hạt nhựa	kg		
2	CV 02	Hạt màu	kg		
3	CV 03	Bột PVC	kg		
4	CV 04	Dung môi	kg		
5	CV 05	Titan	kg		
6	CV 06	Sáp 110	kg		
7	CV 07	Canxi	kg		
8	NLN01	Mực cam 305	kg		
9	NLN02	Mực 302 đỏ cờ	kg		
10	NLN03	Mực xanh	kg		
11	NLN04	Mực đen	kg		
12	NLN05	Mực vàng	kg		
13	NLN06	Mực ánh tím	kg		

### 2.4.3 Tính giá nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

#### 2.4.3.1 Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Công ty cổ phần Mỹ Hảo tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

**Đối với nguyên vật liệu cung cấp tại kho** của công ty thì giá nhập kho là giá ghi trên hóa đơn (không bao gồm thuế GTGT đầu vào) cộng các chi phí liên quan bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, bảo hiểm cho vật liệu, chi phí công tác cho cán bộ thu mua nguyên vật liệu.

#### **Đối với nguyên vật liệu nhập từ nước ngoài**

	Giá thu mua ghi trên hóa đơn( bao gồm cả thuế NK nếu có)	Chi phí thu mua + thực tế phát sinh	Các khoản thuế không được hoàn lại	CKTM, giảm giá hàng hóa mua được hưởng
--	---	--	---	---

$\text{Giá nhập kho} = \text{Giá thu mua ghi trên hóa đơn( bao gồm cả thuế NK nếu có)} + \text{Chi phí thu mua + thực tế phát sinh} - \text{Các khoản thuế không được hoàn lại} - \text{CKTM, giảm giá hàng hóa mua được hưởng}$

- *Chi phí thu mua*: là những chi phí phát sinh trong quá trình thu mua: bốc dỡ, lắp đặt, vận chuyển, hao hụt tự nhiên trong định mức, chi phí lưu kho bãi trong quá trình thu mua.

- *Các khoản thuế không hoàn lại*: thường là thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng nhập khẩu,....

- *Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua*: được hiểu là những khoản được hưởng, được giảm trừ khi mua hàng phát sinh sau khi đã phát hành hóa đơn.

#### **Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến nhập kho**

	Trị giá thực tế của vật liệu gia công , chế biến	+	Các khoản chi phí để gia công, chế biến phát sinh
--	---	---	--

$\text{Giá nhập kho} = \text{Trị giá thực tế của vật liệu gia công , chế biến} + \text{Các khoản chi phí để gia công, chế biến phát sinh}$

#### **Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến**

	Trị giá vật liệu xuất gia công, chế biến	+	Chi phí giao nhận	Tiền gia công
--	---	---	----------------------	------------------

$\text{Giá nhập kho} = \text{Trị giá vật liệu xuất gia công, chế biến} + \text{Chi phí giao nhận} + \text{Tiền gia công}$

**Đối với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn nhận góp vốn:** Giá trị được các bên tham gia góp vốn, đánh giá và chấp nhận.

**Đối với phế liệu thu hồi nhập kho:** là giá ước tính thực tế có thể sử dụng được hay bán được.

### 2.4.3.2 Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Đối với nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ kế toán dùng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để tính. Theo phương pháp này NVL xuất dùng trong kỳ đến cuối tháng mới tính được toàn bộ vật liệu xuất dùng trong kho. Trong kỳ chỉ theo dõi về hiện vật, cuối kỳ tổ chức đánh giá về vật liệu theo giá bình quân vật liệu tồn kho nguyên tắc cân bằng tài khoản

$$\begin{array}{r} \text{Giá bình quân} \\ \text{NVL cả kỳ dự} \\ \text{trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Giá thực tế NVL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Giá thực tế NVL nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Số lượng NVL tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Số lượng NVL nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{r} \text{Giá bình quân NVL xuất kho} \\ \text{mỗi loại tính đến ngày cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Số lượng NVL mỗi} \\ \text{loại xuất dùng} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Giá bình quân} \\ \text{NVL cuối kỳ} \end{array}$$

### 2.4.4 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

#### 2.4.4.1 Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho

##### ❖ Chứng từ nhập kho:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hóa đơn vận chuyển
- Phiếu nhập kho (mẫu 01-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 05- VT)

##### ❖ Quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho

Căn cứ theo nhu cầu sản xuất và định mức tiêu hao do phòng kỹ thuật đề ra. Tại đơn vị, phân xưởng sản xuất, phòng vật tư nên kế hoạch nhập nguyên

vật liệu, lập tờ trình xin mua nguyên vật liệu và trình lên ban giám đốc ký duyệt. Khi đã được giám đốc xét duyệt thì phòng kinh doanh xin phiếu báo giá ở các cửa hàng và trình lên giám đốc duyệt giá. Sau khi giám đốc duyệt mức giá phù hợp thì bắt đầu ký kết các hợp đồng mua bán.

Bộ phận cung cấp vật tư căn cứ vào kế hoạch mua hàng và hợp đồng mua hàng đã ký kết tiến hành mua hàng. Khi hàng về đến nơi lập ban kiểm nghiệm vật tư đánh giá NVL về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại và quy cách. Sau khi kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hóa đơn GTGT và căn cứ vào kết quả kiểm nghiệm đã được lập thành “Biên bản kiểm nghiệm vật tư”. Bộ phận cung cấp vật tư tiến hành lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 2 liên

- Liên 1: lưu tại nơi lập phiếu
- Liên 2: thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho và sau đó chuyển cho phòng kế toán.

Trường hợp phát hiện thừa thiếu, sai quy cách phẩm chất thủ kho phải báo cho bộ phận cung cấp và cùng người giao lập biên bản. Định kỳ từ 3-5 ngày thủ kho chuyển giao phiếu nhập cho kế toán vật tư làm căn cứ ghi sổ kế toán.

#### **2.4.4.2 Ví dụ minh họa:**

*Em xin trích một số nghiệp vụ trong tháng 12 năm 2012 như sau:*

1. Ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Mỹ Hào mua của Công ty cổ phần hóa chất nhựa số NVL sau:

Hạt nhựa 2.500 kg đơn giá mua 27.740đ/kg

Hạt màu 500 kg đơn giá mua 20.910đ/kg

Titan 325 kg đơn giá mua 20.000đ/kg

Bột PVC 1000 kg đơn giá mua 10.545đ/kg



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Thanh toán bằng chuyển khoản tại ngân hàng Vietcombank. Chi phí vận chuyển bốc dỡ 1.000.000đ. Thanh toán bằng tiền mặt phục vụ cho sản xuất.

2. Ngày 11 tháng 12 năm 2012 ký quỹ mở L/C tại ngân hàng BIDV nhập 16.000kg hạt nhựa xuất sứ Đài Loan, trị giá 21.120USD, tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng thời điểm mở L/C là 20.828đ/USD.

Ngày 19 tháng 12 năm 2012, hàng nhập khẩu đã về theo điều kiện giao hàng CIF Cảng Hải Phòng. Thuế nhập khẩu bằng 5% trị giá lô hàng theo hóa đơn, thuế GTGT thuế suất 10% Công ty đã chuyển khoản nộp. Chi phí thuê bãi để hàng, thuê bốc xếp, nâng hạ, trông coi, vận chuyển hàng về kho của công ty

phải trả là 110.473.000 (gồm cả thuế GTGT 10%)

3. Ngày 21 tháng 12 năm 2012, Công ty cổ phần Mỹ Hảo mua của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Quân 250kg Sáp 110, đơn giá mua chưa thuế là 18.181đ/kg, thuế suất VAT 10% chưa thanh toán, phục vụ cho sản xuất.

4. Theo HĐMB ngày 27 tháng 12 năm 2012, Công ty mua

1.000kg hạt màu đơn giá 20.454đ/kg ,

Mực xanh 161 kg đơn giá 47.000đ/kg,

Mực đen 110kg đơn giá 126.000đ/kg,

Mực ánh tím 1000 kg đơn giá 95.000đ/kg

của Công ty cổ phần hóa chất nhựa , thuế suất VAT 10% phục vụ cho sản xuất. Thanh toán bằng tiền vay ngân hàng ACB, lãi suất đi vay 0.85%/tháng thời hạn vay là 1 năm.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Chứng từ nhập kho


**Nghiệp vụ 1** Căn cứ vào HĐMB đơn vị bán hàng viết hóa đơn giá GTGT.

Khi viết hóa đơn phải đặt giấy than viết một lần in sang các liên

<b>HÓA ĐƠN</b>				Mẫu số: 01 GTKT3/001												
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>				Ký hiệu: AA/11P												
Liên 2 (Giao khách hàng)				Số: 000255												
<b>Ngày 03 tháng 12 năm 2012</b>																
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NHỰA</b>																
Địa chỉ : 32/266 Trần Nguyên Hãn – Hải Phòng.			Số tài khoản: 710A – 08675													
Điện thoại:	MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>	0	1	0	0	9	4	2	2	0	5	0	0	1	
0	1	0	0	9	4	2	2	0	5	0	0	1				
Họ tên người mua hàng: <b>Vũ Thị Ánh.</b>																
Đơn vị: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO</b>																
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm			Số tài khoản: 710A – 05397													
Điện thoại:	MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>	0	2	0	0	4	4	4	4	5	0				
0	2	0	0	4	4	4	4	5	0							
Hình thức thanh toán: Ủy nhiệm chi																
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
A	B	C	1	2	3 = 1x2											
1	Hạt nhựa	kg	2.500	27.740	69.350.000											
2	Hạt màu	kg	500	20.910	10.455.000											
3	Titan	kg	325	20.000	6.500.000											
4	Bột PVC	kg	1.000	10.545	10.545.000											
Cộng tiền hàng:					96.850.000											
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		9.685.000											
Tổng cộng tiền thanh toán:					106.535.000											
Số tiền viết bằng chữ: <b>Một trăm linh sáu triệu năm trăm ba mươi năm ngàn đồng chẵn.</b>																
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên )		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên )		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên )												

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau khi nhận được hóa đơn GTGT người mua viết phiếu chi nếu thanh toán bằng tiền mặt. Viết ủy nhiệm chi, séc nếu thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

		<b>ỦY NHIỆM CHI – PAYMENT ORDER</b> Ngày(Date)03/12/2012											
<b>ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN</b> (Please Debit account):		<b>SỐ TIỀN</b> (With amount):	<b>PHÍ NH:</b> (Bank change):										
<table border="1"><tr><td><b>SỐ TK (A/C No):710A-08675</b></td></tr><tr><td><b>TÊN TK (A/C name):CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NHỰA</b></td></tr><tr><td><b>ĐỊA CHỈ (Address):</b></td></tr><tr><td><b>TẠI NH (With Bank):VIETCOMBANK</b></td></tr></table>		<b>SỐ TK (A/C No):710A-08675</b>	<b>TÊN TK (A/C name):CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NHỰA</b>	<b>ĐỊA CHỈ (Address):</b>	<b>TẠI NH (With Bank):VIETCOMBANK</b>	<table border="1"><tr><td><b>BẰNG SỐ</b> (In figure):</td><td><b>106.535.000</b></td><td><b>VND</b></td></tr><tr><td><b>BẰNG CHỮ</b> (In words):</td><td colspan="2"><b>Một trăm linh sáu triệu năm trăm ba mươi năm ngàn đồng chẵn.</b></td></tr></table>	<b>BẰNG SỐ</b> (In figure):	<b>106.535.000</b>	<b>VND</b>	<b>BẰNG CHỮ</b> (In words):	<b>Một trăm linh sáu triệu năm trăm ba mươi năm ngàn đồng chẵn.</b>		<b>Phí trong</b> <input type="checkbox"/> <b>Phí ngoài</b> <input type="checkbox"/>
<b>SỐ TK (A/C No):710A-08675</b>													
<b>TÊN TK (A/C name):CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NHỰA</b>													
<b>ĐỊA CHỈ (Address):</b>													
<b>TẠI NH (With Bank):VIETCOMBANK</b>													
<b>BẰNG SỐ</b> (In figure):	<b>106.535.000</b>	<b>VND</b>											
<b>BẰNG CHỮ</b> (In words):	<b>Một trăm linh sáu triệu năm trăm ba mươi năm ngàn đồng chẵn.</b>												
<b>&amp; GHI CÓ TÀI KHOẢN</b> ( & Credit account):		<b>NỘI DUNG (Details of Payment)</b> Trả tiền hàng theo HĐ000255											
<table border="1"><tr><td><b>SỐ TK (A/C No): 710A-05397</b></td></tr><tr><td><b>TÊN TK (A/C name):CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO</b></td></tr><tr><td><b>ĐỊA CHỈ (Address):</b></td></tr><tr><td><b>TẠI NH (With Bank):VIETCOMBANK</b></td></tr></table>		<b>SỐ TK (A/C No): 710A-05397</b>	<b>TÊN TK (A/C name):CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO</b>	<b>ĐỊA CHỈ (Address):</b>	<b>TẠI NH (With Bank):VIETCOMBANK</b>	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG KÝ</b> Chief Accountant	<b>CHỦ TÀI KHOẢN KÝ VÀ ĐÓNG DẤU</b> Acc.Holder & Stamp						
<b>SỐ TK (A/C No): 710A-05397</b>													
<b>TÊN TK (A/C name):CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO</b>													
<b>ĐỊA CHỈ (Address):</b>													
<b>TẠI NH (With Bank):VIETCOMBANK</b>													
<b>DÀNH CHO NGÂN HÀNG (For Bank's use only) MÃ VAT</b>													
<b>Thanh toán viên</b>	<b>Kiểm soát</b>	<b>Giám đốc</b>											

Nợ TK 152 : 96.850.000

Nợ TK 1331: 9.685.000

Có TK 1121: 106.535.000

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## HÓA ĐƠN

### GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2 (Giao khách hàng)

Ngày 03 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01 GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 001197

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH THÀNH LONG**

Địa chỉ: 440 Tô Hiệu – Hải Phòng.

Số tài khoản: 710A – 01976

Điện thoại:

MS:

0 2

0 0 1 3 5 8 7

9

Họ tên người mua hàng: **Vũ Thị Ánh.**

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm

Số tài khoản: 710A – 05397

Điện thoại:

MS:

0 2

0 0 4 4 4 4 5

0

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Vận chuyển 2.500kg hạt nhựa, 500kg hạt màu, 325 kg titan, 1000kg bột PVC từ Công ty CP hóa chất nhựa vè Công ty CP Mỹ Hảo				1.000.000
Cộng tiền hàng:					1.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		100.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.100.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu, một trăm ngàn đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**

**Mẫu số 02-TT**

**(Ban hành theo QĐ số: 15/2006QĐ**

**Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**

### PHIẾU CHI

Ngày 03 tháng 12 năm 2012

Quyển số: 26

Số : 0290

Nợ 152 : 1.000.000

Nợ 1331: 100.000

Có 1111: 1.100.000

Họ tên người nhận tiền: **CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH THÀNH LONG**

Địa chỉ: 440 Tô Hiệu – Hải Phòng.....

Lý do chi: *Thanh toán tiền vận chuyển* .....

Số tiền: 1,100,000đ.....

Bằng chữ: *Một triệu một trăm ngàn đồng chẵn*.....

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 03 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền( viết bằng chữ).....

+ Tỉ giá ngoại tệ( vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

(Liên gửi ra ngoài phải có dấu)

Nợ TK 152 : 1.000.000

Nợ TK 1331: 100.000

Có TK 111: 1.100.000

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**

Bộ phận: **Phòng vật tư**

## BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Ngày 03 tháng 12 năm 2012

Số: 115

Căn cứ theo hóa đơn GTGT số 000255 ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Hóa chất nhựa.

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông (Bà): **Nguyễn Văn Bình** - Trưởng ban

Ông (Bà): **Nguyễn Hải Hà** - Ủy viên

Ông (Bà): **Nguyễn Thu Trang** - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Hạt nhựa		Xác suất	kg	2.500	2.500	0	
2	Hạt màu		Xác suất	kg	500	500	0	
3	Titan		Xác suất	kg	325	325	0	
4	Bột PVC		Xác suất	kg	1.000	1.000	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng đã nhận đủ số lượng với trên hóa đơn, chất lượng hàng hóa tốt.

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty cổ phần Mỹ Hào

Bộ phận : phòng vật tư

**Mẫu: 01-VT**

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

## PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2012

**Số: NK154**

Nợ: 152

Có: 1121

Họ tên người giao hàng: Phạm Hữu Trường.

Địa chỉ: 32/266 Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng

Lý do : Nhập kho NVL để sản xuất sản phẩm

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Hạt nhựa	10101	kg	2.500	2.500	27.740	69.350.000
2	Hạt màu	10201	kg	500	500	20.910	10.455.000
3	Titan	11204	kg	325	325	20.000	6.500.000
4	Bột PVC	10205	kg	1.000	1.000	10.545	10.545.000
	<b>Cộng</b>						<b>96.850.000</b>

Số tiền bằng chữ:.....

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày 03 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Người nhận hàng  
(ký, họ tên)

Thủ kho  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

### Nghiệp vụ 2

Sau khi thỏa thuận ký kết hợp đồng nhập khẩu giữa hai bên, Công ty viết đơn đề nghị Ngân hàng BIDV phát hành thư tín dụng để thanh toán lô hàng nhập khẩu. Sau khi xem xét nguồn vốn để đảm bảo thanh toán của doanh nghiệp, Ngân hàng phát hành thư tín dụng (L/C)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 144: 439.887.360 (21.120USD x 20828)

Nợ TK 635: 4.266.240 (21.120USD x (21.030 – 20828))

Có TK 1122: 444.153.600 (21.120USD x 21.030)

### Hàng xếp lên tàu:

Khi hàng đã được xếp lên tàu thì Ngân hàng nước ngoài nơi nhận L/C sẽ có đầy đủ bộ chứng từ gốc lô hàng gồm:

- Bill of lading ( Vận đơn)
- Commercial Invoice (Hóa đơn thương mại)
- Packing list ( Đóng gói)
- Certificate of Origin ( Giấy chứng nhận xuất xứ)
- Chứng từ bảo hiểm lô hàng

Bộ chứng từ gốc này được gửi cho Ngân hàng mở L/C , và một bộ chứng từ photo được gửi cho doanh nghiệp.



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



**YURAK INTERNATIONAL TRADING CO., LTD**  
**ADD: No.3, Wunsin Rd., Beitun District, Taichung City 406,**  
**Taiwan (R.O.C.)**  
**TEL: +886-2-2963121 \* FAX+886-2-2935750**  
**Website : [www.yurak.com.tw](http://www.yurak.com.tw)**  
**Email:[hawluck@yurak.com.tw](mailto:hawluck@yurak.com.tw)**

## COMMERCIAL INVOICE

No: AJ13/258

Date: 13-Dec-12

BY ORDER AND FOR ACCOUNT RISK OF MESSRS: .....**MY HAO JS, CO**.....  
ADDRESS:.....**25 Vu Chi Thang, Vinh Niem, Le Chan, Hai Phong**.....  
TEL:.....+84 31 3742840 ..... FAX:.....+84 31 3742815.....  
CONTRACT NO: ... BNE12-0139 ..... DATE:..... 11-Dec-12 .....  
SHIPMENT FROM: 高雄市(KAOHSIUNG PORT)... TO: .....HAI.PHONG PORT.....  
VESSEL:.....WAN HAI 101S015 .....  
B/L NO:.....097A06443 ..... DATE:..... 14-Dec-12.....

ITEM No	DESCRIPTION OF GOODS	QUANTITY	UNIT PRICE	AMOUNT	
				USD	VND
1	Resin PP	16,000 kilos	1,32	21.120	439.887.360
EXCHANGE RATE:				1	20,828
G.TOTAL.(Exclude VAT)				21.120	439,887,360
VAT tax (Rate 0%)					
G.TOTAL.(Include VAT)				21.120	439,887,360
In word: <b>US Dollar twenty-one thousand one hundred and twenty only</b>					

FOR AND ON BEHALF OF COMPANY  
(Sender's original signature)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### OCEAN BILL OF LADING

Export (Name and address including Zip code) <b>YURAK INTERNATIONAL TRADING CO.LTD</b> <b>3, Wunsin Rd., Beitun District, Taichung City 406, Taiwan (R.O.C.)</b>		<b>B/L No. 0973A06443</b> <b>S/O No: 4854 11</b>	
Consigned: TO ORDER OF INVESTMENT AND DEVERLOPMENT BANK		Forwarding Agent <b>MY HAO JS, CO</b>	
Notify Party: <b>MY HAO JS, CO</b> <b>25 Vu Chi Thang, Vinh Niem, Le Chan, Hai Phong</b>		Point (State) of orgin or FTZ number <b>TAI WAN</b>	
Ocean vessel/ Voy No. <b>WAN HAI 101 S015</b>		Domestic Routing Export Instructions	
Port of loading: <b>KAOSIUNG, TAIWAN</b>		Place of receipt <b>KAOSIUNG, TAIWAN</b>	
Port of discharge <b>HAI PHONG PORT, VIET NAM</b>		Place of delivery <b>HAI PHONG PORT, VIET NAM</b>	
Marks & Nos: Container No./Seal No	No of packages or containers	Kind of packages; Description of goods	Gross weight/ Measurement
<b>NO MARKS</b>  <b>FCL/FCL</b> <b>WHLU2742930 20SD86</b> <b>WHLZ594647</b>	<b>1CTR</b> <b>(640 BAGS)</b>	<b>"SHIPPER'SPACK LOAD COUNT &amp; SEAL"</b> <b>"SAID TO CONTAIN"</b>  <b>COMMODITY:</b> <b>POLYPROPYLENE (PP)</b> <b>GRADE K8009</b> <b>Q'TY(MT):16 (1FCL)</b> <b>L/C NO.106101300245</b> <b>"FREIGHT PREPAID"</b> <b>SAY: ONE CONTAINER ONLY</b>	<b>16,000.00</b> <b>KGM</b>
Freight payable at <b>TAIWAN</b>	Ex.Rate <b>29.77</b>	No.of original B(s)/L <b>Three (3)</b>	Place and date of issure <b>TAIWAN Dec14 2012</b>
<b>ALL AS ARRANGED</b>			
<b>WAN HAI (VIETNAM)LTD</b> <b>TD BUSINESS CENTER, 06TH FL.,</b> <b>NO 20A, LE HONG PHONG STR.,</b> <b>NGO QUYEN DIST., HAIPHONG CITY, VIET NAM</b> <b>TEL: 3797888 FAX: 3859187</b>			

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## PACKING LIST

<b>SHIPPER</b> YURAK INTERNATIONAL TRADING CO.LTD ADD: 3, Wunsin Rd., Beitun District, Taichung City 406, Taiwan (R.O.C.) TEL: +886 2 2963121 FAX: +886 2 2935750		<b>DATE:</b> 13.DEC.2012		
<b>CONSIGNEE</b> TO ORDER OF INVESTMENT AND DEVELOPMENT BANK		<b>TO THE APPLICANT</b> (if other than consignee and buyer) MY HAO JS, CO ADD: VINH NIEM, LE CHAN, HAI PHONG TEL: +84 31 3742840 FAX: +84 31 3742815		
<b>DEPARTURE DATE</b> 14.DEC.2012		<b>OTHER REFERENCES</b>		
<b>VESSEL/FLIGHT</b> WAN HAI 101 S015	<b>FROM</b> KAOSIUNG, TAIWAN	<b>PACKING:</b>		
<b>TO</b> HAIPHONG PORT, VIETNAM				
<b>SHIPPING MARKS</b>	<b>GOODS DESCRIPTION</b>	<b>QUANTITY OR NET WEIGHT</b>	<b>GROSS WEIGHT</b>	<b>MEASUREMENT</b>
		16,000.00KGS	16,000.00KGS	32.000CBM
+ MATERIAL: POLYETHYLENE + QUANTITY: 16MTS + CIF HAI PHONG PORT, VIETNAM, INCOTERMS 2010 + PACKING: 25KG/BAG				
* THE L/C NO.AND DATE: 106101300245 / 2012-12-11				
<b>Signed by</b> <b>YURAK INTERNATIONAL TRADING CO., LTD</b>				

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

### **Tàu gần đến cảng VN:**

Đại lý tàu biển sẽ thông báo tàu đến cho Cảng nhập khẩu và cho Doanh nghiệp chủ hàng, chuyển Bill ký hậu( do thuyền phó ký khi tàu đến cảng xác nhận đã thanh toán tiền vận chuyên) cho ngân hàng Việt Nam khi tàu cập cảng.

- Ngân hàng Việt Nam sẽ chuyển Bill ký hậu cho doanh nghiệp chủ hàng.
- Doanh nghiệp chủ hàng sẽ chuyển Bill ký hậu cho đại lý và nhận DO(delivery order) từ đại lý tàu biển.

### **Tàu cập cảng:**

- Doanh nghiệp chủ hàng chuyển DO cho cảng nhập khẩu và Cảng nhập khẩu sẽ xác nhận Doanh nghiệp chủ hàng là chủ sở hữu của Lô hàng.
- Ngân hàng nhận thế chấp (Ngân hàng mở L/C) Việt Nam sẽ ký hợp đồng ba bên giữa: Doanh nghiệp chủ hàng; cảng nhập khẩu; ngân hàng nhận thế chấp về việc lưu giữ, xuất hàng ra khỏi cảng trước khi chuyển bộ chứng từ cho Doanh nghiệp chủ hàng. Sau này ngân hàng sẽ giữ Hợp đồng 3 bên và tờ khai hải quan.
- Ngân hàng thế chấp chuyển bộ chứng từ gốc cho doanh nghiệp chủ hàng để doanh nghiệp mở tờ khai hải quan.

+Hải Quan xác minh lô hàng đúng như khai báo và tính thuế.

+DN nộp thuế, chuyển phiếu thu cho Hải quan và nhận lại tờ khai đã đóng dấu thông quan.

- Doanh nghiệp chuyển tờ khai thông quan cho ngân hàng mở L/C.
- Khi hàng về kho, công ty tiến hành kiểm định chất lượng và nhập kho nguyên vật liệu

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**

Bộ phận: **Phòng vật tư**

## BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Số: 116

Căn cứ theo hóa đơn thương mại ( commercial invoice) số AJ/258 ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Công ty YURAK INTERNATIONAL TRADING CO.LTD

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông (Bà): **Nguyễn Văn Bình** - Trưởng ban

Ông (Bà): **Nguyễn Hải Hà** - Ủy viên

Ông (Bà): **Nguyễn Thu Trang** - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Hạt nhựa		Xác suất	kg	16.000	16.000	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng đã nhận đủ số lượng với trên hóa đơn, chất lượng hàng hóa tốt.

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

Sinh viên: **Nguyễn Thị Hải Yến**

Lớp: **QT1307K**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty cổ phần Mỹ Hào

Bộ phận : phòng vật tư

**Mẫu: 01-VT**

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

## PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

**Số: NK155**

Nợ TK 152

CóTK 331

Họ tên người giao hàng: YURAK INTERNATIONAL.CO

Địa chỉ:

Lý do : Nhập khẩu hạt nhựa phục vụ SX

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Hạt nhựa	10101	kg	16.000	16.000	27.493	439.887.360
	<b>Cộng</b>						<b>439.887.360</b>

Số tiền bằng chữ:.....

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Người nhận hàng  
(ký, họ tên)

Thủ kho  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**a. Nhập khẩu NVL**

Nợ TK 152: / 439.887.360  
Có TK 331 (nước ngoài): / (21.120USD x 20.828)

**b. Thuế nhập khẩu**

Nợ TK 152: / 21.994.368  
Có TK 33331 / (21.120USD x 20.828 x 5% )

**c. Thuế GTGT**

Nợ TK 1331: / 46.188.173  
Có TK33312 / (439.887.360 + 21.994.368) x 10%

**d. Công ty đã nộp thuế bằng TGNH, Ngân hàng đã gửi giấy báo Nợ**

Nợ TK 33331: 21.994.368  
Nợ TK 33312: 46.188.173  
Có TK 1121: 68.182.541

**e. Hạch toán tiền thuê kho, bãi, trông coi, kiểm đếm, vận chuyển hàng về doanh nghiệp**


Nợ TK 152: 100.430.000  
Nợ TK 1331: 10.043.000  
Có TK 331: 110.473.000

**f. Ngân hàng trả tiền cho người bán nước ngoài**

Nợ TK 331(nc ngoài) / 439.887.360  
Có TK 144: / (21.120USD x 20.828)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Sau khi công ty nộp thuế nhập khẩu cho hải quan và thuế GTGT cho NSNN theo mẫu C1-02/NS bằng TGNH, ngân hàng gửi giấy báo Nợ cho doanh nghiệp.*

	Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam CN: Hải phòng Đ/c: 217D Lạch Tray- Ngô Quyền	<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	Số/No: 1853 Ngày/Date:20/12/2012
<p style="text-align: center;"><b><i>Kính gửi: Công ty cổ phần Mỹ Hảo</i></b></p> <p>Xin báo: Quý cơ quan rõ, ngày 20 tháng 12 năm 2012</p> <p>Chúng tôi đã ghi Nợ tài khoản 112 của Quý cơ quan</p> <p>Số tiền bằng số: 68.182.541đ</p> <p>Số tiền bằng chữ: <i>Sáu mươi tám triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi một đồng.</i></p> <p>Lý do: <i>Nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu.</i></p> <p style="text-align: right;">Ngày 20 tháng 12 năm 2012.</p> <p>Giao dịch viên <span style="float: right;">Kiểm soát</span></p>			



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Nghiệp vụ 3

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/11P		
Liên 2 (Giao khách hàng)			Số: 000856		
<b>Ngày 21 tháng 12 năm 2012</b>					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT MINH QUÂN</b>					
Địa chỉ : Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng.			Số tài khoản: 1252225463		
Điện thoại:	MS:	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/>	<input type="text" value="4"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
Họ tên người mua hàng: <b>Vũ Thị Ánh.</b>					
Đơn vị: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO</b>					
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm			Số tài khoản: 710A – 05397		
Điện thoại:	MS:	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="5"/>	<input type="text" value="0"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Sáp 110	kg	250	18.181	4.545.250
Cộng tiền hàng:					4.545.250
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		454.525
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.999.775
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi năm đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**

Bộ phận: **Phòng vật tư**

## BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Ngày 21 tháng 12 năm 2012

Số: 117

Căn cứ theo hóa đơn GTGT số 000856 ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Công ty Thương mại và sản xuất Minh Quân

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông (Bà): **Nguyễn Văn Bình** - Trưởng ban

Ông (Bà): **Nguyễn Hải Hà** - Ủy viên

Ông (Bà): **Nguyễn Thu Trang** - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Sáp 110		Xác suất	kg	250	250	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng đã nhận đủ số lượng với trên hóa đơn, chất lượng hàng hóa tốt.

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

*Khi mua chưa trả tiền người bán, phiếu nhập kho chỉ ghi đến cột số lượng và được kẹp cùng với hóa đơn, biên bản kiểm nghiệm và chứng từ khác liên quan. Khi thanh toán kế toán mới ghi cột đơn giá và thành tiền.*

Đơn vị: Công ty cổ phần Mỹ Hào

**Mẫu: 01-VT**

Bộ phận : phòng vật tư

*(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)*

### PHIẾU NHẬP KHO

**Số: NK156**

Ngày 21 tháng 12 năm 2012

Nợ: 152

Có: 331

Họ tên người giao hàng: Trần Văn Hải

Địa chỉ Vĩnh Niệm – Lê Chân - Hải Phòng

Lý do : Nhập kho NVL để sản xuất sản phẩm

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Sáp 110	10206	kg	250	250	18.181	4.545.250
	<b>Cộng</b>						<b>4.545.250</b>

Số tiền bằng chữ:.....

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

*Ngày 21 tháng 12 năm 2012*

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Người nhận hàng  
(ký, họ tên)

Thủ kho  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Nghiệp vụ số 4

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 2 (Giao khách hàng)		Số: 000417			
<b>Ngày 27 tháng 12 năm 2012</b>					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NHỰA</b>					
Địa chỉ 32/266 Trần Nguyên Hãn– Hải Phòng.		Số tài khoản: 710A – 08675			
Điện thoại:	MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text"/>				
Họ tên người mua hàng: <b>Vũ Thị Ánh.</b>					
Đơn vị: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO</b>					
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm Số tài khoản: 328112531					
Điện thoại:	MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text"/>				
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Hạt màu	kg	1.000	20.454	20.454.000
2	Mực xanh	kg	161	47.000	7.567.000
3	Mực đen	kg	110	126.000	13.860.000
4	Mực ánh tím	kg	1.000	95.000	95.000.000
Cộng tiền hàng:					136.881.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		13.688.100	
Tổng cộng tiền thanh toán:					150.569.100
Số tiền viết bằng chữ: : <i>Một trăm năm mươi triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn một trăm đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên )		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên )		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên )	

Để vay tiền ngân hàng, doanh nghiệp cần phải có các giấy tờ sau:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất kinh doanh và tự khai nguồn thu nhập – chi phí từ sản xuất kinh doanh.
- Giấy tờ nhân thân (CMND, hộ khẩu,.....) của người đại diện đi vay
- Hồ sơ pháp lý ( Giấy đăng ký kinh doanh, mã số thuế,...)
- Giấy tờ thể hiện quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản.
- Các giấy tờ khác có liên quan.

Căn cứ vào tất cả các giấy tờ trên ngân hàng duyệt đồng ý cho doanh nghiệp vay một khoản tiền gọi là hạn mức tín dụng.

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh cần thanh toán mà khoản thanh toán này được phép thanh toán trong định mức duyệt, thì công ty sẽ mang ủy nhiệm chi, hợp đồng kinh tế lên ngân hàng, giấy nhận Nợ của lần giải ngân lần này lên ngân hàng. Ở ủy nhiệm chi mục tài khoản của công ty sẽ ghi theo tài khoản vay do ngân hàng cung cấp.

Sau khi thanh toán xong tiền cho người bán thì giấy nhận nợ chính là chứng từ chứng minh số tiền ngân hàng đã cho doanh nghiệp vay.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 152: 136.881.000

Nợ TK1331: 13.688.100

Có TK 311: 150.569.100

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

MÃU SỐ: 04C/GNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY NHẬN NỢ**

Số: 05

**Kèm theo hợp đồng tín dụng số 26/HĐTD ngày 27/12/2012**

Đơn vị vay vốn (Bên vay)	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO</b>		
Địa chỉ	Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm- phường Vĩnh Niệm – Lê Chân- HP.		
Điện thoại	0313.742.840	Fax:	0313.742.815
Tên người đại diện	<b>Vũ Thị Ánh</b>	Chức vụ:	Giám đốc
Giấy ủy quyền (nếu có) số		Ngày:	

**Cam kết thanh toán không điều kiện số tiền nhận nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 26/HĐTD Ngày 27/12/2012 ký giữa chúng tôi và Ngân hàng ACB như sau:**

<b>Số tiền vay theo hợp đồng tín dụng: 150,569,100</b> (Một trăm năm mươi triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn một trăm đồng chẵn.)	
<b>Số tiền nhận nợ lần này: 150,569,100</b> (Một trăm năm mươi triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn một trăm đồng chẵn.)	
<b>Phương thức rút vốn vay:</b>	
<input checked="" type="checkbox"/> Bảng chuyển khoản số tiền	Ghi rõ số tiền bằng số: <b>150,569,100</b>
<input type="checkbox"/> Bảng tiền mặt số tiền	Ghi rõ số tiền bằng số:
<input type="checkbox"/> Khác	
<b>Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu</b>	
<b>Thời hạn vay:</b> 1 năm	(12 tháng)
<b>Ngày rút vốn</b> 29/12/2012	<b>Ngày đến hạn</b> 29/12/2013
<b>Lãi suất cho vay</b> 0.85%/tháng	<b>Lãi quá hạn</b> 1.27%/tháng
<b>Chứng từ kèm theo</b>	<input checked="" type="checkbox"/> Ủy nhiệm chi Ngày <b>29/12/2012</b>
	<input type="checkbox"/> Giấy lĩnh tiền mặt Ngày
	<input type="checkbox"/> Liệt kê tài liệu đính kèm khác nếu có

Số tiền trên được ghi nợ vào tài khoản vay của chúng tôi 17251269804 tại **Ngân hàng ACB**

Chúng tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng hạn, thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng tín dụng.

Giấy nhận nợ này là bộ phận không tách rời của hợp đồng tín dụng.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2012

**XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG**

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN BÊN VAY**

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**

Bộ phận: **Phòng vật tư**

## BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Ngày 27 tháng 12 năm 2012

Số: 118

Căn cứ theo hóa đơn GTGT số 000417 ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần hóa chất nhựa.

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông (Bà): **Nguyễn Văn Bình** - Trưởng ban

Ông (Bà): **Nguyễn Hải Hà** - Ủy viên

Ông (Bà): **Nguyễn Thu Trang** - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Hạt màu		Xác suất	kg	1.000	1.000	0	
2	Mực xanh		Xác suất	kg	161	161	0	
3	Mực đen		Xác suất	kg	110	110	0	
4	Mực ánh tím		Xác suất	kg	1.000	1.000	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng đã nhận đủ số lượng với trên hóa đơn, chất lượng hàng hóa tốt.

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty cổ phần Mỹ Hảo  
Bộ phận : phòng vật tư

**Mẫu: 01-VT**  
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**  
Ngày 27 tháng 12 năm 2012

**Số: NK157**  
Số: 152  
Cố: 311

Họ tên người giao hàng: Phạm Hữu Trường.  
Địa chỉ: 32/266 Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng  
Lý do : Nhập kho NVL để sản xuất sản phẩm

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Hạt màu	10101	kg	1.000	1.000	20.454	20.454.000
2	Mực xanh	10302	kg	161	161	47.000	7.567.000
3	Mực đen	10305	kg	110	110	126.000	13.860.000
4	Mực ánh tím	10307	kg	1.000	1.000	95.000	95.000.000
	<b>Cộng</b>						136.881.000

Số tiền bằng chữ:.....  
Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày 27 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu      Người nhận hàng      Thủ kho      Kế toán trưởng      Giám đốc  
(ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)



### 2.4.5 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

Việc xuất kho NVL chủ yếu phục vụ cho quá trình SX theo đơn đặt hàng.

#### 2.4.5.1 Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ

##### ❖ Chứng từ xuất kho:

- Lệnh xuất kho
- Phiếu đề nghị xuất kho
- Phiếu xuất kho (mẫu 02-VT)

##### ❖ Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho

Khi có nhu cầu về vật tư phục vụ cho sản xuất, bộ phận sản xuất cử người lên phòng cung ứng vật tư đề nghị xuất kho cho sản xuất sản phẩm. Phòng cung ứng vật tư xem xét yêu cầu của bộ phận sản xuất hẹn trả lời sau một thời gian nhất định rồi lập lệnh xuất kho trình giám đốc ký duyệt. Sau khi lệnh xuất kho được giám đốc ký duyệt thì được chuyển lại cho phòng cung ứng vật tư. Phòng cung ứng vật tư giao lệnh này cho bộ phận sản xuất, lệnh xuất kho được bộ phận sản xuất mang xuống kho để yêu cầu thủ kho xuất kho nguyên vật liệu. Sau khi xuất kho thủ kho cùng người nhận nguyên vật liệu ký vào phiếu xuất kho, phiếu xuất kho được lập thành 3 liên

- Liên 1: lưu tại nơi lập phiếu
- Liên 2: thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho và chuyển cho phòng kế toán
- Liên 3: Phân xưởng nhận vật tư giữ.

#### 2.4.5.2 Ví dụ minh họa

1. Ngày 06 tháng 12 năm 2012 xuất 1.200kg hạt nhựa, 200kg hạt màu, 200kg titan, 500kg bột PVC cho sản xuất sản phẩm
2. Ngày 22 tháng 12 năm 2012 xuất 5.500kg hạt nhựa, 400kg hạt màu, 500kg mực ánh tím cho sản xuất sản phẩm.
3. Ngày 28 tháng 12 năm 2012 xuất 2.000 hạt nhựa, 100kg Mực đen, 50kg sáp 110 cho sản xuất sản phẩm .

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## ĐƠN XIN CẤP VẬT TƯ

Tên tôi là: Nguyễn Mạnh Hùng

Bộ phận: phân xưởng sản xuất

Kính trình ban lãnh đạo duyệt cấp nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất .

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Hạt nhựa	kg	1.200	
2	Hạt màu	kg	200	
3	Titan	kg	200	
4	Bột PVC	kg	500	

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Người xin cấp vật tư

Kế toán trưởng

Lãnh đạo duyệt

Đơn vị: Công ty cổ phần Mỹ Hào  
Bộ phận : phòng vật tư

**Mẫu: 02-VT**  
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

**Số: XK386**

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Mạnh Hùng.

Nợ: 621

Địa chỉ (bộ phận): Xưởng sản xuất

Có: 152

Lý do xuất kho: phục vụ sản xuất theo kế hoạch

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Hạt nhựa	10101	kg	1.200	1.200		
2	Hạt màu	10201	kg	200	200		
3	Titan	11204	kg	200	200		
4	Bột PVC	10205	kg	500	500		
	<b>Cộng</b>						

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## ĐƠN XIN CẤP VẬT TƯ

Tên tôi là: Nguyễn Mạnh Hùng

Bộ phận: phân xưởng sản xuất

Kính trình ban lãnh đạo duyệt cấp nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Hạt nhựa	kg	5.500	
2	Hạt màu	kg	400	
3	Mực ánh tím	kg	500	

Ngày 22 tháng 12 năm 2012

Người xin cấp vật tư

Kế toán trưởng

Lãnh đạo duyệt

Đơn vị: Công ty cổ phần Mỹ Hào

Bộ phận : phòng vật tư

Mẫu: 02-VT

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2012

Số: XK387

Nợ: 621

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Mạnh Hùng.

Có: 152

Địa chỉ (bộ phận): Xưởng sản xuất

Lý do xuất kho: phục vụ sản xuất theo kế hoạch

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Hạt nhựa	10101	kg	5.500	5.500		
2	Hạt màu	10201	kg	400	400		
3	Mực ánh tím	10307	kg	500	500		
	<b>Cộng</b>						

Ngày 22 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## ĐƠN XIN CẤP VẬT TƯ

Tên tôi là: Nguyễn Mạnh Hùng

Bộ phận: phân xưởng sản xuất

Kính trình ban lãnh đạo duyệt cấp nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Hạt nhựa	kg	2.000	
2	Mực đen	kg	100	
3	Sáp 110	kg	50	

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Người xin cấp vật tư

Kế toán trưởng

Lãnh đạo duyệt

Đơn vị: Công ty cổ phần Mỹ Hảo

Bộ phận : phòng vật tư

Mẫu: 02-VT

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Số: XK388

Nợ: 621

Có: 152

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Mạnh Hùng.

Địa chỉ (bộ phận): Xưởng sản xuất

Lý do xuất kho: phục vụ sản xuất theo kế hoạch

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Hạt nhựa	10101	kg	2.000	2.000		
2	Mực đen	10205	kg	100	100		
3	Sáp 110	10206	kg	50	50		
	<b>Cộng</b>						

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.4.6 Tổ chức hạch toán chi tiết NVL tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

Do đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty đa dạng, nhiều chủng loại, nghiệp vụ về NVL diễn ra thường xuyên liên tục nên kế toán doanh nghiệp đã áp dụng phương pháp hạch toán chi tiết NVL theo hình thức “ sổ sổ dư ”

#### 2.4.6.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại kho

Ở kho căn cứ vào phiếu nhập, xuất thủ kho vào thẻ kho nhằm theo dõi số lượng nhập xuất tồn của từng vật tư ở từng kho. Làm căn cứ xác định tồn kho dự trữ vật liệu và xác định trách nhiệm vật chất của thủ kho

Đơn vị: Công ty cổ phần Mỹ Hảo

**Mẫu: S12-DN**

Bộ phận : Kho I

*(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)*

### THẺ KHO

Ngày lập thẻ : 01/12/2012

Tờ số: 08

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Hạt nhựa
- Đơn vị tính: kg
- Mã số: 10101

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
			<b>Dư đầu kỳ</b>				<b>5.920</b>	
1	PN154	03/12	Nhập kho NVL	03/12	2.500		8.420	
2	PX386	06/12	Xuất kho cho sxsp	06/12		1.200	7.220	
3	PN155	19/12	Nhập kho NVL	19/12	16.000		23.220	
4	PX387	22/12	Xuất kho cho sxsp	22/12		5.500	17.720	
5	PX388	28/12	Xuất kho cho sxsp	28/12		2.000	15.720	
			<b>Cộng cuối kỳ</b>				<b>15.720</b>	

Tương tự như vậy, thủ kho vào thẻ kho của các vật tư còn lại.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.4.6.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại phòng kế toán

Định kỳ đến 5 ngày nhận được chứng từ, kế toán NVL, Kế toán vật tư định khoản và cập nhật số liệu vào máy tính. Máy vi tính tự tính tiền cho từng phiếu nhập và lên “Bảng lũy kế nhập vật tư” cả về giá trị và hiện vật

Cuối tháng, sau khi tính được đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ thì máy tính tự lên “Bảng lũy kế xuất vật tư” cả về giá trị và hiện vật. Và tự lên “bảng tổng hợp nhập xuất tồn” và “sổ chi tiết vật liệu”

**CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO**

### BẢNG LŨY KẾ NHẬP NVL

**Tháng 12/2012**

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Số	Ngày					
PN154	03/12	- Mua hạt nhựa	kg	2.500	27.740	69.350.000
		- Mua hạt màu	kg	500	20.910	10.455.000
		- Mua titan	kg	325	20.000	6.500.000
		- Mua bột PVC	kg	1.000	10.545	10.545.000
PC290		Vận chuyển				1.000.000
PN155	19/12	- Nhập khẩu hạt nhựa	kg	16.000	27.493	439.887.360
		Thuế nhập khẩu				21.994.368
		Vận chuyển				100.430.000
PN156	21/12	- Mua sấp 110 chưa thanh toán	kg	250	18.181	4.545.250
PN157	28/12	- Mua hạt màu	kg	1.000	20.454	20.454.000
		- Mua mực xanh	kg	161	47.000	7.567.000
		- Mua mực đen	kg	110	126.000	13.860.000
		- Mua mực ánh tím (Vay ngắn hạn)	kg	1.000	95.000	95.000.000
<b>Cộng</b>						<b>801.587.978</b>

**Kế toán trưởng**

**Người lập phiếu**

Sinh viên: Nguyễn Thị Hải Yến  
Lớp: QT1307K

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO

### BẢNG LŨY KẾ XUẤT NVL

Tháng 12/2012

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Số	Ngày					
PX386	06/12	Xuất kho VL cho SXSP				
		- Hạt nhựa	kg	1.200	32.579	39.094.800
		- Hạt màu	kg	200	20.586	4.117.200
		- Titan	kg	200	20.014	4.002.800
		- Bột PVC	kg	500	10.776	5.388.000
PX387	22/12	Xuất kho VL cho SXSP				
		- Hạt nhựa	kg	5.500	32.579	179.184.500
		- Hạt màu	kg	400	20.586	8.234.400
		- Mực ánh tím	kg	500	96.970	48.485.000
PX388	28/12	Xuất kho VL cho SXSP				
		- Hạt nhựa	kg	2.000	28.466	56.932.000
		- Mực đen	kg	100	126.000	12.600.000
		- Sáp110	kg	50	18.181	909.050
		<b>Cộng</b>				<b>358.947.750</b>

**Kế toán trưởng**

**Người lập phiếu**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO

#### SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU ( SỔ SỐ DƯ)

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2012

Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Dư cuối tháng	
			SL	TT
CV01	Hạt nhựa	Kg	15.720	520.361.263
CV02	Hạt màu	Kg	1.200	24.703.007
CV03	Bột PVC	Kg	500	5.338.212
CV05	Titan	Kg	175	3.502.346
CV06	Sáp 110	Kg	200	3.636.200
NLN03	Mực xanh	Kg	181	8.517.000
NLN04	Mực đen	Kg	10	1.260.000
NLN06	Mực ánh tím	Kg		111.515.000



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO

#### BẢNG TỔNG HỢP NHẬP, XUẤT, TỒN NVL Tháng 12/2012

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Hạt nhựa	kg	5.920	163.332.800	18.500	632.239.763	8.700	275.211.300	15.720	520.361.263
2	Hạt màu	kg	300	6.030.000	1.500	31.024.607	600	12.351.600	1.200	24.703.007
3	Titan	kg	50	930.000	325	6.575.146	200	4.002.800	175	3.502.346
4	Bột PVC	kg	0	0	1.000	10.776.212	500	5.388.000	500	5.338.212
5	Sáp 110	kg	0	0	250	4.545.250	50	909.050	200	3.636.200
6	Mực xanh	kg	20	950.000	161	7.567.000	0	0	181	8.517.000
7	Mực đen	kg	0	0	110	13.860.000	100	12.600.000	10	1.260.000
8	Mực ánh tím	kg	650	65.000.000	1.000	95.000.000	500	48.485.000	1.150	111.515.000
	<b>Cộng</b>			<b>236.242.800</b>		<b>801.587.978</b>		<b>358.947.750</b>		<b>678.833.028</b>

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.4.7 Tổ chức hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

Công ty hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất NVL kế toán tổng hợp để ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ NKC, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ NKC để ghi vào sổ theo các tài khoản kế toán tổng hợp.

#### CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO

#### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích tháng 12 năm 2012)

ĐVT: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	TT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày					Nợ	Có
			<b>Số lũy kế trang trước</b>				.....	.....
03/12	PN154	03/12	Mua NVL nhập kho	x		152	96.850.000	
						1331	9.685.000	
						112		106.535.000
03/12	PC290	03/12	Cp vận chuyển tt bằng tiền mặt	x		152	1.000.000	
						133	100.000	
						111		1.100.000
31/12	PX386	06/12	Xuất NVL cho SX	x		621	52.602.800	
						152		52.602.800
11/12	L/C05	11/12	Ký quỹ mở L/C	x		144	439.887.360	
						635	4.266.240	
						1122		444.153.600
19/12	PN155	19/12	Nhập khẩu 16.000kg hạt nhựa					
			- Giá NK	x		152	439.887.360	
						331		439.887.360
			- Thuế TK	x		152	21.994.368	
						33331		21.994.368
			- Thuế GTGT hàng NK	x		1331	46.188.173	
			.....			.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế</b>				<b>4.192.918.027</b>	<b>4.192.918.027</b>

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào nhật ký chung, kế toán vào sổ cái, Sổ cái TK 152 tại công ty cổ phần Mỹ Hào được ghi một lần vào ngày cuối tháng sau khi đã khóa sổ, kiểm tra đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu.

### CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ HẢO

#### SỔ CÁI

#### TÀI KHOẢN 152- NGUYÊN VẬT LIỆU

ĐVT: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>		<b>236.242.800</b>	
31/12	PN154	03/12	Mua NVL nhập kho	112	96.850.000	
31/12	PC290	03/12	Cp vận chuyển	111	1.000.000	
31/12	PX386	06/12	Xuất kho vật liệu cho SX	621		52.602.800
31/12	PN155	19/12	Nhập khẩu hạt nhựa	331	439.887.360	
			Thuế nhập khẩu	33331	21.994.368	
			Cp vận chuyển	331	100.430.000	
31/12	PN156	21/12	Mua NVL nhập kho	331	4.545.250	
31/12	PX387	22/12	Xuất kho NVL cho SX	621		235.903.900
31/12	PN157	27/12	Mua NVL nhập kho	311	136.881.000	
31/12	PX388	28/12	Xuất kho NVL cho SX	621		70.441.050
			<b>Công số phát sinh</b>		<b>801.587.978</b>	<b>358.947.750</b>
			<b>Số dư cuối tháng</b>		<b>678.833.028</b>	

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

### 2.5 Công tác kiểm kê NVL tại công ty cổ phần Mỹ Hào

Định kỳ một năm một lần, Công ty cổ phần Mỹ Hào kiểm kê NVL để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số trên sổ sách. Khi có lệnh kiểm kê, phòng vật tư kết hợp với phòng kế hoạch lập bảng kiểm kê dùng làm chứng từ hạch toán.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### \* Trường hợp kiểm kê thấy thiếu hụt NVL so với sổ sách

- Nếu NVL hao hụt trong định mức hoặc thiếu do đo lường không chính xác thì coi là một khoản chi phí quản lý.

Nợ TK 642

Có TK 152

Kế toán định khoản trên bảng kê phiếu xuất cho NVL

- Nếu NVL thiếu chưa xác định được nguyên nhân thì kế toán theo dõi riêng trên bảng kê xuất kho, không tính vào chi phí NVL trong kỳ.

Nợ TK 138 (1381)

Có TK 152

### \* Trường hợp kiểm kê thấy thừa NVL so với sổ sách

- Nếu NVL thừa không phải của công ty thì công ty có trách nhiệm bảo quản coi như vật giữ hộ, kế toán ghi Nợ TK002

**VD:** Khi kiểm kê cuối năm thấy hạt màu thừa so với sổ kế toán là 10.000.000đ. Sau khi xác minh không phải là của công ty, kế toán ghi đơn.

Nợ TK 002: 10.000.000

## 2.6 Phân tích hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

Trong khâu sử dụng đòi hỏi phải thực hiện việc sử dụng hợp lý tiết kiệm trên cơ sở các định mức, các dự toán chi nhằm hạ thấp mức tiêu hao NVL làm hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để đánh giá hiệu quả sử dụng NVL tại công ty cổ phần Mỹ Hảo, em xin được đề cập đến một số chỉ tiêu sau:

### 2.6.1

#### Hệ số quay kho của NVL

Giá trị NVL xuất trong kỳ

$$\text{Hệ số quay kho NVL} = \frac{\text{Giá trị NVL xuất trong kỳ}}{\text{Giá trị NVL bình quân}}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chỉ tiêu này phản ánh lượng NVL tồn kho của doanh nghiệp quay được bao nhiêu vòng. Số vòng quay càng nhiều thì hiệu quả sử dụng NVL càng cao và ngược lại.

### HỆ SỐ QUAY KHO NVL

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch
1. Giá trị NVL xuất dùng	60.307.747.833	90.623.429.715	+30.315.681.882
2. Giá trị NVL bình quân	13.542.500.000	13.688.760.000	+ 146.260.000
3. Hệ số quay kho của NVL	4,45	6,62	+ 2,17

Qua số liệu trên cho thấy hệ số quay kho NVL của năm 2012 tăng so với năm 2011 là 2,17 lần. Do giá trị xuất dùng tăng 30.315.681.882đ, và giá trị vật liệu bình quân tăng 146.260.000đ. Hệ số quay kho càng lớn, vốn lưu động càng quay nhiều, do đó hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng cao. Điều này chứng tỏ công ty đã tận dụng tốt khả năng sử dụng NVL, hệ số quay kho nhanh. Tuy nhiên mức tăng này chưa cao, công ty nên phát huy thêm.

### 2.6.2 Sức sản xuất của NVL

Doanh thu (giá trị sản lượng)

$$\text{Sức sinh lợi của NVL} = \frac{\text{Doanh thu (giá trị sản lượng)}}{\text{Giá trị NVL bình quân}}$$

Sức sản xuất NVL cho biết một đồng NVL đem lại mấy đồng doanh thu. Chỉ tiêu này càng cao thì hiệu quả càng lớn và ngược lại.

### SỨC SẢN XUẤT NVL

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch
1. Doanh thu	88.900.000.000	118.200.000.000	+29.300.000.000
2. Giá trị NVL bình quân	13.542.500.000	13.688.760.000	+146.260.000
3. Hệ số sức sản xuất	6,56	8,63	+ 2,07

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Năm 2012, giá trị sản lượng hàng hóa của công ty tăng so với năm 2011 là 29.300.000.000đ và giá trị nguyên vật liệu bình quân tăng làm cho sức sản xuất của NVL năm 2012 tăng 2.07 lần. Như vậy một đồng NVL của năm 2012 tạo ra nhiều doanh thu hơn năm 2011.

### 2.6.3 Sức sinh lợi của NVL

Lợi nhuận trước thuế

$$\text{Sức sinh lợi của NVL} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Giá trị NVL bình quân}}$$

Chỉ tiêu phản ánh một đồng NVL làm ra mấy đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao thì hiệu quả sử dụng NVL càng lớn và ngược lại.

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch
1.Lợi nhuận trước thuế	14.500.000.000	15.360.000.000	+ 860.000.000
2.Giá trị NVL bình quân	13.542.500.000	13.688.760.000	+ 146.260.000
3.Hệ số sinh lợi của NVL	1,07	1,12	+ 0,05

Trong năm 2011 hệ số sinh lợi của NVL là 1,07, năm 2012 hệ số sinh lợi là 1,12 tăng 0,05 lần. Như vậy trong năm 2012 một đồng NVL bỏ ra thu được nhiều lợi nhuận hơn so với năm 2011.

### 2.6.4 Tốc độ chu chuyển của NVL

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, NVL thường xuyên biến động. Vì thế thúc đẩy tốc độ chu chuyển NVL sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nói chung và vốn lưu động nói riêng.

Để đánh giá tốc độ chu chuyển NVL chúng ta xét các chỉ tiêu sau:

#### + Số vòng quay của NVL

$$\text{Số vòng quay của NVL} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Giá trị NVL bình quân}}$$

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Chỉ tiêu này cho biết NVL quay được mấy vòng trong kỳ. Số vòng quay càng cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng NVL càng lớn và ngược lại.

+ **Kỳ luân chuyển của NVL**

$$\text{Kỳ luân chuyển của NVL} = \frac{\text{Thời gian một kỳ phân tích}}{\text{Số vòng quay của NVL trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này cho biết số ngày cần thiết để NVL quay đủ một vòng. Thời gian của một vòng luân chuyển càng nhỏ thì tốc độ luân chuyển càng lớn và ngược lại.

+ **Hệ số đảm nhiệm của NVL**

$$\text{Kỳ luân chuyển của NVL} = \frac{\text{Giá trị NVL bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Chỉ tiêu này cho biết để tạo ra một đồng doanh thu thì cần bao nhiêu đồng giá trị NVL bình quân dùng cho sản xuất kinh doanh. Chỉ tiêu này càng nhỏ thì hiệu quả sử dụng NVL càng cao và ngược lại.

### **BẢNG PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NVL**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch
1. Tổng doanh thu	88.900.000.000	118.200.000.000	+29.300.000.000
2. Chi phí	60.400.000.000	80.200.000.000	+19.800.000.000
3. Doanh thu thuần	28.500.000.000	38.000.000.000	+9.500.000.000
4. Giá trị NVL bình quân	13.542.500.000	13.688.760.000	+146.260.000
5. Số vòng quay của NVL	2,10	2,78	+0,68
6. Kỳ luân chuyển của NVL	171,4	129,5	-41,9
7. Hệ số đảm nhiệm của NVL	0,475	0,360	-0,115

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Qua bảng phân tích cho thấy tốc độ chu chuyển của NVL năm 2012 đã tăng so với năm 2011. Trong đó số vòng quay của NVL tăng 0,68 vòng, thời kỳ luân chuyển giảm 41,9 ngày. Hệ số đảm nhiệm giảm 0,115. Như vậy NVL năm 2012 sử dụng hiệu quả hơn so với năm 2011.

Ta có thể xác định được giá trị NVL tiết kiệm hay lãng phí hơn của công ty năm 2012 so với năm 2011 như sau:

$$\begin{aligned} \text{Số NVL tiết kiệm (-)} \\ \text{Hay lãng phí (+)} &= \frac{38.000.000.000}{360} \times (129,5 - 171,4) \\ &= - 4.422.777.778 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

Như vậy năm 2012 công ty đã tiết kiệm giá trị nguyên vật liệu hơn năm 2011 là 4.422.777.778 đồng.

Tóm lại, qua việc phân tích việc sử dụng NVL tại công ty cổ phần Mỹ Hảo cho thấy năm 2012 hiệu quả sử dụng cao hơn so với năm 2011.

Có thể nói, Công ty đã có ý thức rất lớn về tiết kiệm nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Thị trường tương đối ổn định, tốc độ lạm phát thấp, giá ngoại tệ tương đối bình ổn. Bên cạnh đó các nguyên nhân chủ quan khác như công ty đầu tư thiết bị công nghệ mới nên hạn chế được mức tiêu hao nguyên vật liệu. Công nhân có ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu năm 2012 hơn so với năm 2011.



## CHƯƠNG III:

### MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN

#### MỸ HẢO

### 3.1 Sự cần thiết và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo

#### 3.1.1 Sự cần thiết

Cùng với sự đổi mới toàn diện nền kinh tế, hạch toán kế toán với tư cách là một bộ phận quan trọng trong hệ thống công cụ quản lý kinh tế đã không ngừng hoàn thiện và phát triển. Hạch toán kế toán góp phần tích cực vào nâng cao chất lượng phát triển quản lý tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu phân cơ sở lý luận chung về hạch toán NVL với việc nâng cao hiệu quả sử dụng NVL và áp dụng lý luận đó vào thực tiễn kế toán NVL tại công ty cổ phần Mỹ Hảo. Chúng ta càng thấy rõ được vai trò vị trí của thông tin kế toán NVL trong việc đáp ứng yêu cầu của công ty quản lý kế toán và quản trị doanh nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu trên, việc hoàn thiện tổ chức hạch toán NVL sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Điều này có ý nghĩa rất lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ mà Đảng và nhà nước đã đề ra trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội thực hành tiết kiệm triệt để trong các lĩnh vực sản xuất và xây dựng cơ bản.

Bên cạnh đó sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng một mặt phải thừa nhận các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế đồng thời sớm hình thành chuẩn mực kế toán theo hệ thống kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán doanh nghiệp theo áp dụng thống

nhất và được nghiên cứu xây dựng trên cơ sở tồn đọng và vận dụng có chọn lọc các nguyên tắc và chuẩn mực chung nhất của kế toán thế giới.

Tuy vậy, vẫn còn nhiều tồn tại của cơ chế kế hoạch, trong công tác hạch toán nguyên vật liệu, thủ tục còn nhiều và phức tạp hơn so với chuẩn mực chung nhất của kế toán thế giới.

Mục tiêu hội nhập kinh tế thế giới và khu vực buộc chúng ta phải ngày càng hoàn thiện và xây dựng cho mình một mô hình hệ thống kế toán doanh nghiệp phù hợp, có khả năng hội nhập vào hệ thống kế toán thế giới.

Nhận biết được tầm quan trọng trong hạch toán NVL đối với quản trị doanh nghiệp, các nhà quản trị Công ty cổ phần Mỹ Hào đã tìm ra các phương pháp quản lý phù hợp với đặc điểm và tình hình sản xuất.

### **3.1.2 Phương hướng chung để hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hào**

Yêu cầu của nhà quản lý đặt ra là ngày càng phải hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán kế toán. Hoàn thiện có ý nghĩa là việc thay đổi và bổ sung để công việc được tiến hành có hiệu quả hơn. Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán NVL cũng như hạch toán kế toán nói chung là việc hoàn thiện những công việc đã được quy định theo những nguyên tắc nhất định.

Chuẩn mực kế toán quốc tế là cơ sở để nước ta xây dựng hệ thống chế độ kế toán. Tuy vậy, việc vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế hoàn toàn không mang tính quy tắc, ép buộc, nó được áp dụng linh hoạt, phù hợp với từng điều kiện của mỗi quốc gia. Theo đó chế độ kế toán của Việt Nam có thể vận dụng theo yêu cầu thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị mình để có thể rút ngắn hay thay đổi công tác kế toán cho phù hợp trên nguyên tắc chấp hành những quy định chung mà nhà nước đã ban hành.

Như vậy hướng hoàn thiện tổ chức hạch toán NVL ở công ty cổ phần Mỹ Hảo là phải dựa trên các yêu cầu ban hành của Bộ tài chính theo các phương pháp thực hiện các tài khoản, sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng.

Ngoài ra hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán NVL ở công ty cổ phần Mỹ Hảo nhằm mục đích nâng cao hiệu quả kinh tế và hiệu quả công tác kế toán. Bởi vậy các giải pháp đề ra cho việc hoàn thiện tổ chức hạch toán NVL là việc chấp hành đúng chế độ mà nhà nước quy định, công ty cần phải đáp ứng được tính hiệu quả và hiệu năng. Yêu cầu xây dựng chuẩn mực kế toán Việt Nam trong tương lai đòi hỏi phải tăng cường hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Điều này đặt ra nhiệm vụ hoàn thiện, tổ chức hạch toán NVL tại Công ty cổ phần Mỹ Hảo.

### **3.2 Đánh giá chung công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ Hảo**

Trải qua nhiều năm không ngừng phấn đấu, đến nay Công ty cổ phần Mỹ Hảo đã khẳng định một thế đứng, vị trí quan trọng trong nền kinh tế, có thể nói công ty đã thực sự trưởng thành và không ngừng lớn mạnh. Đó là tài năng của ban lãnh đạo công ty.

Thông qua giao dịch với đối tác trong và ngoài nước, công ty đã nhanh nhạy nắm bắt được nhu cầu mới của thị trường hàng bao bì, nilon, xác định đầu tư đúng hướng những dây chuyền công nghệ mới, những máy móc thiết bị chuyên dùng, hiện đại, nắm bắt những kỹ thuật và kỹ năng tiên tiến trong dây chuyền sản xuất. Từ đó tạo nên một đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật có trình độ năng lực, mở các lớp đào tạo công nhân nhằm nâng cao tay nghề, tổ chức những cuộc thi công nhân giỏi.. Do vậy sản phẩm của công ty đáp ứng sửa chữa các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, góp phần nâng cao uy tín hàng sản xuất nhựa, nilon, hàng mỏng in ấn mẫu mã bao bì Việt Nam trên thị trường quốc tế trong quá trình hội nhập với các nước trong khu vực và trên

thế giới.

Công ty cổ phần Mỹ Hảo chuẩn bị cho mình những bước đi thật vững vàng:

\* Từ việc đào tạo tuyển chọn các cán bộ quản lý đầy đủ chí thức, trình độ kỹ năng nghiệp vụ đáp ứng những yêu cầu trong giai đoạn mới.

\* Từ việc tận dụng những loại hình hoạt động khoa học công nghệ khác nhau như nghiên cứu triển khai ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hoạt động thông tin.. vào quá trình sản xuất lưu thông hàng hóa.

Cho nên nói rằng khoa học kỹ thuật là một trong những yếu tố chủ đạo góp phần trong việc nâng cao mạnh cạnh tranh của hàng hóa, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu là hoàn toàn có cơ sở. Công ty đã đề ra những biện pháp tích cực, đặc biệt quan tâm đến việc quản lý và sử dụng NVL khai thác triệt để nhằm sử dụng có hiệu quả nội lực và tiềm năng sẵn có của mình phân công phân cấp quản lý, đạt mức cao nhất để có được sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của những bạn hàng khó tính nhất.

Bằng kiến thức đã học cũng như sự trưởng thành nên rất nhiều qua các nghiệp vụ thực tế trong thời gian thực tập tại công ty. Em nhận thấy công tác sử dụng và hạch toán NVL tại công ty có những ưu, nhược điểm sau:

### 3.2.1 Ưu điểm:

#### 3.2.1.1 Về tổ chức bộ máy quản lý và bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức hợp lý, hoạt động có nguyên tắc

+ **Kế toán trưởng:** là một cán bộ có kinh nghiệm năng lực trong lĩnh vực kế toán

+ **Kế toán viên:** đều có trình độ cao, nắm chắc và thành thạo nghiệp vụ có khả năng thay thế lẫn nhau, có thể kiêm nhiều phần hành công việc và được bố trí hợp lý.

Nhân viên kế toán trẻ, nhiệt tình có trình độ học vấn cao cũng như trình độ nghiệp vụ cao, yêu nghề, biết vận dụng linh hoạt hệ thống chuẩn mực kế toán mới nên việc hạch toán được tiến hành nhanh gọn, chính xác, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh công ty Cổ Phần Mỹ Hảo đã chọn hình thức bộ máy kế toán tập trung. Theo hình thức này toàn công ty sẽ chỉ lập một phòng kế toán duy nhất, để thực hiện toàn bộ công tác kế toán còn ở các bộ phận không có bộ phận kế toán riêng. Hàng ngày toàn bộ chứng từ được chuyển về phòng kế toán của công ty để kiểm tra và ghi sổ. Hình thức kế toán này tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm tra, giám sát tại chỗ của kế toán với hoạt động ở các bộ phận, phòng ban trong toàn công ty.

Tổ chức bộ máy của công ty gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp với quy mô và phạm vi của công ty.

### **3.2.1.2 Về tổ chức chứng từ và sổ sách kế toán tại công ty**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, đây là hình thức phổ biến, đơn giản, thích hợp với nhiều loại hình doanh nghiệp, thuận lợi khi sử dụng máy vi tính trong xử lý thông tin kế toán trên sổ, phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Thuận tiện cho việc đối chiếu, kiểm tra chi tiết theo từng chứng từ gốc.

Khâu tổ chức hạch toán ban đầu đều đáp ứng yêu cầu kinh tế và pháp lý. Hệ thống chứng từ mà công ty sử dụng phù hợp với chế độ được ban hành. Quá trình luân chuyển và bảo quản chứng từ cũng được thực hiện theo đúng quy định. Hệ thống chứng từ của công ty tương đối nhiều đặc biệt là các loại hóa đơn nhưng công ty có công tác luân chuyển hợp lý và linh hoạt. Nói chung công ty đã thiết kế cho mình một hệ thống chứng từ phù hợp với đặc

điểm hạch toán của mình. Từ đó giúp hạn chế được nhiều sai sót và nâng cao hiệu quả.

### **3.2.1.3 Về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu tại công ty**

Đã tạo được tính tự chủ trong quản lý, và sử dụng tài sản NVL ở các bộ phận, nâng cao được tinh thần trách nhiệm của mỗi bộ phận sử dụng NVL.

Về công tác hạch toán NVL, từ việc theo dõi, đánh giá NVL kế toán thực hiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và của công ty quy định.

Bộ chứng từ cho mỗi nghiệp vụ phát sinh liên quan đến NVL được sử dụng đầy đủ, đúng thứ tự, hợp lệ, đúng quy định của bộ tài chính.

Kế toán luôn cập nhật phản ánh một cách chính xác, kịp thời đầy đủ tình hình biến động nhập xuất tồn kho NVL trong hệ thống sổ sách của công ty. Ngoài ra hạch toán chi tiết NVL tại công ty còn được thực hiện trên máy vi tính trong chương trình đánh giá hàng tồn kho. Các chỉ tiêu về NVL được nhập đầy đủ trên máy như tên vật tư, khối lượng đơn giá....

Kế toán thường xuyên nắm vững và tận dụng những thông tư quy định mới của bộ tài chính trong công tác hạch toán NVL để có những thay đổi phù hợp.

Kế toán nắm vững nhu cầu sử dụng NVL thông qua các kế hoạch sản xuất, hàng tồn kho và định mức tiêu hao từ đó đưa ra các tham mưu các nhà quản trị về các quyết định như nhập, dự trữ NVL

Việc xử lý tính toán các số liệu ngay từ các chứng từ ban đầu được lập và ghi sổ kế toán theo đúng chế độ nhà nước ban hành. Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh theo hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành.

Qua phân tích tình hình chung kế toán NVL tại công ty có thể thấy rằng: Công tác kế toán NVL được tiến hành khá nề nếp, đảm bảo tuân thủ các

chế độ kế toán, phù hợp với yêu cầu của công ty, đồng thời đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện để quản lý chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn kho. Tính toán phân bổ chính xác cho từng đối tượng sử dụng.

Mặc dù vậy công ty vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót

### **3.2.2 Nhược điểm**

#### **3.2.2.1 Về tổ chức công tác kế toán**

Áp dụng hình thức nhật ký chung một số nghiệp vụ sẽ bị trùng lặp do vậy cuối tháng phải loại bỏ số liệu trùng mới ghi vào sổ cái.

Việc áp dụng chương trình phần mềm kế toán tại công ty cổ phần Mỹ Hảo tuy có nhiều tính năng ưu việt trong việc truy xuất thông tin nhưng không thể phủ nhận được nhược điểm của việc ứng dụng này. Thực hiện kế toán bằng máy thì số liệu đưa vào có liên quan đến tài khoản nào thì lập tức chuyển ngay vào sổ có liên quan đến tài khoản đó. Nhưng nếu thiếu hay thừa một bút toán sẽ thiếu hoặc thừa số liệu tài khoản ở tất cả các sổ có liên quan, số liệu đưa vào nhầm ở bước đầu sẽ làm sai sổ ở các sổ, các tài khoản có liên quan mà vẫn đảm bảo bảng cân đối.

Chương trình phần mềm kế toán chỉ là công cụ trợ giúp cho kế toán nhanh, giảm khối lượng công việc ghi chép bởi nó không thể nhận biết bút toán nào không đúng chế độ kế toán hoặc thừa thiếu số liệu ở bút toán nào. Do vậy quá trình hạch toán trên máy vì tính kế toán nên thận trọng khi cập nhật số liệu để tránh nhầm lẫn vì công việc tìm ra sai lệch sẽ mất rất nhiều thời gian và công sức.

#### **3.2.2.2 Những nhược điểm còn tồn tại trong tổ chức kế toán nguyên vật liệu**

Em xin được trình bày trong phần 3.3 và nêu ra ý kiến đóng góp cho từng nhược điểm.

**3.3 Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Mỹ hảo**

Có thể nói, đối với bất kỳ DN nào hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường thì yêu cầu sống còn là phải nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển tốt. Nhà quản trị giỏi sẽ không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn của mình bỏ ra đầu tư và trong đó nâng cao hiệu quả sử dụng NVL là một biện pháp rất tích cực góp phần phát triển hoạt động SXKD.

Liên hệ các kiến thức đã học với thực tế công ty qua quá trình nghiên cứu tham gia ý kiến của các cô chú phòng kế toán , sau đây em xin được mạnh dạn đề xuất một vài ý kiến nhỏ hy vọng đóng góp một phần nào đó trong việc nâng cao chất lượng công tác kế toán tại công ty.

**Ý kiến thứ nhất: Hạch toán chi tiết NVL**

Tại công ty cổ phần Mỹ Hảo, cứ định kỳ 3 đến 5 ngày kế toán xuống kho lấy phiếu nhập kho, đối chiếu với thẻ kho nếu thấy khớp thì ký vào thẻ mà không lập phiếu giao nhận chứng từ giữa kế toán vật liệu và thủ kho.

Vậy theo em, kế toán vật liệu cần lập phiếu giao nhận chứng từ nhập xuất NVL cho từng loại vật tư và khi nhận được chứng từ, kế toán kiểm tra và tính giá cho từng chứng từ, cộng số tiền và ghi vào cột số tiền phiếu giao nhận chứng từ và phiếu này là cơ sở để ghi vào bảng lũy kế nhập xuất tồn. Hơn nữa phiếu này là căn cứ để đối chiếu với thẻ kho. Mẫu phiếu giao nhận chứng từ như sau:

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP (XUẤT) NVL**

Kho.....tháng.....Năm.....

STT	Tên vật tư	Phiếu nhập (xuất)		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người nhận phiếu
		Số hiệu	Ngày				



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Hơn nữa ta biết rằng bảng lũy kế nhập (xuất) NVL được mở cho từng kho tùy thuộc vào thời gian do doanh nghiệp quy định, kế toán xuống kho thu nhập chứng từ để kê cột trong bảng lũy kế nhập (xuất) NVL. Số tồn kho cuối tháng trên bảng này chính là căn cứ để đối chiếu với kế toán tổng hợp.

Hiện nay tại Công ty cổ phần Mỹ Hào có sử dụng bảng lũy kế nhập (xuất) NVL. Nhưng bảng này chỉ liệt kê lại các chứng từ nhập, xuất NVL. Như vậy ưu điểm của phương pháp sổ số dư là làm giảm khối lượng ghi chép bị trùng lặp đã không được phát huy.

Vì vậy, theo em công ty nên thiết kế lại bảng lũy kế nhập (xuất) NVL theo mẫu sau:

### BẢNG LŨY KẾ NHẬP NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng ....năm...

SDDK:\*\*\*

Phiếu giao nhận chứng từ		Diễn giải	Từ ngày 1 đến 5	Từ ngày 6 đến 10	.....	Tổng cộng cột
Số hiệu	Ngày					
1	2	3	4	5	6	7

**Ghi chú:** Bảng lũy kế xuất được lập tương tự theo mẫu trên nhưng không có số dư

#### **Ý kiến thứ hai: Việc đánh giá xuất kho NVL**

Hiện tại công ty áp dụng phương pháp đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ, phương pháp này tuy đơn giản nhưng mức chính xác không cao công việc tính giá lại chỉ thực hiện vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến độ chính xác và tính kịp thời của thông tin kế toán. Chính vì thế theo em trong thời điểm hiện nay, giá cả các mặt hàng lên xuống thất thường không theo một quy luật nào, tốc độ lạm phát cao đặc biệt là nguyên vật liệu nhập khẩu, giá ngoại tệ tăng

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

mạnh. Để giảm thêm được rủi ro, theo em công ty nên lựa chọn phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập. Đơn giá NVL xuất dùng được tính lại sau mỗi lần nhập kho. Phương pháp này đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán nhưng đòi hỏi nhiều thời gian và công sức tính toán. Hiện nay công ty đã áp dụng kế toán máy nên việc tính toán theo phương pháp này sẽ đơn giản hơn và không mất nhiều công sức và thời gian.

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kho, đơn giá vật liệu tính cho từng danh điểm như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị VT tồn kho} + \text{Giá trị thực tế VT nhập}}{\text{Số lượng VT trong kho} + \text{Số lượng VT nhập}}$$

### **Ý kiến thứ ba: Về dự phòng giảm giá NVL**

Có thể nói NVL của công ty rất đa dạng và phong phú, nhiều chủng loại, giá cả thường xuyên biến động. Xong công ty lại không trích lập dự phòng giảm giá vật tư. Việc lập dự phòng NVL là thực sự ý nghĩa với công ty, nhất là khi giá cả không ổn định, tỷ giá hối đoái thất thường mà chủng loại vật tư mua vào nhiều do yêu cầu sử dụng sản xuất.

Việc lập dự phòng giảm giá NVL phải được lập theo các điều kiện trích lập giảm giá NVL không thể vượt quá số lợi nhuận thực tế phát sinh của công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước, và có các bằng chứng về NVL tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá thị trường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán. Trước khi lập dự phòng công ty lập hội đồng giảm giá NVL tồn kho có giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phòng kế hoạch cung ứng.

$$\text{Mức dự phòng thực tế cần lập} = \frac{\text{Số lượng NVL tồn kho mỗi loại}}{\text{Mức chênh lệch giảm giá mỗi loại}} \times$$

\* Phương pháp hạch toán dự phòng giảm giá

Cuối niên độ kế toán đầu tiên lập dự phòng giảm giá NVL

---

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Nợ TK 642

Có TK 159

Cuối niên độ kế toán tiếp theo hoàn nhập dự phòng giảm giá đã lập năm trước

Nợ TK 159

Có TK 632

Và lập dự phòng giảm giá cho năm tiếp theo

Nợ TK 642

Có TK 159

Tóm lại, qua các điều kiện phương pháp lập và phương pháp hạch toán dự phòng trên em thiết nghĩ Công ty nên lập dự phòng giảm giá NVL. Như vậy, vừa tuân thủ nguyên tắc thận trọng trong kế toán lại vừa góp phần bình ổn hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **Ý kiến thứ tư: Về kiểm kê kho**

Công tác kiểm kê kho ở Công ty được tiến hành mỗi năm một lần, nhằm kiểm tra, giám sát vật tư hàng hóa trong kho. Công tác kiểm kê kho thường kéo dài, mặt khác công việc đối chiếu kiểm tra giữa thủ kho và kế toán vật liệu lại không thường xuyên do đó khó phát hiện tình trạng thừa thiếu cũng như tồn kho NVL và không phát hiện được kịp thời. Vì vậy theo em Công ty nên tiến hành kiểm kê kho theo quý (3 tháng 1 lần). Để phục vụ cho việc kiểm kê được nhanh chóng, không kéo dài thời gian, phải kết hợp giữa kho và phòng kế toán. Ở kho phải bố trí NVL một cách ngăn nắp thì kiểm kê mới dễ dàng, xử lý nhanh chóng tình trạng thiếu hụt, mất mát.

### **Ý kiến thứ năm: Về việc nâng cao hiệu quả sử dụng NVL**

Việc sử dụng có hiệu quả NVL là một vấn đề bức xúc đối với các doanh nghiệp. Bởi vì sử dụng tốt và có hiệu quả NVL sẽ là tiêu đề thúc đẩy sản xuất phát triển, mang lại lợi nhuận cao hơn cho doanh nghiệp.

Ở công ty cổ phần Mỹ Hảo như đã phân tích ở trên, việc sử dụng NVL năm 2012 tương đối có hiệu quả cao hơn năm 2011. Nhưng không nên ngừng lại ở đó mà tiếp tục phát huy thêm hiệu quả sử dụng NVL công ty cần:

Tận dụng tối đa nguồn gốc vốn tự có, thực hiện các biện pháp huy động vốn và kiến nghị với Nhà nước bổ sung thêm nguồn vốn đầu tư. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách, tự bổ sung, đi vay.... Công ty cần huy động thêm nguồn vốn khác như thông qua liên doanh, liên kết với các đơn vị khác... vấn đề này muốn giải quyết một cách tuyệt vời thì công ty cần có sự hỗ trợ tích cực và có hiệu quả của cơ quan chủ quản và các cơ quan chức năng như tổng cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại các doanh nghiệp.

Do NVL của công ty rất nhiều và đa dạng nên việc quản lý và bảo quản gặp rất nhiều khó khăn. Công ty cần xem xét để quản lý NVL tốt hơn tránh hao hụt, hư hỏng đặc biệt là NVL nhập ngoại.

### **Ý kiến thứ sáu: Nghiên cứu thị trường, tìm hiểu thị trường.**

Do đặc điểm sản xuất của công ty, NVL chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc cung cấp NVL đầy đủ, kịp thời là rất cần thiết. Điều đó có nghĩa là ta phải có kế hoạch nghiên cứu thị trường để tìm nguồn NVL.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều nguồn cung ứng NVL, các NVL này chất lượng khác nhau. Vì vậy việc thiết lập nguồn cung ứng thuộc công ty cần có kế hoạch tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt hơn, thuận tiện hơn. Việc tìm nhà cung ứng mới sẽ tạo ra sức ép cho nhà cung ứng quen thuộc, điều này tạo cơ hội tăng khoản chiết khấu, giảm giá rất có lợi cho công ty. Hơn thế nữa tìm hiểu thị trường tốt còn giúp công ty có những bước đi đúng trong công tác thu mua, dự trữ trong các thời điểm khác nhau, tránh phải mua NVL giá cao khi thị trường có sự khan hiếm NVL.

Hơn nữa bộ phận cung ứng cần nghiên cứu tìm mua NVL trong nước thay thế cho hàng nhập ngoại mà vẫn đảm bảo, không ngừng nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời trách nhiệm sẽ không phụ thuộc quá nhiều vào thị trường nước ngoài.

Mặc khác, ở nước ta hiện nay lãi suất cho vay VND đã liên tục được điều chỉnh tiệm cận với nhu cầu của các doanh nghiệp. Trong thời gian qua chính phủ và ngân hàng nhà nước liên tục có những giải pháp nhằm kích thích tăng trưởng. Theo tính toán của các nhà kinh tế, trong những tháng cuối năm 2012 có hàng ngàn tỷ đồng vốn đầu tư công được chi tiêu vào nền kinh tế. Số vốn đầu tư công này có thể giúp giải quyết những vấn đề tồn kho, cải thiện cầu của nền kinh tế, làm tăng nhu cầu nhập khẩu.

Bên cạnh đó sự biến động của thị trường ngoại hối vào giai đoạn cuối năm 2012 không nhiều tương đối ổn định (ở mức 20,828 VND/USD, biến động không quá 2–3%) nguồn cung USD dồi dào. Trên thế giới, giá hàng hóa thế giới đang có xu hướng giảm. Có thể nói rằng, đây là cơ hội tốt để doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu nước ngoài với giá rẻ hơn, giúp doanh nghiệp chủ động sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh, đón đầu xu thế tăng trưởng trong tương lai không xa.

Tóm lại, với tư cách là người mua hàng, công ty nên chọn mua của nhà cung cấp có mức giá cạnh tranh nhất. Đôi khi nhập khẩu NVL lại có lợi cho công ty hơn với chất lượng tốt hơn mà giá cả rẻ hơn mua trong nước. Vì vậy công ty cần phải đẩy mạnh kế hoạch nghiên cứu và tìm hiểu thị trường.

### **Ý kiến thứ bảy: Hoàn thiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu**

#### **\* Cơ sở lý luận**

Trong mỗi doanh nghiệp hiện nay muốn tạo ra sự hiệu quả trong công việc thì việc xây dựng được định mức tiêu hao NVL càng cần được chú trọng, nhất là lĩnh vực sản xuất của công ty có NVL chiếm tỷ trọng lớn, đa dạng và

nhieu chủng loại. Có thể nói rằng công tác định mức nói chung và định mức tiêu hao NVL nói riêng là một nội dung của công tác quản lý, vì thế muốn nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp không thể không coi trọng việc nâng cao hiệu quả của công tác định mức. Định mức phải được xây dựng cho phù hợp với điều kiện tiêu dùng và bảo quản đối với mỗi loại NVL và cho tất cả các khâu, công việc này có sử dụng nguyên vật liệu bởi:

Định mức tiêu hao NVL là căn cứ để xây dựng và thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ NVL. Xây dựng được một kế hoạch đúng sẽ đảm bảo được tiến độ sản xuất, giảm thừa thiếu, bổ sung NVL.

Định mức tiêu hao nguyên vật liệu là căn cứ xác định và tổ chức tiếp nhận, cấp phát NVL đúng và kịp thời cho các phân xưởng sản xuất.

Định mức NVL không những là thước đo đánh giá việc áp dụng những tiến bộ công nghệ, kỹ thuật mà còn là chỉ tiêu kích thích được cán bộ công nhân viên sử dụng đúng đắn, hợp lý, tiết kiệm NVL mà vẫn đảm bảo chất lượng.

Từ đó ta thấy xây dựng định mức tiêu dùng NVL là nội dung quan trọng nhất, là điểm xuất phát của quá trình sử dụng NVL

### *\* Trên thực tế*

Công tác xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại công ty chưa thực sự hiệu quả. Hiện nay định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại công ty được xây dựng trên cơ sở hoàn thiện các định mức trước đây bằng các phương pháp thống kê kinh nghiệm nên chưa đảm bảo được tính tiên tiến, hiện thực, dẫn đến lượng nguyên vật liệu còn dùng lãng phí.

Số lượng nhân viên bộ phận định mức còn quá ít (chỉ có 3 người), năng lực chưa cao trong khi các đơn đặt hàng nhiều và với số lượng lớn nên việc đưa ra định mức chậm, chưa đáp ứng quá trình sản xuất.

### ***Giải pháp:***

Để hoàn thiện hệ thống định mức tiêu hao NVL, trước hết cần phải xem xét lại cơ cấu của định mức gồm phần nguyên vật liệu kết tinh trong sản phẩm và phần tổn thất có tính chất công nghệ. Để hạ thấp định mức ta cần:

- Giảm lượng NVL kết tinh trong sản phẩm mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm, từ đó giảm chi phí NVL trong sản phẩm, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm.
- Giảm tỷ lệ hao hụt quy định cho mỗi loại NVL cho sản xuất tới mức tối thiểu mà máy móc và trình độ công nhân có thể làm việc với lượng NVL đó

Muốn xây dựng được định mức hợp lý, cán bộ phụ trách phải là người am hiểu vấn đề, có kiến thức chuyên sâu vì vậy phải

- Cử cán bộ xây dựng định mức đi học tập, nghiên cứu phương pháp cao hơn đó là phương pháp phân tích
- Xem xét đánh giá thực trạng công nghệ kỹ thuật, trình độ tay nghề công nhân và lượng vốn cần thiết để áp dụng phương pháp này. Trên cơ sở đó hướng đầu tư thích hợp như cải tiến quy trình công nghệ, bố trí lại sản xuất, mở các lớp đào tạo tay nghề công nhân, bồi dưỡng kiến thức về ISO, nghiệp vụ cho cán bộ kiểm tra chất lượng NVL đầu vào...

Để xây dựng phương pháp phân tích cần thực hiện đúng theo 3 bước :

***Bước 1:*** Thu thập, nghiên cứu tài liệu về đặc tính kỹ thuật của mỗi loại NVL.

***Bước 2:*** Phân tích từng thành phần trong cơ cấu định mức và các nhân tố ảnh hưởng tới nó như tỷ lệ hao hụt tại các phân xưởng, hàm lượng NVL kết tinh trong sản phẩm.

***Bước 3:*** Tổng hợp thành phần đã được tính toán trong định mức

### Ý kiến thứ tám: Hoàn thiện về nhân sự

Trong giai đoạn hội nhập kinh tế toàn cầu, để các doanh nghiệp nắm lấy các cơ hội phát triển thì việc phát triển lực lượng lao động giỏi, tay nghề cao cần được chú trọng, nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường. Nguồn nhân lực tốt là một sự đảm bảo cho sự phát triển lâu dài và bền vững.

Đòi hỏi đội ngũ cán bộ của công ty cần phải năng động sáng tạo, nắm hết các yếu tố của thị trường một cách nhanh nhạy, công nhân ở phân xưởng phải qua đào tạo cho từng ngành nghề thích hợp với điều kiện SX của công ty.

Vậy phương pháp ở đây là:

Thứ nhất : tuyển chọn tốt các nhân viên kế toán vật tư đòi hỏi phải có trình độ, trung thực, có thâm niên công tác đảm bảo theo dõi một cách chính xác, tránh thất thoát NVL.

Thứ hai: Công ty nên mở các lớp hướng dẫn đào tạo công nhân mới thành công nhân sản xuất lành nghề, có trình độ và ý thức sản xuất. Cần kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo lý thuyết và thực hành để người công nhân dễ dàng nắm bắt những yêu cầu mới của sản xuất.

Thứ ba: Công ty nên đẩy mạnh hơn nữa chính sách đãi ngộ, khen thưởng đãi ngộ với lao động giỏi. Tăng thu nhập và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên. Hàng năm cần tạo quỹ công đoàn có điều kiện cho toàn bộ cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, tham quan.

Có thể nói những yếu tố trên là động lực phát triển kinh doanh của công ty là chất keo dính giữa người lao động và công ty.

➔ Nói tóm lại, trong từng giai đoạn phát triển để phù hợp với quy mô sản xuất, yêu cầu quản lý và hạch toán đúng chế độ kế toán Công ty nên nhìn nhận, đánh giá một cách chính xác và có các biện pháp cụ thể để giải quyết những tồn tại hiện có nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng NVL.



## KẾT LUẬN

Một lần nữa chúng ta có thể khẳng định rằng kế toán NVL là một bộ phận rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân và thông thường chiếm một tỷ trọng không nhỏ trong tổng cơ cấu tài sản của bất kỳ đơn vị sản xuất nào. Kế toán NVL có tác dụng to lớn trong quản lý kinh tế và quản trị doanh nghiệp.

Thực tế tại Công ty cổ phần Mỹ Hảo cho thấy công tác tổ chức hạch toán NVL giúp lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, nó phản ánh chính xác và đầy đủ tình hình thu mua, sử dụng và dự trữ NVL. Từ đó công ty mới có biện pháp chỉ đạo đúng đắn.

Sau một thời gian thực tập tại công ty cổ phần Mỹ Hảo, em thấy rằng với tư cách là một trong những doanh nghiệp sản xuất lớn của ngành sản xuất bao bì, nilon, màng mỏng, nhựa. Công ty đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với sự đổi mới cải thiện hệ thống công tác tổ chức kế toán chung của nhà nước ta. hiện nay , công tác tổ chức kế toán của Công ty đã được hoàn thiện từng bước. Với mục đích đó em đã đi sâu nghiên cứu và qua đó đã đưa ra một số ý kiến nhằm đóng góp một phần nhỏ hoàn thiện hơn công tác tổ chức hạch toán NVL.

Tuy nhiên trong thời gian thực tập và trình độ có hạn nên những vấn đề đưa ra chắc không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong rằng sẽ nhận được những ý kiến đóng góp của thầy, cô giáo và các cô chú trong ban lãnh đạo công ty cho bài khóa luận của em được hoàn thành về mặt lý luận và có tính thực tiễn cao.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Thạc Sĩ **VŨ HÙNG QUYẾT** đã tận tâm hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình để hoàn thành bài khóa luận này. Em xin chân thành cảm ơn bác **VŨ THỊ ÁNH** giám đốc công ty và chị **HOÀNG THỊ HUẾ** kế toán trưởng đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình thu thập tài liệu để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

*Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2013.*

**SINH VIÊN THỰC HIỆN**

*Nguyễn Thị Hải Yến*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**1. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mức kế toán Việt Nam.**

TS. Nguyễn Văn Lợi

**2. Giáo trình kế toán doanh nghiệp sản xuất.**

Bộ tài chính

**3. Kế toán tài chính**

Thạc Sĩ: Đặng Thị Loan - Giảng viên trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân

TS. Võ Thị Nhị - Giảng viên trường Đại Học Kinh Tế thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Anh Khoa - Giảng viên trường Đại Học Kinh Tế thành phố Hồ Chí Minh.

Thạc Sĩ: Nguyễn Thị Ngọc Dung - Giảng viên trường Đại Học Kinh Tế thành phố Hồ Chí Minh.

Thạc Sĩ: Trần Thị Duyên - Giảng viên trường trung học – tài chính - kế toán

**4. Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ**

TS: Võ Văn Nhị

Thạc Sĩ: Trần Văn Viết

**5. Phân tích hoạt động kinh doanh - trường đại học bách khoa Hà Nội**

\_ Và một số tài liệu khác